

BÁCH KHOA

SỐ 34 — NGÀY 1-6-1958

Trong số này :

HOÀNG-MINH-TUYNH Chế độ Dân chủ mácxít (tiếp theo).

XXX Nhìn qua tổ-chức lãnh đạo tiền tệ của Đức.

NGUYỄN-NÔNG-ĐÀI Đại học và Cao đẳng.

NGUYỄN-NGU.Í Nguyễn-Huê (tiếp theo).

TIÊU-DÂN (dịch) Báo tố trên lục-địa Trung-hoa.

LƯU-NGUYỄN Đ.T.T. Nhân mấy cái án các văn nghệ sĩ, học giả, trí thức miền Bắc nước Việt.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU Vấn đề nước đối với nông dân ở Việt Nam.

NGUYỄN-HUY-KHÁNH Lục đàm truyện Thủy-Hử (tiếp theo).

DIỄN-NGHỊ Vương vương (thơ).

VŨ-HẠNH Một chuyến xe (truyện ngắn).

PHAN-LAC-TUYẾN Sáu tư bộ lạc (thơ).

KIỀU-YIÊU Cát Càn (dịch Liêu Trai).

Á-NAM-TRẦN-TUẤN-KHẢI Đường thi dịch giải.

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG }
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) } Khói lửa kinh thành.

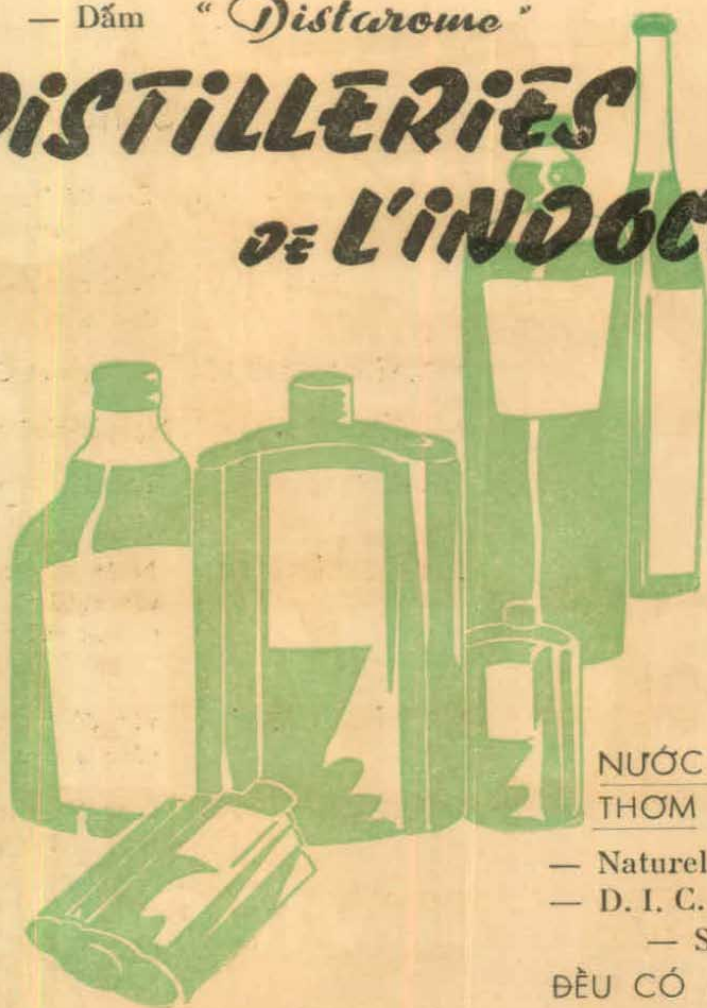
RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cu*" 40° và 50°
 — Rượu Tàu "*Lào-Mạnh-Tửu*"
 — Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tửu*"
SI-RÔ "*Verigoud*" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES ***DE L'INDOCHINE***



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
 — D. I. C. 5 — Lavande
 — Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

Ở NAM-PHAN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)

135, đường Pasteur — SAIGON

Ở TRUNG PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ (S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

Đi PARIS bằng phi-cơ « SUPER G »



SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG")

cất cánh 18 giờ 15 mỗi thứ hai

SAIGON HONG-KONG

bằng DC-4 VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

cất cánh 7 g 30	}	mỗi thứ tư
về tới Saigon 19 g 30		

SAIGON HONG-KONG : mỗi Chúa nhật và thứ Năm

HONG-KONG SAIGON : mỗi thứ Hai và thứ Sáu

(chung với AIR-FRANCE bằng SUPER-CONSTELLATION)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur

— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perçuses
		BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY		FOUR ROSES	Bourbon
PRAT	Vermouth		



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les deux béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

THIRIEZ ET CARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)

« MÉLIA »

**Société Indochinoise de Documentations
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. O.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. O.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

Trong các số tới :

- Những thiên khảo luận công phu.
- Những sáng tác văn nghệ đặc sắc của các cây bút quen thuộc.

Nguyễn-văn-Ba

Hư-Chu

Tiểu-Dân

Vi-huyền-Đắc

Nguyễn-Đồng

Trần-Hà

Vũ-Hạnh

Phạm-hoàng-Hộ

Nguyễn-Hóa

Quang-Huấn

Á Nam Trần-tuấn-Khai

Trần-văn-Khê

Huỳnh-văn-Lang

Nguyễn-thiện-Lâu

Nguyễn-hiến-Lê

Hoàng-ngọc-Liên

Cô-Liêu

Nguyễn-anh-Linh

Bình-nguyên-Lộc

Phạm-hoàn-Mĩ

Nguyễn-ngọc-Ngư

Thoại-Nguyên

Võ-Phiến

Thuần-Phong

Nguyễn-Phúc

Văn-Quang

Lê-văn-Siêu

Đỗ-Tấn

Phạm-Tăng

Hoàng-minh-Tuynh

Phan-lạc-Tuyên

Phạm-ngọc-Thảo

Mặc-Thu

Nguyễn-văn-Trung

Lê-Văn...



BÁCH-KHOA

Số 34 — Ngày 1-6-1958

- HOÀNG-MINH-TUYNH Chế độ Dân chủ mác-xít
(tiếp theo).
- X X X
- NGUYỄN-NÔNG-ĐÀI Nhìn qua tổ-chức lãnh đạo
tiền tệ của Đức.
- NGUYỄN-NGU-Í Đại học và Cao đẳng.
- NGUYỄN-NGU-Í Nguyễn-Huệ (tiếp theo).
- TIỂU-DÂN (dịch). Bảo tố trên lục địa Trung-hoa.
- LƯU-NGUYỄN Đ.T.T. Nhân mấy cái án các văn
nghệ sĩ, học giả, trí thức miền
Bắc nước Việt.
- NGUYỄN-THIỆU-LÂU. Vấn đề nước đối với nông dân
ở Việt-Nam.
- NGUYỄN-HUY-KHÁNH Lược đàm truyện Thủy-Hử
(tiếp theo).
- DIÊN-NGHỊ. Vương vương (thơ).
- VŨ-HẠNH Một chuyến xe (truyện ngắn).
- PHAN-LẠC-TUYỀN Sầu tư bộ lạc (thơ).
- KIỀU-YIÊU Cát Càn (dịch Liêu Trai).
- Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI. Đường thi dịch giải.
- LÂM-NGŨ-ĐUỜNG }
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) } Khói lửa kinh thành.

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HUỲNH-VĂN-LANG

Những chỉ tiêu của chính-phủ và tình hình kinh tế hiện tại.

Thư đặt lại vấn đề xã hội tại Việt-Nam.

HOÀNG-MINH-TUYNH

: *Chế độ dân chủ mác-xít (tiếp theo).*

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

: *Trương-Phúc-Giáo và sự mở mang tỉnh Hà-tiên.*

NGUYỄN-VĂN-HÀM

: *Nếp sống Đông-Phương.*

PHAN-SƠN-VŨ

: *Vấn đề báo chí tại Hoa-kỳ.*

NGUYỄN-VĂN-XUNG

: *Tình yêu Thiên-nhiên trong ca-đạo Việt-Nam.*

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

: *Bàn về vấn đề dịch sách.*

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

Bình vực tiếng địa phương.

và NGUYỄN-NGU-Í

TÂN-FONG-HIỆP

: *Nhớ Tân-Đà.*

TRẦN-HỒNG-HÙNG

: *NGƯỜI làng Phù-đồng-*

LƯU-NGUYỄN Đ. T. T.

(dịch thuật)

: *Những chặng đường của một cuộc tuyệt tan giá rã (liều thuyết Nga-sô từ Jdanov tới tân Xích-Ta-Lin chủ nghĩa).*

KIỀU-YIÊU

: *Thụy-Vân (truyện Liêu Trại).*

Cùng các bạn mua toàn tập Bách-Khoa

Ty quản lý Bách-Khoa trân trọng báo để quý bạn rõ hiện nay Bách-Khoa số 1 đã in xong, vậy những bạn nào mua toàn tập Bách-Khoa mà còn thiếu số 1, xin biên thư về Tòa soạn Bách-Khoa, Hộp thư số 339, để Ty quản lý gửi báo ngay cho các bạn.

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC - XÍT

NGUỒN GỐC LÝ TƯỞNG DÂN CHỦ MÁC-XÍT

Từ Rút-xô đến Mác

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

(tiếp theo)

3. — Cuộc cách-mệnh Pháp năm 1848 và lý tưởng của chính thể Cộng hòa Xã hội.

Ta đã biết, một trào lưu dân chủ khác với trào lưu dân chủ cổ điển bắt nguồn từ trong tư tưởng của Rút-xô và trào lưu ấy đã nổi lên trên mặt trong những năm 1793-1794 rồi từ đó cứ tiến ngầm sâu xuống dưới cho tới năm 1848 mới lại thấy nổi lên.

A. — Những sắc thái đặc biệt của cuộc Cách mệnh Pháp năm 1848.

Năm 1848 đã đánh dấu một cuộc Cách mệnh chẳng những tại nước Pháp mà còn tại nhiều nước khác ở Âu châu như nước Ý, nước Đức. Muốn cho vắn tắt, ở đây, chúng tôi chỉ xin nói riêng về nước Pháp vì ở đó, cuộc cách

mệnh có nhiều sắc thái đặc biệt hơn cả.

1^o) Nguyên cơ thúc đẩy dân chúng Balê khởi nghĩa tháng Hai năm 1848, chính là ý chí muốn làm một cuộc cách mệnh, chẳng những để thiết lập chế độ dân chủ chính trị, mà còn muốn thực hiện một chế độ dân chủ xã hội nữa. Cuộc khởi nghĩa nổ bùng vào giữa lúc nước Pháp đang có khủng hoảng kinh tế, khiến cho hoàn cảnh sinh hoạt của công nhân càng thêm trầm trọng và nạn thất nghiệp càng thêm lớn lao. Đầu đầu cũng đòi «quyền được có việc làm» và ý tưởng «phải có việc làm» trở nên một lực lượng thúc đẩy đám công nhân hành động quyết liệt. Các đảng viên xã hội họp thành một khối hoạt động tích cực nhất trong đám đảng viên Cộng hòa tại

Quốc hội. Mọi người ở Balè bấy giờ đều đồng ý cho rằng cuộc Cách mệnh năm 1789 chỉ là một giai đoạn; rằng cuộc Cách mệnh ấy đã bị bỏ nửa chừng; rằng đã đến lúc phải hoàn thành cuộc Cách mệnh chính trị năm 1789 bằng cuộc Cách mệnh xã hội.

2^o) Trong trí dân chúng bấy giờ hiện rõ rệt ý niệm dân chủ không phải chỉ có một nội dung chính trị, nó còn chứa đựng nội dung kinh tế và xã hội. Tự nhiên khi ý niệm đã rõ rệt và thế lực đã dồi dào hăng hái, thì kết quả phải đến tất đến và biến thành cuộc Cách mệnh thật sự.

3^o) Về Chủ nghĩa xã hội ảnh hưởng đến cuộc Cách mệnh năm 1848, ta không nên quên đó chỉ là chủ nghĩa xã hội lý tưởng hay không tưởng, chứ không phải là chủ nghĩa xã hội mác xít, khi ấy còn đang lập thành và chưa phổ biến được bao nhiêu. Chủ nghĩa xã hội đó không phải là trào lưu khác biệt với trào lưu dân chủ cổ điển, nó chỉ là một chi lưu hợp dòng, làm cho dòng thêm lớn hơn mà thôi. Những chính kiến của Cách mệnh năm 1848 là những chính kiến có tính chất nhân đạo và tự do rất sâu đậm, ai nấy đều tin tưởng một chế độ dân chủ xã hội có thể thực hiện yên tĩnh, bằng phổ thông đầu phiếu theo đường lối của chế độ dân chủ chính trị đã kẻ vạch ra, mà không cần phải dùng đến bạo lực.

Bởi vậy, trên một khía cạnh, năm 1848 đã đánh dấu sự hòa hợp giữa lý tưởng dân chủ cổ điển và lý tưởng dân chủ xã hội, lý tưởng có ít nhiều liên quan với những khuynh hướng « vô sản » của Đệ nhất Cộng Hòa Pháp.

B. — Di sản của cuộc cách mệnh năm 1848.

Tuy nhiên, cuộc cách mệnh năm 1848 đã gây ra nhiều hậu quả khác, rất quan trọng trên địa hạt ta đang khảo sát. Cuộc cách mệnh trên đã làm nảy sinh nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau, và mỗi khuynh hướng sau này có những sở phận khác nhau, muốn hiểu biết tường tận, cần phải khảo sát lại tất cả lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa mới được. Tuy nhiên, có điều quan trọng ta cần biết ở đây là trong cuộc cách mệnh năm 1848, mọi người đều công nhận dân chủ chính trị không mang lại kết quả gì, nếu không có dân chủ kinh tế và xã hội, và đều thấy cần phải thiết lập một nền dân chủ toàn diện, sau những cuộc khủng hoảng do chủ nghĩa tự do kinh tế đã gây ra.

1^o) Tưởng rằng các nhà cách mệnh năm 1789 không nêu lên vấn đề dân chủ kinh tế và xã hội là một điều lầm. Có điều phần lớn các nhà cách mệnh hồi ấy đều tin tưởng rằng làm sao phối hợp được dân chủ chính trị với tự do kinh tế, thì tự nhiên vấn đề trên sẽ thực hiện được. Chúng tôi đã đề cập tới vấn đề này khi bàn về mối liên hệ giữa chủ nghĩa tự do của phái Trọng Nông và các tư tưởng Cách mệnh năm 1789 (Bách khoa số 12 ; 1-7-1957 ; tr. 10-13 : Chế độ dân chủ cổ điển : Chủ trương của phái Trọng Nông). Tóm tắt đại khái là như thế này: trong hoàn cảnh tự do cạnh tranh và tự do kinh tế nói chung, chế độ dân chủ kinh tế tự nhiên sẽ thực hiện được.

Vậy dân chủ trên bình diện kinh tế là gì? Cũng như trên bình diện chính trị, dân chủ trên bình diện kinh tế là

do quyết định tự động của mỗi cá nhân và quyết định tự động của cả đoàn thể thiết lập nên. Dân chủ trên bình diện kinh tế, sẽ thực hiện khi mỗi cá nhân được tự do theo sở thích của mình (1) và khi kinh tế trong nước do mọi người hay ít là đa số điều khiển. (2)

Phái chủ trương tự do kinh tế tự cho chủ trương của mình có thể thực hiện được hai điều kiện đó. — Điều kiện trên (1) đối với họ, là điều dĩ nhiên vì chủ trương của là để cho mỗi người tha hồ hoạt động theo sở thích trên địa hạt kinh tế, nhà nước chỉ can thiệp với tư cách cảnh sát, nghĩa là gìn giữ đừng cho ai xâm phạm đến quyền của ai mà thôi.

Điều kiện sau (2) phái chủ trương tự do kinh tế cũng cho với chủ trương của mình, có thể thực hiện được, vì kinh tế trong một thế giới tự do, mọi người đều tham gia vào công việc điều khiển. Thật vậy, theo họ thì các hiện tượng sản xuất, mậu dịch và phân phối đều phục thuộc các *định luật thiên nhiên* của kinh tế, và các định luật thiên nhiên này chẳng qua là kết quả của sự kết tập sáng kiến của các cá nhân lại với nhau, hay nói một cách khác cho rõ ràng hơn, là sáng kiến của các cá nhân, một khi được tự do sinh hoạt trên trường kinh tế, tự nhiên sẽ phối hợp với nhau một cách điều hòa và tự nhiên lập thành định luật cho sự sản xuất, mậu dịch và phân phối sản phẩm. Bất luận cá nhân nào trong xã hội cũng dự phần trong việc lập thành định luật thiên đó, kể cả các bà nội trợ khi xách giỏ đi chợ. Trong chế

độ tự do lý tưởng, mỗi người chúng ta đều vừa là kẻ bị thống chế lại vừa là kẻ thống chế trong địa hạt kinh tế : là kẻ bị thống chế, vì cùng phục thuộc các định luật thiên nhiên là kết quả của sự phối hợp các sáng kiến tự do của các cá nhân khác ; là kẻ thống chế vì cũng dự phần lập thành các định luật thiên nhiên ấy và cũng góp sức vào việc thống chế nền kinh tế bằng các hành vi thường nhật của mình. Mỗi hành vi trên trường sinh hoạt kinh tế, dù là những hành vi rất tầm thường nhỏ mọn, như mua đồ vật, hay trái lại từ chối không mua đồ vật, để dành tiền tiết kiệm v.v... đều là một lá phiếu biểu quyết việc thống chế kinh tế trong nước.

Trong viễn tượng đó, không nên tưởng rằng người nọ được thống chế nhiều hơn người kia. Người chủ không thống chế nhiều hơn người thợ. Khi người chủ bỏ tiền lập xưởng máy, mướn nhân công, mua vật liệu, người ấy phải chịu phục thuộc các định luật thiên nhiên, cũng như một người thợ nghèo khó nhất của mình. Người ấy không thể độc đoán mà đi hướng này hay hướng nọ.

Cố nhiên, quyền của người chủ rộng rãi hơn, nhưng người ấy hành sử quyền không phải như một kẻ thống chế, mà như một người công chức, người ấy thừa hành định luật thiên nhiên cũng như người công chức thừa hành pháp luật dân sự. Hơn thế, trong chế độ kinh tế tự do thuần túy, mỗi người đều có thể trở nên nhà kinh doanh, nếu đó là sở thích của họ và nếu họ có đủ năng lực, cũng như trong chế độ dân chủ, mọi người đều có thể chiếm được bất luận

chức vụ nào trong công sở, nếu họ có đủ sức, đủ tài.

Bởi vậy trong chế độ tự do, kinh tế do định luật thiên nhiên chi phối, nghĩa là do sự lựa chọn của các cá nhân gom lại, chính thật là do mọi người điều khiển, mà lại không do ai điều khiển hết. Định luật thiên nhiên biểu hiện ý chí chung một cách đúng đắn hơn hết, vì các định luật ấy xuất phát từ mọi người mà không xuất phát đích từ một người nào. Thật đó không những là một chế độ dân chủ thiết thực nhất, lại còn là chế độ hoàn hảo nhất vì chế độ ấy đồng hóa hoàn toàn kẻ bị thống chế với kẻ thống chế.

Chính do mỗi tin tưởng căn bản trên, mà hầu hết các người thời Đại Cách mệnh Pháp năm 1789 đều cho rằng vấn đề dân chủ kinh tế và xã hội, nhờ chủ nghĩa tự do, có thể không cần nêu lên mà vẫn giải quyết được. Vì vậy họ mới gom dồn nỗ lực để thực hiện cho bằng được chế độ dân chủ chính trị. Họ cho rằng dân chủ chính trị thực hiện rồi thì dân chủ kinh tế sẽ đương nhiên thực hiện.

2^o) *Phê bình chủ trương dân chủ kinh tế tự sinh (tự nhiên phát sinh).*

Chủ trương dân chủ kinh tế tự sinh thời Đại Cách mệnh Pháp năm 1789 đã bị Cách mệnh năm 1848 đem ra phê bình và chỉ trích về ý niệm cho rằng tự do kinh tế nhất định sẽ dẫn tới dân chủ kinh tế. Chính tư tưởng xã hội chủ nghĩa và kinh nghiệm cụ thể của chủ nghĩa tư bản cận đại đang trong thời kỳ phát triển đã đưa người ta đến chỗ phê bình và chỉ trích trên.

Dưới đây, chúng tôi xin lược thuật ít nhiều điểm chính.

a) Không thể nào quan niệm được dân chủ chính trị, nếu địa vị sinh hoạt kinh tế của người dân trong xã hội còn đầy dẫy bất bình đẳng. Đành rằng sự tuyển trạch tùy theo tài đức của người ta, là chính đáng, nhưng tài đức phải chăng phần lớn còn do điều kiện kinh tế quyết định, như con cái nhà giàu hẳn có nhiều phương tiện để đào luyện con em họ được nhiều tài, đủ đức hơn con em nhà nghèo. Sự bất bình đẳng đã nằm ngay trong sự bất bình đẳng về điều kiện sinh hoạt kinh tế rồi, thì bao giờ còn mong thực hiện được dân chủ chính trị? Sanh-Si-mông (Saint Simon) một triết gia Pháp đã kịch liệt đã kịch chế độ di sản trong dân luật và cho việc để con cái thừa hưởng di sản gây dựng bằng công lao của cha mẹ chúng, là trở lực quan trọng để thực hiện dân chủ kinh tế vậy.

b) Bảo rằng mọi cá nhân đều tham dự bằng nhau vào việc thống chế kinh tế là điều không đúng. Do thủ đoạn tập trung của tư bản chủ nghĩa, nhiều kẻ được ưu đãi đã độc chiếm quyền thống chế kinh tế để thủ lợi cho riêng mình (1). Khi tập trung tới một cao độ

(1) Cf Hoàng thức Trâm, Hán Việt Tân Tự Điển.— Vài cá nhân hoặc vài công ty nhỏ tập trung tư bản làm thành công ty lớn để có thể sinh sản đại qui mô, khiến sinh sản phí được giảm bớt, giá các thương phẩm được hạ mà cạnh tranh được với các nhà đại tư bản khác. Do sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản, lần lần những tiểu tư bản gia bị đại tư bản gia thôn tính, tư bản tập trung ở trong tay số ít nhà tư bản lớn, hình thành những «tờ rút» là bọn quách đầu kinh tế cầm nắm hết cả quyền lợi kinh tế trong xã hội.

nào đó, chủ nhân (cá nhân hay công ty) có thể dùng bán độc quyền của họ mà tránh được các hậu quả của định luật thiên nhiên và khiến chúng quay trở lại làm lợi cho họ. Thí dụ khi họ có thể quyết định giá cả, tiền công thì chắc họ không còn phải là công chức phục thuộc định luật thiên nhiên như chủ thuyết tự do đã nói, mà là kẻ độc tài trên trường kinh tế. Proudhon đã kịch liệt đã kịch sự trơ trẽn biến thiên này của chủ nghĩa tư bản. Để thay thế chủ nghĩa tư bản của một số tiểu xí nghiệp tự do cạnh tranh, xuất hiện chủ nghĩa tư bản của một số đại xí nghiệp độc quyền, khiến cho dân chủ kinh tế không thể nào nguyên nhờ định luật thiên nhiên mà thực hiện được. Bao nhiêu phương tiện, thế lực đều nằm chắc trong tay một số chúa tề trên trường kinh tế mất rồi.

c) Bởi những lý do đã kể trên mà dân chủ kinh tế và xã hội trở thành chuyện hão huyền khiến cho dân chủ chính trị cũng trở thành chuyện hão huyền nốt. Đó là tai hại nguyên do cốt thiết sau đây :

Trước hết, có nhiều quyền tuy dân chủ chính trị công nhận cá nhân nào cũng có, mà rút cuộc có cũng như không, nếu dân chủ kinh tế không đi kèm theo dân chủ chính trị. Thí dụ trên nguyên tắc, một công nhân hay một nông dân đều có tư cách ứng cử tại các nghị hội đại nghị, như một chủ nhân hay một luật sư. Nhưng thiếu học thức, thiếu tài sản, thiếu thì giờ, làm sao trên thực tế họ có hy vọng đắc cử ?

Lại nữa, khi các đoàn thể hay cá nhân khống chế sinh hoạt kinh tế trong xã hội thì cũng khống chế luôn sinh hoạt chính trị và áp đảo cả nhà nước để thủ thắng cho mình.

Bằng cách xâm chiếm các cơ quan ngôn luận, xuất tiền mua phiếu của cử tri, dùng thế lực kim ngân làm lũng đoạn nền tài chính quốc gia, họ trở nên những vị bá chủ độc đoán khống chế mọi ngành hoạt động trong nước tùy theo ý muốn và sở thích của họ.

Dân chủ chính trị, cũng như dân chủ kinh tế, thành thử trở nên những danh từ trống rỗng, hữu danh vô thực.

3^o) Chủ nghĩa xã hội và chế độ dân chủ.

Những ý niệm trên một ngày một trở nên mãnh liệt và tăng theo một nhịp với những đặc tính của chế độ tư bản chủ nghĩa từ khi hình thành. Chủ nghĩa xã hội mác xít ra đời đóng phần không nhỏ vào sự kích thích cho những ý niệm đó trở nên sâu đậm và cuồng nhiệt hơn song đó là vấn đề chúng tôi muốn tạm gác một bên để sẽ thảo luận trong những số báo sau. Tuy nhiên, ngay cả trong những xứ không theo hoặc không chịu ảnh hưởng chủ nghĩa mác xít, ta cũng thấy có nhiều ý niệm được người ta thừa nhận một ngày một nhiều.

a) Thứ nhất, người ta thấy dân chủ kinh tế và xã hội là cần thiết để bảo đảm cho dân chủ chính trị. Song muốn thực hiện dân chủ kinh tế và chính trị, người ta cho rằng không thể nào đi ngoài đường lối của chủ nghĩa xã hội (1) là chủ nghĩa chủ trương quyền kinh tế phải chuyển từ tay một vài tư nhân vào trong tay nhà nước, nghĩa là vào trong tay hết mọi người.

b) Thứ hai, người ta cho rằng chỉ dân chủ của chủ nghĩa xã hội mới

(1) Danh từ chủ nghĩa xã hội chúng tôi dùng đây là chủ nghĩa xã hội, lý tưởng hay không tưởng chứ không phải là chủ nghĩa xã hội mà Cộng sản vẫn dùng để chỉ chủ nghĩa xã hội mác xít.

bảo đảm tự do cho hết mọi người bằng cách bảo vệ những kẻ yếu thế; chỉ dân chủ của chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm bình đẳng cho hết mọi người, khiến cho mọi người có điều kiện tiến thủ bằng nhau; chỉ có dân chủ của chủ nghĩa xã hội mới thống chế kinh tế một cách dân chủ khiến cho kinh tế trở thành vật sở hữu của mọi người, vì chính Nhà nước nắm quyền điều khiển và Nhà nước đại diện cho cộng đồng quốc dân.

c) Thứ ba, người ta cho rằng: chủ nghĩa xã hội không những không xâm phạm gì đến dân chủ chính trị, mà chỉ nó mới thực hiện nổi được dân chủ chính trị. Chỉ chủ nghĩa xã

hội mới gìn giữ được mọi *tự do chính trị* (như tự do cá nhân, tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận v.v...) và phứt bỏ những cái gọi là *tự do kinh tế* mà trên thực tế đã trở thành những phương tiện thống chế của một thiểu số giàu mạnh.

Ta sẽ có dịp xét đến vấn đề tối quan trọng là vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và coi xem việc xã hội hóa kinh tế có thật đã không xâm phạm đến tự do chính trị chăng?

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

Kỳ sau: Chủ nghĩa mác xít.

Danh ngôn, danh lý trong số này quy về ý chính:

NHIỆM VỤ CỦA MỖI NGƯỜI, KHI ĐÃ LÀ NGƯỜI

TỰ CHẾ, KHẮC KỶ

II. — TRỞ THÀNH MỘT CHÂN GIÁ TRỊ

☆ Lòng có cao thượng thì người mới cao thượng, mà lòng chỉ cao thượng khi nào thắng được các mối ác cảm, hiểm khích. Ta phải như đá nam châm hút sắt: chớ bao giờ dễ mất sức hút của mình.

GABRIEL PALAU

☆ Cách duy nhất gây ảnh hưởng trên anh em là nâng cao cuộc sống của mình lên.

Không bao giờ tôi tin lời nói của một người có thể đi tới hành động, khi mà cuộc sống của người ấy không có gì đáng nêu gương cho ai.

HONORÉ ESQUERRÉ

BÁCH KHOA XXXIV

NHÌN QUA TỔ CHỨC LÃNH ĐẠO TIỀN TỆ CỦA ĐỨC

Bài của X.X.X.

THÁNG 6 năm 1948, cuộc cải cách tiền tệ ở Đức đã chấm dứt tình trạng kinh tế hỗn loạn nảy sinh trong hoàn cảnh một nước chiến bại. Đơn vị tiền tệ mới, đồng Deutsche Mark (viết tắt: DM, — mỗi DM chia ra làm 100 Pfennig), thay cho đồng Reichsmark. Những qui định để kiểm soát phân phối đều bãi bỏ. Với đồng DM người dân Đức có thể mua tất cả những hàng vật gì họ cần dùng, nhờ vậy mà nạn chợ đen lần hồi chấm dứt.

Cuộc cải cách tiền tệ đã tạo cho nền kinh tế một cơ sở lành mạnh để phát triển. Sự tin tưởng nơi khả năng của đồng DM là động cơ thúc đẩy mọi hoạt động kinh tế. Đồng thời một chánh sách kinh tế mới, dựa trên nguyên tắc tự do tranh thương, được đề xướng ra để dẫn đạo hoạt động kinh tế của nước Đức ngày nay.

Tự do tranh thương (Marktwirtschaft) là lấy thị trường làm tiêu chuẩn cho việc sản xuất. Sự tranh đua trên thị trường quyết định các nhà sản xuất cố gắng cải tiến kỹ thuật, thi đua sáng chế, tìm cách hạ giá vốn, để giành phần thắng về mình nhờ nơi hàng tốt, giá rẻ. Chủ trương tự do tranh thương tức nhiên là không thể đi đôi với sự duy trì những tổ hợp sản xuất, như Kartell, Konzern, vì những tổ hợp này có điều kiện để khống chế thị trường và định đoạt giá cả theo ý muốn.

Sự phục hưng mau lẹ của nền kinh tế Đức là kết quả hiển nhiên của một đường lối kinh tế đúng đắn. Phản ảnh sự phồn thịnh là địa vị vững mạnh của đồng DM.

Bất cứ dưới một chánh thể nào, đồng tiền vẫn là mực thước để đo lường sức bành trướng của nền kinh

tế. Sự sản xuất nhằm mục đích tối hậu thỏa mãn nhu cầu và nâng cao mức sống nhân dân. Do nơi sự phát triển hay thụt lùi, sự sản xuất sẽ ảnh hưởng đến mại lực đồng tiền ở trong nước và ngoài nước. Ngược lại nền tiền tệ ảnh hưởng đến sản xuất. Với một đồng tiền bấp bênh như đồng Reichsmark sau ngày đình chiến, không ai tha thiết hoạt động làm ra tiền. Trong tình trạng bình thường, khối lượng tiền tệ lưu hành trong một nước, phụ hợp với tình hình thị trường, có tác dụng thúc đẩy hay hòa hoãn ý chí doanh thương.

Do nơi sự tương quan mật thiết giữa tiền tệ và sản xuất (hay là kinh tế, nói chung), một chánh sách tiền tệ đúng đắn phải nhằm mục đích thực hiện những chủ trương kinh tế, và chánh sách kinh tế vẫn phải lấy việc giữ vững nền tiền tệ làm cứu cánh.

Công việc lãnh đạo nền tiền tệ Đức nằm trong phạm vi quyền hạn của Bộ Kinh Tế Cộng hòa Liên bang Đức quốc. Tổ chức chuyên môn được giao phó trọng trách này là Hội đồng Trung ương ngân hàng (Zentralbankrat).

Từ sau ngày cải cách tệ chế, tổ chức lãnh đạo nền tiền tệ đã tiến triển như thế nào, thiết tưởng chúng ta cần tìm hiểu qua đề học lấy bài học kinh nghiệm thu hoạch được.



Đạo luật số 60, ngày 1-3-1948 của Chánh phủ quân đội chiếm đóng đã khai sanh cho « Ngân hàng các tiểu bang Đức » (Bank deutscher Länder, viết

tắt : BdL) và qui định sự thành lập các « Ngân hàng Quốc gia Trung ương » (Landeszentralbanken, viết tắt : LZB) ở các nước trong Cộng hòa Liên bang Đức quốc. Cộng hòa Tây Đức, — như chúng ta thường gọi, — là một nước liên kết nhiều tiểu bang. Mỗi tiểu bang đều có cơ quan hành chánh, nghị viện riêng và tất nhiên cũng có ngân hàng trung ương của họ.

Ngân hàng Trung ương 9 tiểu bang : Baden-Wuerttemberg, Bayern, Bremen, Hamburg, Hessen, Niedersachsen, Nordrhein-Westfalen, Rheinland-Pfalz, Schleswig-Holstein và của thành phố Berlin tạo thành một hệ thống trung ương ngân hàng, trực thuộc cơ quan đầu não là « Ngân hàng các tiểu bang Đức ». Từ đầu tháng 8 năm 1957, « Ngân hàng các tiểu bang Đức » đổi tên lại là « Ngân hàng Liên bang Đức quốc » (Deutsche Bundesbank, viết tắt : DBB).

Nhiệm vụ hệ thống trung ương ngân hàng là bảo vệ nền tiền tệ, điều hòa sự lưu chuyển, cung cấp cho nền kinh tế quốc gia phương tiện tài chánh cần thiết, ngăn ngừa những cuộc vỡ nợ của ngân hàng tư nhân và do đó, bảo đảm quyền lợi người gửi tiền.

Tổ chức hệ thống trung ương ngân hàng Đức phỏng theo hình thức Federal Reserve System của Mỹ. Chánh sách tiền tệ Đức cũng dựa vào những kinh nghiệm đã thu thập ở Mỹ.

Toàn bộ hệ thống trung ương ngân hàng đặt dưới sự chỉ huy Hội đồng Trung ương Ngân hàng. Thành phần

Hội đồng gồm có Chủ tịch và Phó Chủ tịch, do Tổng thống Cộng hòa Liên bang bổ nhiệm theo đề nghị Thủ tướng, — cùng với các viên Giám đốc Ngân hàng Trung ương các tiểu bang. Phó Chủ tịch đồng thời lại là Chủ tịch Ban Giám đốc « Ngân hàng các tiểu bang Đức ».

Hội đồng Trung ương Ngân hàng có trách nhiệm lãnh đạo nền tiền tệ Đức bằng cách đề ra đường lối chung cho toàn bộ tổ chức ngân hàng trên lãnh thổ Đức, trong khuôn khổ chính sách kinh tế của Chính phủ, — nghiên cứu những biện pháp mà « Ngân hàng các tiểu bang Đức » sẽ đưa ra thi hành để cụ thể hóa đường lối vạch ra, — và sau cùng, theo dõi, kiểm soát hoạt động « Ngân hàng các tiểu bang Đức ». Thi hành các nghị quyết của Hội đồng và điều khiển hoạt động « Ngân hàng các tiểu bang Đức » là phần việc Ban Giám đốc ngân hàng này.

Sơ khởi, « Ngân hàng các tiểu bang Đức » được thành lập với số vốn 100 triệu DM do Ngân hàng Trung ương các tiểu bang đóng góp. Trụ sở « Ngân hàng các tiểu bang Đức » đặt tại Frankfurt-am-Main. Không có chi nhánh ở các nơi. Đây là một cơ quan tiền tệ Chính phủ, cho nên chỉ giao thiệp với Chính phủ và các Ngân hàng tiểu bang Trung ương các tiểu bang ; — trên phạm vi quốc tế, giao thiệp với các ngân hàng ngoại quốc về tất cả mọi vấn đề tiền tệ.

Với Chính phủ, « Ngân hàng các tiểu bang Đức » có trách nhiệm giải quyết những khoản chi tiêu của Chính phủ Liên bang, nhận tài sản Chính phủ gửi, tiêu thụ những công phiếu do Chính phủ ấn

hành, ứng cho Chính phủ những số tiền cần thiết theo lối cho vay ngắn hạn, giải quyết những sự chuyển tiền nong của Chính phủ trong nước và ngoài nước.

Với các Ngân hàng Trung ương, tại các tiểu bang « Ngân hàng các tiểu bang Đức » tiến hành việc mua bán ngoại tệ, vàng, bạc, bạch kim ; nhận tiền các Ngân hàng tiểu bang Trung ương gửi ; tái chiết khấu thương phiếu ; cho vay tiền với điều kiện phải bảo đảm số nợ bằng thương phiếu, ngân khố tín phiếu, phiếu công thải của liên bang và các tiểu bang ; giải quyết các cuộc chuyển tiền và thanh toán tiền nong giữa các tiểu bang ; cho phép các Ngân hàng Trung ương được sử dụng cơ sở của mình để giữ và quản lý các loại khế từ, tín phiếu và tài vật.

« Ngân hàng các tiểu bang Đức », như ta đã thấy, đóng vai trò ngân hàng của các ngân hàng. Vai trò này hiện hiện thêm ra ở chỗ « Ngân hàng các tiểu bang Đức » được hưởng đặc quyền phát hành giấy bạc. (Quyền đúc các đồng tiền phụ bằng kim khí Chính phủ vẫn dành riêng cho mình).

Đồng DM, cũng như hầu hết các đơn vị tiền tệ trên thế giới, không phải là tiền vàng. Theo quan niệm xưa về việc phát hành, số giấy bạc in ra phải có vàng bảo đảm theo tỷ lệ do luật pháp qui định. Số lượng giấy bạc được phép in tùy nơi số lượng vàng dự trữ. Ngoài vàng ra, còn có thể dùng ngoại tệ, giấy nợ Chính phủ, thương phiếu để bảo đảm cho loại tiền giấy ấn hành. Sở dĩ đặt ra vấn đề bảo đảm là vì để phòng đồng tiền mất giá, mà nguyên nhân thường do nơi mực sản xuất sút kém và nạn lạm phát.

Các nhà kinh tế học hiện đại lý luận một cách khác. Nếu trời buộc đồng tiền vào dự trữ vàng, đồng tiền sẽ mất tính cách uyển chuyển để ứng vào sự đổi thay của tình hình kinh tế. Theo họ thì vấn đề bảo đảm chỉ là một phương tiện để điều hòa số lượng tiền giấy lưu hành.

Nếu nhận rằng :

— tiền giấy hiện nay cưỡng bách lưu hành, người chủ một tấm giấy bạc không thể đòi hỏi ngân hàng phát hành đổi lấy vàng cho mình ;

— muốn giữ vững giá trị đơn vị tiền tệ, cần phải giữ sự quân bình giữa mức sản xuất và số lượng giấy bạc lưu hành ;

— ngân hàng phát hành được quyền sử dụng những biện pháp cần thiết để điều hòa số lượng tiền giấy lưu hành ;

— luật pháp định một ranh giới cho số giấy bạc lưu hành, sau khi nghiên cứu khả năng phát triển của nền kinh tế thì hà tất phải cần đến vàng làm vật bảo đảm cho tiền giấy.

Đạo luật phát hành của Đức định rằng số giấy bạc lưu hành, kể cả tiền phụ bằng kim khí, không được vượt qua giới hạn 10 tỉ DM. Nếu vì sự nhu cầu của nền kinh tế, số lượng giấy bạc lưu hành cần phải tăng gia, « Ngân hàng các tiểu bang Đức » cần có sự thỏa thuận của ít ra 3/4 số hội viên Hội đồng Trung ương Ngân hàng và ít ra 6 tiểu bang trong Liên bang, mới được phép in thêm giấy bạc, tuy nhiên không được in quá một tỉ.

Hiện thời khối tiền tệ lưu hành đã được phép gia tăng tùy theo nhu cầu

kinh tế, đạo luật mới về phát hành bãi bỏ giới hạn nói trên. « Ngân hàng Liên bang Đức quốc », cơ quan kế vị cho « Ngân hàng các tiểu bang Đức », được quyền tự do quyết định theo sở kiến chuyên môn.

Nếu trong nội bộ một nước vấn đề bảo đảm không phải là tất yếu, thì trong việc mậu dịch quốc tế, đơn vị tiền tệ vẫn cần phải có một giá trị nhứt định, dùng làm mực thước tính toán. Giá trị này có thể qui định theo vàng, hoặc là theo một đồng tiền có tính chất thông dụng quốc tế như đồng đô la Mỹ, — ta gọi là tỷ giá. Tỷ giá đồng DM ghi ở Cơ quan tiền tệ quốc tế từ tháng giêng năm 1953 là :

1 DM = 211,588 mg vàng ;

1 đô la Mỹ = 4,20 DM.

Tỷ giá đồng DM đến nay không thay đổi (vì những lý do chánh trị), mặc dầu thực giá đồng DM đã tăng lên bội phần.

Trở lại vấn đề tổ chức-hệ thống trung ương ngân hàng !

Ở mỗi tiểu bang, « Ngân hàng tiểu bang Trung ương » theo dõi thực hiện chánh sách tiền tệ trong vòng lãnh thổ tiểu bang. Về phương diện này, có thể coi Ngân hàng tiểu bang Trung ương như là đại lý « Ngân hàng các tiểu bang Đức » ở các tiểu bang.

Ngân hàng tiểu bang Trung ương giải quyết các vấn đề tài chánh của Chánh phủ tiểu bang và chỉ giao thiệp với các ngân hàng cùng là cơ quan tiền tệ công và tư hoạt động trong tiểu bang. Ngoài việc nhận tiền gửi (không chịu lãi) của tư nhân, Ngân hàng tiểu bang Trung

trong không có hình thức giao thiệp nào khác đối với khách hàng tư.

Đại thể hoạt động Ngân hàng Tiểu bang Trung ương cũng tương tự như hoạt động « Ngân hàng các Tiểu bang Đức ».

Ngân hàng Tiểu bang Trung ương đặt chi nhánh ở khắp các đô thị quan trọng trên lãnh thổ tiểu bang mình tùy thuộc. Các ngân hàng tư nhân luôn luôn có mở trương mục tại Ngân hàng Tiểu bang Trung ương, cho nên thường khi nhờ đến cơ quan tiền tệ trung ương này làm môi giới để giải quyết vấn đề chuyển tiền nong. Nhờ nơi lưới chi nhánh chẳng chịt, Ngân hàng Tiểu bang Trung ương giúp cho đồng tiền lưu chuyển mau lẹ giữa ngân hàng và ngân hàng, giữa ngân hàng và các tổ chức kinh tế, giữa tư nhân khách hàng của các ngân hàng. Ngân hàng Tiểu bang Trung ương, còn chăm nom việc thanh toán chi phiếu giữa các ngân hàng, trong phạm vi tiểu bang. Chuyển tiền và thanh toán chi phiếu ngoài ranh giới tiểu bang, Ngân hàng Tiểu bang Trung ương phải nhờ đến cơ quan đầu não là « Ngân hàng các Tiểu bang Đức ».



Trên đây đã đề cập tới những cơ quan tiền tệ mạng danh là ngân hàng công cộng, hoặc ngân hàng Chính phủ. Về tổ chức ngân hàng tư nhân, thiết tưởng chúng ta vẫn cần biết qua để có cái nhìn tổng quát.

Ngoại trừ một số ngân hàng không quan trọng thuộc quyền sở hữu một cá nhân, những ngân hàng tư ở Đức

thường là hợp cổ công ty, nhờ vậy qui tụ được những phương tiện tài chánh lớn lao.

Hình thức ngân hàng thông dụng nhất là loại Tín dụng ngân hàng (Kreditbank). Hoạt động tín dụng ngân hàng bao trùm cả một phạm vi rộng lớn, từ việc nhận tiền gửi, quản lý tín phiếu cho đến việc cho vay đặt nợ, xuất vốn đầu tư.

Đức tính tiết kiệm của dân tộc Đức làm cho bành trướng mạnh mẽ những Quỹ tiết kiệm (Sparkasse).

Tổ chức Hợp tác xã được phổ biến rộng trong các ngành sản xuất và cả trong hoạt động ngân hàng. Quỹ Raiffeisen và bình dân ngân hàng (Volksbank) là những cơ quan có tính chất hợp tác xã.

Trong nhóm những ngân hàng đặc biệt, chúng ta có thể kể thêm chiết khấu ngân hàng, tín phiếu ngân hàng, kiến thiết ngân hàng, địa ốc ngân hàng, canh nông ngân hàng, ...

Trước chiến tranh, 5 đại ngân hàng sau đây đã chi phối cả nền tài chánh Đức (tất cả 5 ngân hàng đều tập trung ở Berlin):

Deutsche Bank;
Dresdner Bank;
Commerzbank;
Berliner Handelsgesellschaft;
Reichskreditgesellschaft.

Sau ngày đình chiến, hai ngân hàng kể sau cùng bị sụp đổ. Gần đây ngân hàng Berliner Handelsgesellschaft đã hoạt

động trở lại, nhưng chỉ đóng một vai trò phụ thuộc mà thôi. Trái lại các đại ngân hàng Deutsche Bank, Dresdner Bank và Commerzbank gây dựng được cơ sở ngay từ ngày cải cách tệ chế và lần hồi thu phục địa vị trọng yếu trước kia.

Theo chủ trương phân tán các tổ hợp kinh tế tài chánh, để cho các đại ngân hàng không thể bành trướng quá rộng phạm vi thế lực mình, buổi đầu luật pháp qui định chia lãnh thổ liên bang làm 3 khu vực hoạt động, — Bắc, Trung, Nam, — cho ngân hàng, mỗi khu vực bao gồm một số tiểu bang. Mỗi đại ngân hàng kể trên bị phân tán ra làm 3 cơ quan kế nghiệp, hoạt động biệt lập và có tính chất địa phương ngân hàng. Ví dụ :

- ngân hàng Commerz — und Diskontobank AG (khu vực Bắc, trụ sở : Hamburg, vốn : 12,5 triệu DM) ;
- ngân hàng Commerzbank — Bankverein AG (khu vực Trung, trụ sở : Duesseldorf, vốn : 27,5 triệu DM) ;
- ngân hàng Commerz — und Creditbank AG (khu vực Nam, trụ sở : Frankfurt A.M., vốn : 10 triệu DM)

là 3 cơ quan kế nghiệp của đại ngân hàng Commerzbank.

Với thời gian, người ta nhận thấy giải pháp phân tán này không hợp với một nền kinh tế đang phát triển. Các ngành kinh doanh sản xuất cần đến vốn liếng, và chỉ có ngân hàng là có khả năng huy động tài chánh, cung ứng cho nhu cầu. Một ngân hàng kém thế lực tài chánh không thể làm tròn sứ mạng đối với nền kinh tế quốc gia trong giai đoạn quật khởi. Sự hạn chế phạm vi hoạt động là một trở lực, không những cho ngân hàng, mà cho cả nền kinh tế nói chung, cho nên không thể duy trì. Thế là từ đây các đại ngân hàng có điều kiện tập trung thế lực.

Hiện thời ngân hàng Deutsche Bank và Dresdner Bank đã thực hiện sự thống nhất các cơ quan kế nghiệp, chỉ ngân hàng Commerzbank là còn phân tán. Cuối năm 1957, ngân hàng Deutsche Bank tập trung một số vốn 200 triệu DM, cộng với 180 triệu vốn dự trữ ; — ngân hàng Dresdner Bank có trong tay 150 triệu, cộng với 142 triệu vốn dự trữ.

(còn tiếp)

★ Không chạy theo người, nhưng cố gắng để người chạy theo ta.

J. BASQUIN

★ Người quân tử ghi nhớ thật nhiều những câu nói hay, những việc làm tốt của người đời trước, hầu nuôi dưỡng đức tính của mình.

KINH DỊCH

ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG²

NGUYỄN-NÔNG-ĐÀI

TRONG vòng mấy tháng nay, tấm bằng hiệu của trường Cao-đẳng sư phạm được thượng lên hạ xuống mấy lần và mỗi lần lên là mỗi lần bằng mang một tên khác : ban đầu *Cao đẳng sư phạm*, tên cổ hủ, rồi *Đại học sư phạm*, rồi rồi cuộc *Cao đẳng sư phạm* trở lại như cũ.

Nhưng chưa hết đâu. Nghe phong phanh rằng sẽ thành lập một « Trung tâm Đại học sư phạm », thì tên trường có lẽ sẽ được đổi một lần thứ tư nữa.

Sự thay đổi tên trường là một việc thường xảy ra, không có gì đáng nói. Nhưng người thức giả không khỏi ngạc nhiên trước lẫn lộn của hai tính từ Cao đẳng và Đại học (Đại học là danh tự đây, nhưng được dùng với tính cách tính tự ở đây).

Cao đẳng và Đại học khác nhau như tròn với vuông, như xanh với vàng thì không thể nào dùng xộn lộn như thế được.

Trường hợp tên trường nói trên không phải là trường hợp độc nhất trong

nước, bởi vì có trường khác, đáng lý gì cũng là Cao đẳng. nhưng cũng lấy tên là Đại học, nên những xác định dưới đây cần phải có, không thôi thì ngày kia một cuộc hỗn loạn sẽ xảy ra trong việc đặt tên các trường bậc cao.

Xin nhấn mạnh rõ, đề khỏi bị ngộ nhận. Chúng tôi nói Cao đẳng và Đại học *khác nhau*, chứ không hề nói *hơn kém nhau*. Vuông với tròn khác nhau một trời một vực thì không thể so sánh cái nào hơn kém cái nào được.

Hai tiếng Cao Đẳng và Đại học là hai tiếng dùng để dịch hai tiếng Pháp : Supérieur và Université.

Trường Cao đẳng : école supérieure
Đại học : université.

Đến đây, đã thấy là các trường Đại học lấy tên sai rồi. Ở Saigon, chỉ có một Đại học mà thôi (université). Đại học ấy gồm nhiều phân khoa (facultés). Như thế, trường luật không thể gọi là Luật khoa đại học, trường thuốc không thể gọi là Y khoa đại học được, bởi vì không bao giờ có université de droit, université de médecine.

Gọi đúng các trường ấy là *Phân khoa luật học* (faculté de droit), *Phân khoa y học* (faculté de médecine), *Phân khoa văn học* (faculté de lettres), kém oai vệ chẳng mà người ta phải dùng sai như trên ?

Cả đến trên giấy tờ của các trường ấy cũng thấy dùng sai như vậy chứ không phải chỉ dân chúng hay báo chí là ngộ nhận mà thôi.

Riêng trong địa hạt Đại học đủ thấy dùng tên lộn xộn rồi. Bây giờ đến địa hạt Cao đẳng cũng gia nhập vào cảnh hỗn loạn ấy, thì sự rối ren không biết sẽ tiến đến đâu ?



Ở các nước Âu-Châu, (chớ không riêng gì ở Pháp) nền học cao (enseignement supérieur) chia ra làm hai phái rõ rệt. Cao đẳng và Đại học.

Hai nhóm ấy khác nhau vì cách tuyển chọn, vì chế độ nhà trường, mà nhất là vì mục đích đào luyện sinh viên.

Ta cũng theo gương các nước ấy, cố nhiên, thì ta cũng nên phân biệt như họ, chớ không thể xáo trộn được.

Thật ra, trên phương diện tổ chức, ta vẫn theo y như họ. Ta chỉ xáo trộn việc đặt tên thôi, mà khi danh không chánh thì cái hại sẽ không nhỏ vậy.

Dân chúng và cả nhiều sinh viên nữa, cứ ngỡ rằng Cao đẳng kém hơn Đại học. Nếu các trường không lấy tên đúng và không quan niệm đúng chân giá trị của mình thì mặc cảm hơn kém cứ còn hoài và ngày kia e có nhóm trường bị thanh niên ngó thấp mà không theo học chẳng ?

Các trường Cao đẳng lập ra cốt để đào tạo chuyên viên có thực học, dùng được liền và cố nhiên được dùng liền.

Sinh viên vào Cao đẳng phải dồi dào sức khỏe, hạnh kiểm không chỗ chê (cách tuyển chọn như thế, bên Đại học không chú ý đến).

Thường thường họ ở nội trú và được học bổng để sự học của họ không bị gián đoạn vì quyền rũ bên ngoài, hay vì lo âu vật chất (chế độ này, bên Đại học cũng không có).

Ra khỏi trường, sinh viên có thể không lỗi lạc bao nhiêu, nhưng có thực học và hữu dụng. Họ chỉ học những ngành thật chuyên môn thôi : sư phạm, điện, vô tuyến điện, v.v... Họ được tạo để thành cán bộ của chánh phủ, nên phải dùng được liền và được dùng liền.

Tương lai họ vững bền, vì họ có công ăn việc làm ngay. Họ sẽ có thể không làm gì chấn động học giới, vì họ là những công chức tối tăm, nhưng cái biết chắc chắn của họ rất cần cho nước nhà.

Trái lại, trong các phân khoa của Đại học, hoàn toàn tự do về mọi mặt.

Sinh viên muốn vào các phân khoa chỉ cần phải có một điều kiện duy nhất thôi là bằng chứng chỉ cái học tòng quát căn bản của họ (bằng tú tài chẳng hạn). Không ai kiểm soát sức khỏe hoặc hạnh kiểm họ. Ghi tên vào học xong, họ có thể vắng mặt hăm lăm ngày trong một tháng.

Họ có thể thi hỏng mãi, và theo học đến bạc đầu cũng chẳng ai nói gì. Ra

trường với cấp bằng, họ không được bổ dụng nếu họ không xin xô hay nếu chánh phủ không cần người.

Tại sao lại thế ?

Vì Đại học không đào tạo cán bộ chuyên môn mà chỉ đào tạo trí thức cho nền văn hóa thôi, mà nói đến văn hóa phải nói đến tự do triệt để.

Học khoa học, bên Đại học đeo đuổi khoa học thuần túy để có thể xây dựng, tăng cường văn hóa, còn bên Cao đẳng chỉ có theo khoa học thực tiễn để phụng sự một ngành nhất định về sau.

Học văn chương, họ cũng học với mục đích văn hóa hơn là mục đích chuyên môn để dạy văn về sau, như bên ngành văn chương của Cao đẳng sự phạm chẳng hạn.

Ông Kenneth Lindsay, một trí thức Anh đã nói về các đại học Âu-Châu :

« Thầy và trò (ở các Đại học) có nhiệm vụ cung cấp thủ lãnh cho nước nhà. Các Đại học chịu trách nhiệm về hai mặt : trước hết đối với văn hóa, sau đó đối với nhân loại. Họ có phận sự phục sinh nhân bản. » (1)

Không ai cấm sinh viên Cao đẳng biến thành nhà bác học, nhà văn hóa, nhà nhân bản học lỗi lạc, nhưng thường thường họ không thành được vì họ phải theo một chương trình hạn định trong lúc học, và khi ra trường họ bận phụng sự ngay.

Như thế văn hóa ở trong tay sinh viên các Đại học.

Không trình bày thêm chi tiết nào, ta cũng đủ thấy Cao đẳng và Đại học khác nhau đến bậc nào và như thế nào rồi vậy.

Tiện đây, chúng tôi xin bàn sơ đến một sai lầm của Pháp mà ta đang theo.

Ở Pháp trường Y khoa ngày nay theo chế độ Đại học (Ngày xưa thì họ theo chế độ Cao đẳng, nên chỉ đến nay nhiều phân khoa y học bên Pháp vẫn còn dùng tên cũ là Ecole de Médecine).

Y khoa là một khoa học thực tiễn không *trực tiếp* liên hệ đến văn hóa. Một bác sĩ y khoa non kém sẽ gây hại đến cho nước nhà không nhỏ. Như thế không thể cho các trường y khoa theo chế độ tự do của Đại học được. Chỉ có kỷ luật nghiêm khắc của các trường Cao đẳng mới đào tạo được người có căn bản vững để phụng sự, có thể không lỗi lạc mà chắc chắn là đắc dụng.

Nghe đâu trong vòng một năm nay, phân khoa y học ở Sài-gòn trở nên cứng rắn, «bố» dữ những sinh viên trốn học để đi dạy trường tư. Nhưng cứng rắn chưa đủ.

Xin lập lại là chỉ có kỷ luật nghiêm khắc của chế độ Cao đẳng mới đào luyện được y sĩ thật lành nghề thôi. Mà như thế thì phải tách rời phân khoa ấy ra khỏi nhóm Đại học mới được.

NGUYỄN-NÔNG-ĐÀI

(1) Trích The Géographical Magazine.

NHÂN NGÀY GIỖ TRẦN ĐỒNG - ĐA :
MÙNG 5 THÁNG GIÊNG ÂM DƯƠNG LỊCH

NGUYỄN - HUỆ

(1752 - 1792)

HAY LÀ GIÁC MỘNG LỚN CHƯA THÀNH

(tiếp theo Bách Khoa 30)

NGUYỄN-NGU-Í.

BÀI HỌC ĐỒNG-ĐA

Giữ nước, đuổi thù, đem lại an vui cho dân đã quá khó, lịch sử nước ta còn ghi hơn một chiến thắng lẫy lừng, nhưng chẳng chiến thắng nào vừa oai, vừa đẹp, vừa hùng, vừa nhanh, lại vừa quyết liệt và quyết định như trận Đồng-đa. Lại thêm — nói như các cụ bảo về luân lý và các ông nghệ thuật vị con người : — lành mạnh nữa, bởi lẽ kẻ yếu bị dồn vào cái thế không thể không chống lại kẻ mạnh màu danh nghĩa mà thực hiện dã tâm chiếm nước non người.

Trận Đồng-đa quả là một tuyệt phẩm của lịch sử chiến tranh, chẳng riêng gì của lịch sử chiến tranh nước Việt, mà của cả hoàn cầu.

Nghiên ngắm trong trường phủ màn che, có ; dốc suất ngoài mặt biển mặt

sông, giữa núi rừng cao, trên đường bằng thẳng, có ; chế biến ngay trước rừng tên lửa đạn, có ; tung tròn vện sức chân chạy mau, sức tay chống đỡ, bắn, đâm, sức mắt nhìn trên đường dài, nhìn trong đêm tối, sức miệng hét hò đến đất động trời kinh, đều có cả, có cả luôn sự tiếp sức đúng thì của sơn quân với binh bộ, của thủy quân với bộ binh, và nhất là sự phối hợp tuyệt vời nội công ngoại kích, của tâm lý, của chánh trị với quân sự để cho sông Hồng-hà chảy máu, để cho gò Đồng-đa chông xương của lũ tham tàn phương Bắc, để cho mỗi năm cứ đến ngày mừng năm tháng giêng âm dương lịch là muôn lòng người Việt như một, hướng về một điểm : gò Đồng-đa, nhớ lại một người : hoàng đế Quang-Trung Nguyễn-Huệ.

Là vì, tinh hoa của dân tộc phát tiết sau một thời ly loạn, chia lìa, chua xót, đớn đau, Người anh hùng áo vải đất Tây-sơn, với trận Đống-đa, để lại cho cháu con một bài học, một bài học vô ngần quý giá, một bài học bất chấp bề dâu cùng năm tháng.

Sức mạnh của binh rồng, súng tốt, lương đủ, thêm vào sức mạnh của mưu sâu, tính kỹ, đoán tài, lại thêm vào sức mạnh của lòng tin son sắt, của lẽ phải hiển nhiên, của trên thuận lòng trời, dưới hợp lòng người, thì còn có gì địch nổi. Sá chi là một lũ quân Tàu kiêu căng, phách lối, ham bắt bớ, khoái đánh đập giam cầm, ưa giết chóc sưng tay, thích tiền của, bạc vàng, rượu ngọt, thịt nũng, gái tơ mơn mớn, lũ ấy thấy làm sao được nguy cơ đang ào tới, hiểu làm sao nổi chí kẻ hùng anh, lòng dân tăm tức.

Đề cho quân thù hiu hiu tự đắc với đôi trận thắng dễ dàng, với lời cầu xin khúm núm, đề cho « lòi mặt chuột » một Lê-Chiêu-Thống uơu hèn và cả lũ quần thần bán nước buôn dân, đề cho lớp sĩ phu chân chính bắt binh đến cực độ, đề cho đám dân lành uất ức tận mây xanh, đề cho những ai cùng mình xông pha chiến trận cũng như những ai sống dưới quyền mình đều kiêng oai, từng phục bằng một lễ hiệu rõ ràng, có Trời, Đất, Núi, Sông và người người chúng kiến, đề cho quân tướng càng vững tin ở đắc thắng cuối cùng : nhắc lại gương bất khuất của tiền nhân, gọi những pheo đuổi thù ngoài từ trước, đề cho dân tin tưởng mà đầu quân hăng hái, kính phục mà

ăn Tết trước giờ đây đề hẹn ngày Tết tuần sau tại Thăng-long thành, ở giặc Tàu, ở Việt gian, Nguyễn-Huệ cùng lớp mưu sĩ của Người thật quả là biết người, biết ta, biết đợi thời, biết tạo thế.

« Ai vạch chỉ những con đường trên mặt chảy ? »

« Cho ngàn sau còn tiếc chỉ « hùng anh ! »

SỰ NGHIỆP NHÀ TÂY-SƠN

Họ đứng lên, dựng cờ khởi nghĩa, năm 1771 ; Nguyễn-Nhạc xưng đế năm 1778 ; Nguyễn-Huệ tự đội mũ miện lên đầu, khai sanh niên hiệu Quang-Trung năm 1788.

Năm 1802, Nguyễn-Quang-Thù tự tử ; Nguyễn-Quang-Toản bị hành hình ; Bùi-Thị-Xuân cháy trước những cặp mắt thỏa thuê của Nguyễn-Ánh và bầy tôi, sau khi bắt lực chúng kiến con thơ bị voi kẻ thù chà, xé ; thịt xương Nhạc, Lữ, Huệ bị đốt, bị nghiền, bị bắn ra khơi, còn đầu lâu thì bị xiềng trong trung ương ngục thất.

Từ ngày mang áo vải, mạnh dựng cờ đào đến ngày tan tành sự nghiệp : *ba mươi một năm*.

Từ ngày người anh cả mở màn cho nhà Tây-sơn đến ngày ba anh em tan xác chết : *hai mươi một năm*.

Từ ngày người em út tự đội mũ đế vương lên đầu đến lúc đầu lâu bị cầm tù muôn thuở : *mười bốn năm*.

Mười bốn năm, hay hai mươi một năm, hay ba mươi một năm, có nghĩa lý gì, sánh với bốn ngàn năm văn hiến của dòng

Lạc-Việt phát xuất từ bờ Động-dinh-hồ
dề dưng chân tại cửa Cửu-long-giang.

Nhưng mà cuộc khởi nghĩa ở ấp Tây-
son, nhưng mà tài, chí, mòng của kẻ anh
hùng ngắn số, vẫn trường tồn cùng dân
tộc mà ai kia đã góp phần vinh quang
không phải ít.

Cầm đầu cuộc khởi nghĩa, là Nhạc,
xưng đế trước tiên, cũng là Nhạc. Nhưng
người anh lớn lắm mưu mô, trí trá này
chỉ là một kẻ tài trong một chặng đường
nào đó, chỉ là một kẻ chí không khởi nữa
nước Việt dài : được như chúa Trịnh,
được như chúa Nguyễn, hay quá lắm là
như vua Lê không chúa Trịnh, không
đòi hỏi gì hơn nữa ; mà mãi đối phó
với một Nguyễn-Ánh lục đục hoài ở
phương Nam, còn đầu óc, thì giờ đâu
mà làm cái gì lớn, đẹp. Còn Lữ chỉ là
kẻ tầm thường không cự nổi một kẻ lưu
vong thất thế.

Nên chi, nói đến nhà Tây-Son, người
ta nhớ đến Nguyễn-Huệ, và sự nghiệp
Tây-Son với sự nghiệp Nguyễn-Huệ
dường thế bóng với hình.

1788 — 1792.

Toàn quyền hành động trong bốn năm
thôi, mà nội việc đuổi quân Tàu, đối phó
với vua tôi nhà Thanh cũng đã chiếm
mất nhiều thời giờ ngắn ngủi ấy, thế mà
Nguyễn-Huệ đã làm xong, đã đặt móng,
đã dự trù... lắm điều mà nhà làm sử sau
này, xét lại vẫn nao nao.

ĐỐI VỚI NHÀ THANH

Viện trợ quân, lương, giúp đỡ cố vấn,
làm tròn bổn phận Trời giao cho nước lớn,
mạnh, giàu : khôi phục lại nghiệp Lê cho

một vì vua chư hầu cầu cứu, dẹp phương
phiến loạn núi Tây cho dân tiểu quốc
được an ninh, bao ý đẹp lòng hay ở đầu
mối chốt lưới của vua tôi nhà Đại-Thanh
đã bị tờ mật dụ mà Tôn-Sĩ-Nghị bỏ rơi
trên đường trốn về thiên quốc làm thú
tha giá trị và phơi bày rõ rệt dã tâm của
kẻ cầm đầu phương Bắc.

Tờ mật dụ ghi rằng :

« Nghe lời khanh, trẫm cho đem binh
mã ra cửa ải, nhưng cứ nên từ từ đi
lần, đừng vội... Khanh trước hãy truyền
lệnh ra oai, rồi thả Lê thần về nước để
họ chiêu tập nghĩa binh, tìm Lê-Tự-tôn
(17), đương đầu với Nguyễn-Huệ đã.
Nghe họ trọi nhau ra sao, bây giờ sẽ
liệu.

« Nếu lòng người Nam còn mến Lê,
thấy quân ta đến giúp, ai cũng phấn
khởi hăng hái, thì Nguyễn-Huệ tất phải
chịu lui. Bây giờ sẽ sai Lê-Tự-tôn tiến
binh đuổi bắt Nguyễn-Huệ. Còn khanh
thì kéo binh đến tiếp ứng sau. Thế là
ta không khó nhọc mà được thành công.
Đó là chức thứ nhất.

« Nếu trong nước Nam, nửa theo phe
kia, nửa giúp phe nọ, thì Nguyễn-Huệ
chắc không chịu lui. Vậy khanh nên đưa
thư, dỗ bảo họa phúc xem Huệ xoay trở
ra sao.

« Khi nào quân thủy của ta từ Mân
(18), Quảng (19) kéo ra biển khơi, thì
cứ đánh phá lấy Thuận (20), Ngãi (21)

(17) Chỉ Lê-Chiều-Thống

(18) Tỉnh Phúc-kien

(19) Quảng-đông Quảng-tây

(20) Thuận-hóa

(21) Quảng-ngãi

trước. Rồi mới thúc quân bộ tiến lên, khiến cho Nguyễn-Huệ sau lưng và trước bụng đều thụ địch cả thì thế nào Huệ cũng phải hàng phục.

« Thế rồi ta cứ nuôi sống cả hai ; Thuận, Quảng (22) về Nam cắt đứt cho Nguyễn-Huệ ; Hoan (23), Ái (24) ra Bắc, chia cho Lê-Tự-tôn. Ta cứ đóng đại binh ở giữa, cai quản cả đôi. Về sau, sẽ lại liệu cách xử trí. Đó là chước thứ hai. » (25)

Và tướng Sĩ-Nghị họ Tôn cũng đã có sớ về tâu :

(...) « Nhân dịp này, nếu hưng phục cho Lê được rồi, ta sẽ đặt thủ binh mà giữ lấy nước. Thế là vừa có ơn với Lê, lại vừa lấy được nước Annam ; nhất cử lưỡng lợi. »

Con người chí lớn, nhìn xa, chẳng ngạc nhiên chút nào với điều bí mật bị « bật mí » trên đây. Người Việt xứng với danh nghĩa có đại gì mà tin lòng tốt vô tư của dòng Hán-tộc, kẻ thù gần như truyền kiếp của mình : nước Trung-hoa quân chủ nhà Thanh do hoàng đế Càn-Long lãnh đạo, nước Trung-hoa nhân dân do chủ tịch Trạch-Đông cầm đầu, quan quân Trung-quốc thiên triều hống hách tràn qua, cán bộ Trung-quốc vĩ đại khéo khôn thâm nhập, tiếng giúp nước chư hầu loạn lạc, danh nâng nước đồng chí khổ nghèo..., có ai ngu ngơ, khờ khạo để mà chẳng thấy sự lặp lại đau lòng dưới hình thức khác.

Trong trường hợp này, hẳn mà còn sống, cụ Phan-Tây-Hồ, người đã từng gọi cho chánh phủ thực dân Pháp bản « **Cải họa người Tàu tràn sang nước Nam** » (1906) có bác đi chăng cái câu dường như phản tiến bộ này :

« *Lịch sử chỉ là một sự lặp đi lặp lại hoát hoát* ».

Riêng Nguyễn-Huệ chỉ cười, đưa tờ mật dụ nói trên cho Ngô-Thì-Nhiệm mà rằng :

« *Ta xem tờ chiếu của vua nhà Thanh chẳng qua cũng muốn mượn tiếng để lấy nước ta đó thôi. Nay đã bị ta đánh thua một trận, tất là lấy làm xấu hổ, chắc không chịu ở yên. Hai nước mà đánh nhau thì chỉ khổ dân. Vậy nên dùng lời nói khéo, để khiến cho khỏi sự binh đao ; việc ấy, nhờ nhà người chủ trương mới được. »* (26)

Còn ngay lúc đó, uy đã làm quân Tàu thất đảm thì ân theo liền, khiến chúng hoàn hồn, cảm phục : lệnh ban ra cấm người dân Việt không được giết lính Tàu trốn núp, kêu gọi quân Thanh ra thú, tánh mạng bảo đảm, và được cấp lương ăn, áo mặc, phương tiện hồi hương. Hàng ngàn quân Tàu sống sót trở về quê nhà mà tướng mình còn mơ.

Truyền thống hào hùng của dân tộc : không giết người dưới ngựa, không hại kẻ sa cơ, không giận cá chém thớt, từ Trần-Hưng-Đạo, qua Bình-Định-vương đến Quang-Trung vẫn còn nguyên vẹn.

Rồi sau cơn binh lửa đỏ trời lạnh nước, là ngoại giao mềm dẻo : vàng ròng, bạc nén lên đường sang Bắc cho vua tôi Thiên triều dụ nổi xót xa và hiền

(22) Quảng-nam

(23) Nghệ-an

(24) Thanh-hóa

(25) Hoa-Băng dịch.

(26) Trần-Trọng-Kim.

lầm chế người áo vải. Mà trận đại thắng thần tốc kia đã làm họ ngại ngùng khi ý muốn trả thù đến với họ. Mấy lời ba hoa của Tôn-Sĩ-Nghị viết trên tấm ván đề đồ mắt mặt với Chiêu-Thống và đám tùy tùng: « Quang-Bình bắt diệt, tặc bắt hưu » (Quang-Bình, không diệt được, không thôi) chỉ là những chữ viết trên cát. Thiên triều cũng muốn yên ở phương Nam, mà sao cho còn thể thống.

Cho nên lời lẽ, giọng bức thư của Quang-Trung gửi cho Càn-Long, mà kẻ giữ chức ở biên giới là Thang-Hùng-Nghiệp đọc xong, hoảng hồn, không dám cho thư đến tay người nhận.

Ông Hoa-Bằng đã dịch giùm ta bức thư ngoại giao đặc biệt này, (27) vốn ở trong « Tây-sơn bang giao tập » (sách của trường Bác-cổ Viễn-dông).

« ... Tôi là Nguyễn-Quang-Bình, ở khuất nẻo bên Annam, bấy lâu vẫn được « tắm gội trong thanh giáo.

« Nguyên từ 200 năm tới nay, Quốc vương họ Lê tôi mất quyền, việc nước vẫn do bấy tôi là họ Trịnh cầm nắm. Kịp đến tiên vương Lê-Duy-Chuyên (tức vua Hiến-tông nhà Lê) tuổi già, tiền phụ chính Trịnh-Đổng mờ tối, biếng nhác; binh kiêu, dân oán, trong nước rối rời!

« Tôi vốn là kẻ mặc áo vải ở Tây-sơn, nhân thời thế, nổi lên làm việc. Mùa hạ năm bính ngọ (1786), cất quân ra diệt họ Trịnh, trả lại nước cho nhà Lê.

« Năm ấy (bính-ngọ, 1786) tiên Lê-vương tạ thế (28), tôi lại phò lập Tự-tôn là Duy-Kỳ là người dâm bạo, không lo

chính sự nước nhà: trong thì kỷ cương rối bết ở Triều đình, ngoài thì gây hiềm khích với biên giới. Lại còn hãm hại kẻ trung lương, giết chết người đồng tông là khác nữa! Thần dân trong nước chạy đến kêu lè với tôi, nài xin đem binh ra trừ kẻ loạn.

« Tôi nghĩ: nước này là nước đã được Thiên-triều phong cho, tôi đâu dám tự tiện làm việc phế truất?

« Mùa đông năm đinh mùi (1787), tôi sai một viên tiểu tướng đem quân ra hỏi tội những kẻ ở bên tả, hữu giúp Kiệt làm xằng thì Duy-Kỳ lại sợ bóng sợ gió, đương đêm chạy trốn, tự chặc lấy cái lo vào mình!

« Mùa hạ năm mậu thân (1788), tôi tiến đến đô thành nhà Lê, lại giao cho Duy-Cận, con tiên Lê-vương giữ lấy nước, coi việc thờ tự. Tôi từng sai sứ giả sang gõ cửa ải, hồng đem hết nội tình trong nước mà trình bày.

« Nhưng mẹ Duy-Kỳ đã trước sang Đầu-áo-ải (có sách viết là Khả-lưu-ải) kêu lè xót xa với Tôn-Sĩ-Nghị, Tổng đốc Lương-Quảng, rồi lẫn lộn cầu cứu.

« Sĩ-Nghị là kẻ đại thần ở biên cương, đáng lẽ phải xét kỹ căn do, dò tìm cái cớ tại sao Duy-Kỳ lại trốn bỏ nước và tại sao tôi phải vào nước, rồi tâu cùng Đại Hoàng-đế, đợi ngài phân xử để dẹp mối loạn.

« Trái lại, vì ham tài sắc, chỉ nghe lời dân bà (chỉ mẹ vua Chiêu-Thống).

(27) Chữ thích trong bức thư này đều của ông Hoa-Bằng — « Quang-Trung, anh hùng dân tộc. »

(28) Vua Lê-Hiến-tông (1740-1786) mất ngày 17 tháng 7 năm bính-ngọ (1786).

Nghị xé biều chương của tôi, ném xuống đất, làm nhục sứ giả, xua đuổi về. Ý hẳn muốn khua dân dấy binh, tăng công gây chuyện !

« Mùa Đông năm ngoái (mậu-thân, 1788), Nghị điều bát, huy động nhiều quân, kéo ra khỏi cửa ải, mượn tiếng khôi phục nhà Lê, truyền hịch đi khắp trong nước, đổ tội cho tôi ! Hẳn chực đánh rốc đến Quảng-nam, đào cây đánh rốc, để trừ mối lo sau cho Duy-Kỳ.

« Tôi ở hẻo lánh tận út chân trời, đường sá xa xôi, núi sông cách trở, chẳng hay việc đó có hẳn do ý Đại Hoàng-để sai làm hay do Tôn-Sĩ-Nghị vì một người dân bà (mẹ vua Chiêu-Thống) xui khiến, rồi mong kiêu hãnh lập công ở biên thùỵ đề hồng kiếm lợi lớn ?

« Hay tin có binh mã Thượng-quốc ra khỏi cửa ải, tôi nghĩ : tắc lòng « sợ mạng Trời, phục nước lớn » của mình bấy nay đã bị kẻ khòn thần ngăn trở mà cái cơ Duy-Kỳ trốn bỏ nước kia lại bị che lấp không thông đạt lên được, sau này mối binh tranh hùng ra thì tai vạ không phải là ít !

« Ngô-Hồng-Chấn, viên tiền tướng của tôi, bấy giờ đang đóng ở Lê thành. Tôi sai nhóm hỏi ý kiến họ hàng Lê-vương, văn võ thần liêu và kỳ lão cùng hào mục trong nước, thì muôn miệng một lời, ai cũng theo về với tôi.

« ... Bản tâm tôi không phải tham đất đai và nhân dân của nhà Lê đâu, song vì lòng dân ép buộc, tôi muốn từ chối cũng không sao được.

« Vì thế, tôi phải sai viên gia tướng là Trần-Danh-Bính cùng tám sứ thần đem ba đạo bâm văn của Duy-Cận, con Lê-vương, và của quần thần cùng dân chúng, đến gõ cửa tướng doanh, khàn khoản nài xin Tôn-Sĩ-Nghị hãy cứ đóng quân ở nơi quan ải, tra rõ nội tình trước đây đã.

« Cùng một lúc ấy, tôi lại sai thả trả bốn tuần dương binh Hắc-Thiện-Tổng bốn mươi người mà Ngô-Hồng-Chấn (tướng Tây-sơn) đã bắt được. Thế là tôi vẫn chăm chăm tỏ ý cung thuận, chứ có dám công nhiên chống cự đâu.

« Vậy mà Tôn-sĩ-Nghị riêng nghe lời ton hót đặt đề của mẹ Duy-Kỳ, xoay hại Trần-Danh-Bính, giết bốn tuần dương binh (29), giam cầm sứ giả, lừa quân vượt sông Nhị-hà (30), thăng tước Lê thành (Thăng-long). Tướng tá của tôi phải rút quân về Nam.

« Tôn-Sĩ-Nghị được thế, tàn sát dữ quá ! Hẳn lại phi sức cho các quan nhà Lê lùng những tướng sĩ của tôi ẩn náu ở các thôn trại để bắt đem nộp. Ngày nào hẳn cũng giết đến ba, bốn chục người ! Chưa đồn lại có tội hơn hàng nghìn mạng !

« Duy-Kỳ nhân dịp tốt ấy, tha hồ chém giết những chức viên sắc mục

(29) Bốn lính tuần dương này là người của nhà Thanh. Chẳng hay khi vua Quang-Trung đã tha, giao trả Tôn-sĩ-Nghị rồi, tại sao Nghị lại giết chết đi thế. Có lẽ vì Nghị muốn gây sự với nước ta, nên mới làm việc khiêu khích ấy để gieo ác cảm giữa vua Kiền-Long và vua Quang-Trung chăng ?

(30) Nguyên văn chép là sông « Phú-lương »

(31) đã theo tôi. Rất dối và phanh mô cả những đàn bà có mang, không đề sót giống lại! Cái ngón thâm độc ấy còn gì quá quắt hơn nữa!

« Ôi, kìa ra, nhân dân ở nơi góc biển này, ai chẳng là con đồ của Triều đình? Đại Hoàng-đế là bực « cừu quá hóa thành » há lại ưa viên vông, ham công lợi, trước gây sự với ngoài biên cương, khiến hàng dân vô tội phải sa vào vòng tên đạn?

« Thế mà Sĩ-Nghị không biết lựa theo đức ý bề trên, lại đi giết người như ngóe, chẳng những riêng muốn cam tâm một mạng tôi, lại còn chực bắt giết cho kỳ tuyệt vây cánh của tôi nữa! Hân rao toạc lên tờ hịch, cốt dồn người ta vào chỗ chết mới nghe.

« Ôi, cứ kìa nhân, sĩ, giáp binh ở một dải bờ biển này sánh với Trung-quốc, không được một phần muôn. Nhưng lạch sâu trước, cộp dừ ở sau, lòng người sợ chết, tất ai cũng phải cố gắng hăng hái.

« Tôi không tránh cái tiếng « ném chuột vỡ đồ », bèn đem dăm ba tên trai tráng trong làng trầy ra.

« Mồng năm tháng giêng năm nay (kỷ-dậu, 1789) tôi tiến đến Lê thành, những mong Tôn-Sĩ-Nghị nghĩ lại, họa may có thể đem ngọc lụa thay đồ can qua, xoay binh xa làm hội xiêm áo? Tôi nhũn nhặn xin yết kiến, nhưng Nghị không hề trả lời.

« Qua bữa sau, quân Sĩ-Nghị xông vào đánh trước; vừa mới giao phong đã đồ vỡ, chạy tan bốn ngã, xô dè lẫn nhau mà chết. Thấy xác đầy nội, nghe

sông! Còn những quân chạy trốn ra các thôn trang ngoài thành lại bị dân gian đánh giết hầu hết. Ấy vì trước đây Nghị đóng đồn ở quanh thành, hân không biết ngăn cấm quân gia đề chúng hiếp hái, cướp chợ, làm cho nhân dân căm giận đến tận xương tủy!

« Ngay bữa vào thành, tôi lập tức ngăn cấm trong xứ: hễ thấy bại binh chạy trốn, nhân dân không được phép giết. Bọn tàn binh ấy được đưa đến đô thành còn hơn 800 người tất cả. Tôi đã sai lấy lương thực trong kho mà ban phát cho.

« Trộm nghĩ: Binh đao vẫn là việc bất đắc dĩ của thánh nhân. Đại Hoàng-đế thâm nghiệm nự nơi Cửu trùng. Những chuyện cương trường, Tôn-Sĩ-Nghị không hề thấu rõ từng việc một! Hân che lấp tai mắt nhà vua đến nỗi làm cho sự thế rối ren đến thế.

« Châu chấu đá xe, tôi thật không dám. Song, cửa vua xa cách muôn dặm, hễ tôi nhúc nhích làm gì liền bị kẻ khòn thần hiếp đáp. Không sao nhịn nổi, nên hình tích mới dường như chống cự.

« Thiết nghĩ: nước tôi từ Đinh, Lê, Lý, Trần trở đi, thế tại đời thay, chẳng phải chỉ là một họ. Hễ ai có thể làm rào giậu ở phương Nam thì Thiên-triều, lượng rộng như biển, thường vẫn làm ngơ lỗi nhỏ, lựa theo đạo Trời, cốt giữ lòng rất công bình, rất nhân từ, mà vu oan xói cho cái cây đã mọc, mặc dầu có những chuyện như bọn Ô-Mã-Nhi và Hoàng-Ngũ-Phúc đã làm bất lợi cho nước nhỏ này!

(31) Nguyên văn là « viên mục ».

« Nay lòng trời đã chán nhà Lê, con cháu họ Lê đồn kém, hèn yếu, không được lòng dân theo về.

« Tôn-Sĩ-Nghị, vì có nông nổi, không thấu suốt sự tình và lý do, nên mới chực vừa giúp gây dựng lại cho họ Lê ấy. Hẳn gây mối binh tranh, khiến cho bọn sinh linh phải cay đắng khổ ! Hẳn lừa dối bề trên, tàn ngược kẻ dưới đến thế là cùng !

« Tôi đóng quân ở thành Long-biên (Thăng-long), nghiền cổ ngóng trông về cửa trời... Gội có tờ biểu tạ tội và trần tình này nhờ quan Quảng-tây phân tuần Tả giang binh bị đạo (chỉ Thang-Hùng-nghiệp) chuyển tâu bày giúp.

« Nếp nghĩ : Đại Hoàng-đế là bậc theo ý Trời, ban trị hóa, làm cho cảnh khô lại xanh tươi, cây kiết lại nảy nở. Xin Ngài lựa theo tự nhiên, thứ cho cái tội đón đánh Sĩ-Nghị và xét cho tác thành mấy phen đã gỡ cửa ải, dâng lời tâu bày. Xin Ngài lập kẻ tư mục để chấn dân, dựng nước phen giậu để vững thế, ban ơn mệnh mới cho tôi làm Annam quốc vương, đứng làm phiên binh một phương, kính giữ cái chức phiên mục, khiến cho bản quốc có người cầm đầu cai quản.

« Tôi xin kính cầu sai sứ sang cửa cung khuyết, xưng phiên, sửa lễ cống (32). Lại sẽ xin đem số người (tù binh) hiện còn của nhà vua mà dâng nộp để tỏ tất dạ rất thật này. »

Cùng tờ biểu này, thêm bức thư cho Thang-Hùng-Nghiệp, mà đây là đoạn cuối với giọng kẻ đã biết người biết ta :

«...Ồi ! quân lính cốt hòa thuận, không cốt đông, cốt tinh nhuệ, không cốt nhiều. Người khéo thắng là thắng ở chỗ rất mềm dẻo, chứ không phải lấy mạnh đè yếu, nhiều hiếp ít. Ví bằng chút tình trước đây không được bày tỏ, Thiên triều không chịu khoan dung một chút, cứ muốn động binh để tranh chiến, thế là làm cho nước nhỏ không được phục sự nước lớn, thì bấy giờ Đại quốc (33) có dạy bảo gì, tôi cũng chỉ xin theo thôi. (34)

« Nay có một tờ lịch của Tôn-Sĩ-Nghị trong nói toàn là những lời lăng loàn, chọc tức, gây hấn, xin đình trình một thể... »

Cái nhún nhường giả bộ ấy, che đậy gọi là cái khí hùng kiêu đã khiến Thang-Hùng-Nghiệp trước, Phúc-Khang-An sau, chẳng còn nuôi ý muốn phục thù rửa hận nữa. Thay Tôn-Sĩ-Nghị làm tổng đốc Đông, Tây-Lưỡng-Quảng, Phúc-An-Khang cho về nguyên quán năm mươi vạn quân chín tỉnh, tháng tư năm ấy và dân Việt ở ải Nam-quan không hề thấy bóng cây đại kỳ với sáu chữ « Đề đốc cửu tỉnh binh mã ».

Rồi thì kẻ trấn biên cương, cùng bao người ở tại triều, kẻ dân xếp, người vận động, kẻ dâng biểu, người lựa lời, ai ai cũng gọi lòng thương dân, cũng nhắc lại những lần xe đồ trước :

(32) Chuyển cống này có các đồ phương vật là 10 vật vàng, 20 vật bạc (mỗi vật ăn 24 lạng)

(33) Chỉ nhà Thanh

(34) Ý nói có muốn đánh nhau thì ta sẽ đánh cho mà coi.

« Từ xưa đến giờ, Trung-quốc chưa bao giờ đắc chí ở cõi Nam cả. Chính Tống, Nguyên, Minh rút cục cũng đều thua hồng : gương ấy không xa, hãy còn sờ sờ ».

Khiến người hoàng đế háo thắng của đế quốc Mãn-Thanh phải vượt giặc làm lành, đưa cho hoàng đế dân Việt hai điều kiện để gọi là dù có sao sao, mình vẫn là Thiên-tử :

— Một là phải dựng đền thờ tướng Hứa-Thế-Hạnh đã bỏ mình vì đại quốc tại đất nước Nam.

— Hai là vua nước Nam, năm tới, phải đích thân sang châu và mừng vua phương Bắc ăn mừng tuổi tám mươi.

Vốn người sành tâm lý, Nguyễn-Huệ đều làm thỏa mãn hai điều đòi hỏi này của thượng quốc. Điều trước, chút hình thức, chẳng chi khó cả. Song điều hai, chạm mạnh tự ái của người đắc thắng nuôi từ lâu mộng chẳng chịu cúi đầu trước kẻ thù truyền kiếp, chạm mạnh thề

thống của một quốc gia độc lập vừa thành hình. Mà khước từ, chẳng được.

Một giải pháp thần tình được đưa ra : Quốc-vương nước Việt sẽ sang châu, song đó là quốc vương giả ; cháu gọi bằng cậu, tướng mạo rất giống vua, Phạm-Công-Trị, được chọn để đóng vai tuồng đặc biệt ấy.

Đối với nước Tàu, Nguyễn-Huệ đã tỏ ra không khuất phục, một cách vô cùng khôn khéo. Dù có, xằng có, mềm có, cứng có, tới có, lui có, làm kẻ cường lân tự đại kia chẳng trách vào đâu được mà luôn luôn kiêu nề bậc đàn em kỳ cục mà biết điều nọ.

Chúng tôi xin tạm ngưng đoạn « *Đổi vót nhà Thanh* » này, dành lại phần cuối để nói tiếp, phần « *Giấc mộng lớn* ».

(Còn tiếp)

Logi, đầu xuân Mậu Tuất (1958)

NGUYỄN-NGU-Í

★ **Ch**ớ lo không được làm quan to, nên lo cái « đức » của mình còn kém cõi ; chớ tủi vì không được bổng lộc hậu, nên tủi vì « trí » của mình còn hẹp hòi.

TRƯƠNG-HÀNH-TRUYỆN

★ **T**âm phải cho lớn để dung nạp người trong thiên hạ ; tâm phải cho rộng để chứa đựng điều hay trong thiên hạ ; tâm phải công bình để bàn việc trong thiên hạ ; tâm phải trầm tĩnh để xét lý trong thiên hạ ; tâm phải vững vàng để chống đỡ với biến cố trong thiên hạ.

LÃ-KHÔN

BẢO TỒ

TRÊN

LỤC ĐỊA TRUNG HOA

Tiểu-Dân dịch

KỶ lễ Cách mạng tháng 10 vừa qua tại Mạc-tư-khoa, Mao-trạch-Đông, lãnh tụ Trung-hoa Đỏ có mặt trong hàng quan khách. Ai cũng hiểu rằng đây là dịp để các nhà cầm quyền Điện Cẩm-linh phô trương lực lượng quân sự của chế độ Nga-sô-viết. Sự phô trương sức mạnh này hẳn là có nhiều mục đích : uy hiếp thế giới tự do, đồng thời buộc phải suy nghĩ những lãnh tụ nào, những quốc gia nào thuộc phe Xã hội chủ nghĩa muốn thoát ly khỏi vòng lệ thuộc Nga-sô.

Và tất nhiên Mao-trạch-Đông, vị thượng khách số một của Nga-sô dự lễ, đã phải suy nghĩ. Ông có thể có những ý nghĩ nào ?

Chắc rằng ông ta đã tự hỏi xem mình có thể đưa nước Trung-hoa đến

một trình độ như nước dân anh không ? Nhìn lại quá trình lịch sử, Mao-trạch-Đông hẳn phải bằng lòng với thành tích và thái độ lãnh đạo của mình trong cuộc cách mạng « giải phóng dân tộc » và « kiến quốc ». Ngay từ ngày đầu nắm quyền lãnh đạo tối cao, Mao-trạch-Đông đã luôn luôn đóng vai trò lãnh tụ dân tộc và lãnh tụ giai cấp. Ông đã cố gắng làm các giai cấp bị áp bức thấy nơi ông một kẻ bênh vực quyền lợi nhiệt thành. Ông gây ở mọi người cảm tưởng rằng Mao chủ tịch là vị cha già dân tộc sẵn sàng thứ tha, đón tiếp những đứa con phóng dăng, lạc đường ! Rồi ngày nay, Cách mạng Trung-hoa càng ngày tiến bước, Trung-hoa Nhân dân cùng với Nga-sô, trở nên đỉnh lủy của lực lượng xã hội chủ nghĩa. Phải chăng Mao-trạch-Đông có quyền tin ở

minh và hy vọng ở một tương lai tươi đẹp của nước Trung-hoa Cộng-sản ? Và phải chăng Mao Trạch Đông có lý khi nghĩ rằng với sức mạnh của khối người vĩ đại, ông hi vọng đưa nước Trung-hoa lên địa vị ngang hàng với cường quốc dần anh Nga-sô ?

Nhưng đây là những điều mà lãnh tụ Mao-trạch-Đông có thể nghĩ. Từ nhận thức đến thực tế con đường còn xa, và không ai ngạc nhiên nếu thực tế của nước Trung-hoa nhân dân phản trái hẳn với sự nhận thức của lãnh tụ họ Mao và Đảng Cộng-sản Trung-quốc.

Vậy sự thật về tình hình đại lục Trung-hoa sau khi Đảng Cộng-sản nắm chính quyền như thế nào ?

Việc làm đầu tiên của các nhà cầm quyền Cộng sản là củng cố chế độ thống trị, làm cho nhân dân phục tùng chính quyền cách mạng, hoặc bằng sự thuyết phục, hoặc bằng sự khủng bố.

Trong khi dân chúng Trung-hoa, sau bao nhiêu năm chiến tranh loạn lạc, chỉ mong được yên ổn làm ăn và tiếp nhận hòa bình một cách hân hoan, thì Đảng âm thầm bủa lưới thống trị : bóp nghẹt tự do báo chí, tổ chức hệ thống cảnh sát, công an và diêm chỉ viên, giành độc quyền thu nhận nhân công, độc quyền sản xuất, phân phối thực phẩm và độc quyền đại thương mại. Người dân Trung-hoa mắc trong lưới này chỉ có thể chọn một trong hai con đường : phục tùng chế độ hay là chết đói.

Nhưng không phải cả một khối non 600 triệu người kia cúi đầu một cách dễ dàng trước uy quyền của chế độ. Sức phản ứng có nhiều và khá mạnh mẽ. Phải

bóp chết sức phản ứng ấy. Các nhà cầm quyền Cộng sản nghĩ ra chính sách giáo dục tư tưởng cách mạng cho quần chúng, dựa vào đây để phá những tư tưởng thực dân, phong kiến phản cách mạng và triệt hạ những phần tử ngoan cố bảo thủ những tư tưởng phản cách mạng ấy. Thế là người ta tiến hành những loạt thanh trừng dựa hàng triệu nạn nhân ra pháp trường hay đến các trại cải tạo. Dĩ nhiên, những nạn nhân này chỉ có một cái tội : yêu chuộng Tự Do, Dân chủ, chống Cộng-sản.

Bằng con đường « sắt và máu », giờ đây Đảng Cộng-sản đã làm chủ tình thế. Mao-trạch-Đông bắt đầu đưa Trung-quốc vào con đường « Tập thể hóa » Đảng và Chính phủ đề ra Kế hoạch Năm năm để phát triển kỹ nghệ nặng và công cuộc giao thông, tập hợp ruộng đất của nông dân vào những hợp tác xã sản xuất. Nhưng các nhà cầm quyền Cộng-sản đã vấp phải bao nhiêu là khó khăn. Trước hết là nạn lụt ngập liên tiếp. Thứ đến, sự cần thiết xuất cảng vật phẩm để trả nợ viện trợ của Nga-sô. Nhân dân đã thiếu thốn thực phẩm và các nhu phẩm khác, do đó, càng thêm thiếu thốn. Công tác nặng nề, tiền lương không đủ sống, tình cảnh bất an, mục tiêu kế hoạch không đạt được, bao nhiêu điều ấy đã làm mòn mỏi thiện chí của dân chúng. Ngay những phần tử được chế độ ưu đãi cũng dậm ra chán nản, tiêu cực. Họ muốn hưởng một cuộc sống đầy đủ tiện nghi nhưng bị bắt buộc phải cố gắng không ngừng trong những điều kiện gian khổ và lại nếm trải từ thất bại này đến thất bại khác. Nhiệt tình cách mạng của họ vì

thế đã giảm suy vậy. Kế hoạch Năm năm lần thứ nhất, vốn là mối kiêu hãnh của nước Trung-hoa Nhân dân, đã thất bại rõ rệt. Người ta đã đặt kế hoạch này ra một cách hấp tấp, dựa vào những tiêu chuẩn không vững chắc và rời rạc. Dù nhân dân đã có những cố gắng lớn lao, Kế hoạch Năm năm tỏ ra không thể thực hiện được vì không tương hợp với khả năng xác thực của xứ sở.

Đề che giấu sự thất vọng to lớn ấy, Đảng Cộng sản đánh lạc hướng oán trách, hận thù của dân chúng bằng cách cho rằng sở dĩ công cuộc kiến quốc không thắng lợi rực rỡ là vì có sự phá hoại của những phần tử phản cách mạng. Thế là từ tháng 4 năm 1955, người ta phát động một công cuộc truy kích những phần tử phản cách mạng rất là to rộng. Những kẻ tội phạm nổi tiếng là Cao Cương, nguyên chủ tịch Mãn-Châu và giám đốc Kế hoạch Năm năm, Hồ-Phong, một văn hào trứ danh, đức cha Kiêu (Kiung), giám mục Thượng-Hải. Những kẻ tông phạm thì nhiều không kể xiết. Châu-Ân-Lai đã ước lượng rằng mười phần trăm đảng viên Cộng sản phải được thanh trừ.



Tháng 10 năm 1955, Trung Ương Đảng Cộng sản quyết định đẩy mạnh công cuộc «Tập thể hóa». Trước khi làm việc này và đề cho việc này được bảo đảm thành công, các nhà cầm quyền Cộng sản xúc tiến sự diệt trừ những phần tử phản cách mạng. Những người không may bị Cộng sản gán cho

danh hiệu này, bị truy nã càng bội phần gắt gao. Trong số ấy, những tín đồ Thiên Chúa giáo bị đặc biệt lưu ý.

Việc đẩy mạnh công cuộc «Tập thể hóa» nhằm chính vào sự cải cách nông thôn. Người ta ra sức xúc tiến việc tập hợp ruộng đất nông dân vào các nông trường tập thể. Những nông trường này bao gồm hằng trăm héc ta ruộng, đất. Tháng 12 năm 1954, có 400.000 hợp tác xã sản xuất. Tháng 12 năm 1955, con số đã vọt lên đến 1.900.000. Tháng 12 năm 1954, sáu mươi phần trăm ruộng đất của nông dân được tập hợp. Phần ruộng đất còn lại, người ta dự trù hoàn thành việc tập hợp vào năm 1956.

Từ lâu rồi, quốc gia nắm quyền kiểm soát tất cả công cuộc kinh doanh thương mại, kỹ nghệ lớn. Nhưng vẫn còn không biết cơ man nào xí nghiệp trung bình và nhỏ cũng như vô số tiểu công nghệ, sinh hoạt độc lập. Chỉ trong vòng một tháng, — tháng giêng năm 1956, tình hình trên đã thay đổi. Dưới áp lực của quần chúng do Đảng Cộng sản thúc đẩy, các chủ nhân đã phải kính cần thỉnh cầu chính phủ vui lòng nắm quyền chỉ huy công cuộc làm ăn của họ; những nhà tiểu công nghệ cũng buộc lòng phải xin phép gia nhập vào các hợp tác xã do một đại diện chính quyền chỉ huy.

Cũng trong tháng giêng ấy, một kế hoạch ký âm tiếng Trung-hoa căn cứ vào mẫu tự la tinh đã được chấp nhận. Chấp nhận về nguyên tắc thôi, sự thực hiện còn tùy thuộc vào những

quyết định về sau. Mặt khác, chính phủ bắt đầu lo ngại về sự thiếu thốn kỹ thuật gia và những mầm mống đào tạo kỹ thuật gia là học sinh. Đây là nguyên nhân của tình trạng thiếu thốn này ? Người ta đã nhận rằng nguyên nhân ấy nằm trong việc đề ra kế hoạch Năm năm. Từ ngày Kế hoạch được phát động, nền kỹ nghệ thu hút tất cả dự trữ tiền tệ, xưởng máy và ruộng đồng, đòi hỏi nhân công càng ngày càng nhiều. Không có tiền mở trường và dài thọ các chi phí khác cho nền giáo dục, ít người đi học, chính quyền Cộng-sản phải chứng kiến sự ngưng trệ của các cấp trung học và đại học vậy.



Có lẽ vì thế mà vấn đề các nhà trí thức được xem xét trở lại.

Từ ngày đất nước được « giải phóng », nhiều nhà trí thức đã bị đẩy vào những công việc phụ thuộc và số người thay thế thì ít ỏi, kém năng lực. Trong bản báo cáo tại Hội nghị Tư vấn chính trị, Chu-ân-Lai đã ước lượng có độ 100.000 nhà trí thức cấp cao như kỹ sư, nhà địa chất học, nhà cơ thể học, nhà xã hội học, vân vân. Trong số này, Chu tính phỏng có độ 40 phần trăm phần tử « tích cực », 20 phần trăm phần tử « nguy hiểm » và 40 phần trăm phần tử « kém ». Theo nhận định của các nhà cầm quyền Cộng-sản, những phần tử « kém » là những nhà trí thức có lương tâm chức nghiệp, chăm chỉ làm việc nhưng rất ít quan tâm đến chính trị. Họ không phấn khởi tin tưởng ở chủ nghĩa xã hội và Nga-sô. Hơn thế, họ căm tức thái độ khinh bạc

của những đảng viên Cộng-sản và chán ghét những phương pháp cải cách bạo tàn. Dưới mắt nhà cầm quyền Bắc-kinh, những phần tử như thế sẽ không « giác ngộ » được « chân lý », trừ phi họ được giáo dục trường kỳ và được cải thiện về điều kiện sinh hoạt và công tác. Nhưng đề khai thác khả năng của họ, nhà hữu trách phải chọn giao cho họ những công tác thích đáng. Chúng ta trở lại vấn đề đẩy mạnh công cuộc « Tập thể hóa » nói ở trước.

Tình hình bây giờ đây rất lạc quan. Sức sản xuất nông nghiệp và kỹ nghệ, dưới sự thúc đẩy của các nông trường, công trường, hợp tác xã do Đảng lãnh đạo, vừa phá được nhiều kỷ lục của thời gian trước. Nhờ những kết quả nhất thời này, chính quyền Cộng sản tiến hành công cuộc xã hội hóa sinh hoạt nhân dân mà không vấp phải sức phản ứng nào mãnh liệt.

Đúng vào lúc này, Đảng Cộng-sản Nga-sô họp phiên Đại hội lịch sử lần thứ hai mươi. Người ta nhớ rằng trong Đại hội này, thần tượng Xít-ta-lin bị đánh gục và nhiều lý thuyết, chính sách mới được trình bày và cổ súy như thuyết « Nhiều con đường tiến tới xã hội chủ nghĩa », chính sách « Dân chủ hóa tổ chức, sinh hoạt » v.v...

Ngày 5 tháng 4, báo Nhân-Dân ở đại lục Trung-hoa đăng một bài bình luận về bài xã thuyết lịch sử của báo Sự-Thật ở Nga-sô (28 tháng 3). Bài xã thuyết của báo Sự-Thật thì nhấn mạnh về những khuyết điểm và ảnh hưởng tai hại của chế độ tôn sùng cá nhân do Xít-ta-lin thiết lập trong một thời gian dài. Bài báo

Nhân Dân khác hẳn, không hăng hái chỉ trích những sai lầm của Xít-ta-lin chút nào, mà còn nhấn mạnh về công trình tích cực của Chúa trùm Đổ quá cố ; đặc biệt, bài báo tán dương Đảng Cộng-sản Trung-hoa rằng Đảng chẳng bao giờ đi chệch ra ngoài đường lối quần chúng, đúng theo tinh thần chủ nghĩa Mác Lê-nin.

Lần đầu tiên trong lịch sử bang giao giữa các nước Cộng-sản, xảy ra một biến cố quan trọng về ý nghĩa như thế. Phải chăng Trung-hoa Nhân Dân muốn tỏ ra với cường quốc đàn anh Nga-sô rằng Đảng lãnh đạo một khối người vĩ đại như Đảng Trung-quốc phải được Đảng Nga-sô đối xử bình đẳng hơn ?

Dù sao, ngọn gió tự do đã nhẹ nhẹ thổi. Tình hình có vẻ thuận lợi để thực hiện sự đoàn kết giữa chế độ Cộng-hòa Nhân Dân Trung-hoa và tất cả phần tử có thiện chí trên đại lục.

Ngày 25 tháng 5, tại Bắc-kinh, Lưu-thiếu-Kỳ lên tiếng trước một cử tọa hữu danh gồm các nhà bác học, xã hội học, y sĩ, văn nghệ sĩ. Lưu-thiếu-Kỳ là trưởng ban tuyên huấn trong Trung-Ương Đảng bộ và là nhà tư tưởng mác-xít được sắp vào hạng thầy. Ông được xem như nhân vật quan trọng thứ ba của chế độ. Hôm đó, Lưu-thiếu-Kỳ đảm nhận một sứ mệnh đặc biệt: trình bày thuyết Bách-Hoa và Bách-Phái, mở đường cho sự tự do tư tưởng nhưng chặn ngăn sự phát triển của những tư tưởng dị đồng nào bất lợi cho chế độ.

Lưu-thiếu-Kỳ đã nói gì ?

Trước hết, ông xác định lập trường đối với những phần tử phản cách mạng,

Ông tuyên bố rằng chế độ dứt khoát tước đoạt mọi quyền hạn dân chủ ở những phần tử phản cách mạng. Những người này sẽ bị diệt trừ hoặc nếu có thể, được cải tạo.

Nhưng đối với nhân dân thì thái độ mới của chế độ như thế nào ?

Đảng và Chính phủ nhận định rằng trong hàng ngũ nhân dân vẫn còn tồn tại những mâu thuẫn bình thường giữa « khách quan và chủ quan, tiến bộ và lạc hậu, năng lực sản xuất và quan hệ sản xuất. »

Nói cách khác, dù có thiện chí, mọi người không thể nhất loạt vươn đến chân lý mác-xít ; nhiều người vì lẽ này hay lẽ khác, tiến bộ một cách khó khăn. Họ cần được giúp đỡ, viện trợ tinh thần. Đã thừa nhận sự khác biệt về trình độ tư tưởng như thế thì chủ nghĩa duy tâm có quyền được lên tiếng như chủ nghĩa duy vật ; tuy nhiên hai chủ nghĩa không phải được xem ngang nhau vì cái trước chứng tỏ một tinh thần lạc hậu trong khi cái sau là giới hạn mà mọi người phải đạt đến ; họ phải đạt đến không phải vì bị cưỡng bách mà do sự nghiên cứu, thảo luận hòa hảo.

Trường hợp văn nghệ sĩ, nhà bác học, đáng được lưu ý đặc biệt. Chủ trương rằng hoạt động của họ không liên quan gì đến chính trị là một điều sai lầm nghiêm trọng, nhưng đồng hóa hoạt động ấy với sinh hoạt chính trị cũng sai sót. Chỉ cần họ thành thật phục vụ dân tộc. Họ có thể tự do bênh vực những ý kiến bất đồng. Nếu

ta không làm như vậy thì xã hội không tiến bộ mà lâm vào cảnh bế tắc. Đã đành ta cần học tập kinh nghiệm quý giá của Liên-sô nhưng nếu ta bắt chước một cách mù quáng, Trung-Hoa sẽ chịu nhiều thiệt thòi lớn lao. Một số người vì chống Liên-sô nên chỉ trích những lý thuyết khoa học của Ba-lô (Pawlov) và của Mit-su-rin (Mitchourine) ; đó lại là một thủ đoạn chính trị phá hoại. Dĩ nhiên, cần phải đàn áp khắc nghiệt. Nhưng nếu người ta đứng trên cương vị thuần túy khoa học mà chỉ trích những lý thuyết ấy, đó là việc làm chính đáng. Trong văn học cũng như trong các bộ môn nghệ thuật, chủ nghĩa hiện thực là hình thức cao nhất của văn nghệ nhưng không phải là hình thức duy nhất.



Nếu những nhân vật trọng yếu của chế độ không nói ra như vậy, chắc không ai dám hó hé và đâu vẫn hoàn đấy. Thật vậy, ai không phải đảng viên Cộng-sản mà dám tự hào rằng mình ở trong hàng ngũ nhân dân chứ không phải thuộc về loại phản cách mạng ? Đâu là ranh giới giữa những ý kiến chống đối « khoa học » và những ý kiến chống đối « chính trị » ? Trong sự nhận thức rất lơ mơ ấy về ý nghĩa của sự tự do tư tưởng mà Đảng cố hiển cho nhân dân, người ta chỉ có thể chắc chắn ở một điều : chế độ tiếp tục truy kích, diệt trừ những phần tử phản cách mạng.

Nhưng nhiều tin tức kỳ lạ bắt đầu được tiết lộ ra ngoài. Tháng sáu, quốc

hội nghe báo cáo về tình hình ngành tư pháp. Những thuyết trình viên đều đồng thanh phản nản việc thiếu một bộ luật. Sau khi đất nước được « giải phóng », những đạo luật của chế độ cũ đã bị hủy bỏ. Rất ít đạo luật mới được ban hành. Thủ tục tư pháp bị xem là vô giá trị. Những phán quyết của Tòa Thượng Thẩm thường nằm trong vòng bí mật. Vậy các tòa án căn cứ vào đâu mà xét xử ? Người ta chỉ có thể dựa vào chính sách, đường lối giai đoạn của chính phủ, nhưng bản thân những chính sách, đường lối ấy cũng thường bấp bênh, hay thay đổi, không cung cấp một tiêu chuẩn pháp lý nào để nhận định tội lỗi, lại rất mơ hồ về thủ tục.

Hoàng-châu-Hùng (Huang Shao Hung) đã viết về tình trạng ấy như sau :

« Thiếu bộ hình luật, người ta luôn luôn tham khảo những qui tắc xử trí đối với các phần tử phản cách mạng, để xét xử ở tòa án. Cho nên con số các vụ án phản cách mạng không ngừng tăng tiến, làm thương tổn đến uy tín quốc gia. Danh từ phản cách mạng thường được gán cho thường phạm... Những cuộc nói chuyện của tôi với các ông ủy viên công tố, các ông thẩm phán, các luật gia, làm cho tôi tin rằng mọi người đều mong ước việc công bố một bộ dân luật và hình luật càng sớm càng hay, vì họ cho rằng thà có một hệ thống tư pháp không hoàn mỹ còn hơn là chẳng có gì »

Đành rằng Hoàng-châu-Hùng không thuộc về hạng nhân vật quan trọng của chế độ và chẳng ai khờ khạo tin ở

khả năng thực hiện một chế độ pháp lý ở nước Trung-hoa Nhân - Dân. Tuy vậy, Hoàng là người đầu tiên đã dám nói lên sự thật.

Chuyện lạ lùng hơn nữa là người ta có thể phê bình, chỉ trích người Nga chứ không phải xem người Nga, hoặc những cái gì thuộc chế độ Nga xô, như những điều hủ ký nữa ; người ta có thể đề cập đến những khó khăn của đời sống thực tế, phát hiện ra những nguyên nhân khác, không nhất thiết phải nhận rằng đời sống khó khăn của nhân dân là do những phần tử chống chế độ phá hoại và người thừa nhận có những khó khăn ấy không nhất thiết là một phần tử phản cách mạng.

Kể từ ngày 1 tháng 7, báo Nhân-Dân dành mỗi ngày một cột đăng bài chế diễu cuộc sống của người Trung hoa hiện tại, đậm đà tính chất dẫn dắt và tẻ nhạt.

Thối bất chước tất cả cái gì của Nga là một đề tài kỳ thú. Báo Nhân Dân ngày 29 tháng 8, đăng bài sau :

« ... Cả đến ngữ vựng của chúng ta cũng bị Liên xô hóa. Ví dụ : tiếng « xơ-mi-na » (Seminar)... Trong một cuộc hội nghị năm 1953, tôi nghe một người nói về « xơ-mi-na » một cách đầy phấn khởi. Tôi không thể kìm hãm tánh tò mò và hỏi đó là cái gì. Người ta kinh ngạc thấy tôi kém hiểu biết đến thế. Cuối cùng tôi được giải đáp : « Xơ-mi-na » là tiếng Liên-xô có ý nghĩa là việc nghiên cứu, học tập. Mới đây, đọc các báo, tôi thường gặp một tiếng bí ẩn : « Buy-la-si » (Pulachi). Hai ngày về sau, trong lúc đi dạo, tôi thấy những cửa hàng bày bán y phục phụ nữ đề tên « Buy-la-si ». Tôi hiểu ngay rằng « Buy-la-si » là một bộ áo xiêm.

Tôi không thuộc hạng người sùng ngưỡng quá đáng tiếng Trung-hoa và cấm đoán mọi sự vay mượn ngoại ngữ nhưng tôi kiên quyết chống lại những điều vô lý như thế... Hãy hỏi một nữ sinh viên trẻ tuổi xem cô ăn thứ gì đó. Cô trả lời : « Cô-va » (Covas) (Một tiếng mà tôi mới thấy trong một quán ăn ở Bắc-Kinh).

— Cô mặc y phục gì ?

— « Buy-la-si » (Pulachi).

— Cô làm gì ?

— « Xơ-mi-na » (Seminar)...

Trong số báo Nhân-Dân ngày 10 tháng 10, cũng ký giả ấy kể một chuyện khác. Đây là chuyện của chính ông ta. Ông đánh vỡ đôi kính đeo mắt nên tìm đến một hiệu bán kính tối tân. Người bán bảo ông với một giọng cộc lốc : « Hôm nay không khám mắt ! Điều lệ cấm ! »

Nhà ký giả thấy vậy yêu cầu cho mượn tạm một cặp kính.

Vấn câu trả lời :

— Điều lệ cấm ngặt !

Khách cố năn nỉ và bị « chỉnh » :

— Sao ? Anh không tuân hành điều lệ mà anh còn dám phê bình chúng tôi à ?

Trong tình thế ấy, nhà ký giả đành rời khỏi cửa hiệu. Trong khi lê gót đó đây, — một cách chập chững vì thiếu mục kính —, ông tìm thấy một hàng bán kính cũ kỹ. Tại đây một cụ già tiếp khách với lễ độ nghìn xưa, kéo ghế mời khách ngồi và hỏi han săn đón ; cuối cùng, cụ già thiết tha xin lỗi không thể cung ứng món hàng

ngay trong ngày được và van nài khách vui lòng nhận mượn tạm một đôi kính khác. Nhà ký giả tự nhiên cũng thấy sống dậy nơi mình phong độ thù ứng cũ xưa và từ chối một đề nghị ân cần như thế. Nhưng cụ già bán kính cổ nài nỉ cho được và ký giả ra đi, vui buồn lẫn lộn trong lòng. Vui vì có đôi mục kính, nhưng buồn cho bước đường mặt lộ của nền lễ độ Trung-Quốc.



Bây giờ ta hãy nhìn một bức họa. Cảnh một hiệu bán sách. Ở góc này, ta thấy những chồng sách được bày biện trước mắt mọi người, toàn là những tài liệu tuyên truyền của cơ quan, đoàn thể. Nhưng ở góc này không có khách. Trái lại, nơi góc kia, ta thấy một đám đông người đứng mơ màng trước những học ngắn trống rỗng mang các nhãn hiệu « Cờ văn, Kinh điển », « Khoa học » v.v... Lờn chú giải dưới bức họa như sau : « Cái chúng ta muốn không có nơi đây, cái chúng ta không muốn thì có. »

Bức họa hoạt kê ấy không phải do một phần tử vô ý thức nào vẽ ra, một cách vội vã, trên một mặt tường. Không. Nó nằm choán một trang của báo Nhân Dân. Qua việc này, người ta nghĩ rằng hậu quả rõ ràng nhất của thuyết Bách-Hoa là sự quật khởi tức thời của dân chúng để hưởng thụ những món ăn mà họ ưa thích, những món ăn từ lâu rồi họ bị cấm đoán, không được dùng.

Trước hết, người ta giành giật với nhau những cờ văn, kinh điển. Người

ta phân nản tình trạng thiếu thốn sách mới và cách thức cắt đầu, chặt chân tàn nhẫn của chế độ kiểm duyệt đối với các sách ấy. Dư luận sôi nổi đòi không được lẫn lộn văn học với triết học chính trị, đòi phải tôn trọng sự thật lịch sử, đòi gấp rút cứu vãn, bảo tồn những quyển sách cũ. Ở khắp nơi, dân chúng lên tiếng tố cáo những hành động phá hoại của cán bộ Cộng-sản. Cán bộ đã buộc người bán sách phải bán những sách quý tích trữ theo kí lô. Cán bộ đã lấy sách trong các thư viện mà họ có trách nhiệm giữ gìn, bán lại cho các xưởng giấy, xưởng pháo, xem các sách ấy như là vật liệu. Những tuyến tập hiem có đều bị xoáy cấp như thế hoặc bị phẩy bỏ làm mồi cho sâu bọ, ở nơi khí hậu ẩm ướt. Dư luận dân chúng buộc phải giao cho những chuyên viên có tư cách, trách nhiệm chăm nom, gìn giữ các sách ấy.

Người ta bảo rằng thiếu giấy để tái bản những cờ văn, kinh điển hay công bố những công trình khoa học thiết yếu đối với các giáo sư và kỹ thuật gia. Nhưng tại sao in ra hàng đống sách cực kỳ vô vị và hoàn toàn không bổ ích như thế ?

Thật vậy, sách bán không hết, chồng chất hàng triệu quyển trong các kho, mặc dù người ta đã vận dụng mọi cách để thúc đẩy dân chúng mua.

Sinh hoạt kịch trường, sân khấu bị chỉ trích càng gay gắt hơn. Từ hai năm nay, các gánh kịch, hát đã đưa ra, trình diễn những vở tuồng nặng mùi tuyên truyền cho chế độ, cho đường lối chính trị của Đảng và Chính

phủ. Điều này không lạ. Ai cũng biết rằng các gánh kịch hát bị kiểm soát nghiêm ngặt. Và kết quả rõ ràng nhất là khán giả, thính giả chán ngấy, không thèm xem kịch hát.

Tháng 4, những ca kịch sĩ ở Bắc-kinh đã kêu lên: « Phải bỏ gánh những xiềng xích ràng buộc kịch trường ». Công chúng đã nhiệt liệt ủng hộ quan điểm này.

Cuối cùng, các nhà hữu trách đã phải nhượng bộ. Ủy ban Cải cách kịch trường của thị xã Bắc-kinh nhận định rằng đối với một công chúng được « đào luyện » thì những vở tuồng bất lợi về chính trị không thể gây ảnh hưởng được, nên Ủy ban quyết định nói rộng chương trình, nội dung diễn xuất, cho phép các gánh kịch hát trình bày những vở tuồng bấy lâu bị cấm đoán, với điều kiện phải cắt bớt một vài đoạn.

Về những tuồng mới, dư luận thống nhất với nhau một cách lạ kỳ trong sự nhận định rằng những tuồng ấy không có một chút giá trị nào, ngoại trừ vài vở tuồng xu hướng Cộng sản nhưng được sáng tác trước ngày « giải phóng »; hiện tại, những soạn giả thời trước không còn thì giờ hoặc sự can đảm để sáng tác, những soạn giả mới thiếu kinh nghiệm và tài năng.

Tình trạng màn ảnh cũng không khả quan hơn. Phòng chiếu bóng tăng lên nhiều,

số người xem cũng vậy, nhưng các phim không hề được công chúng hoan nghênh. Hội nghị điện ảnh tháng 10 nhận xét rằng trong hơn 100 phim được chiếu ba năm trở lại đây, 70 phần trăm không thu được lại đủ số phí; một số phim không thu hồi được lấy 10 phần trăm phí tổn.

Vì sao công chúng lãnh đạm với những phim Trung-hoa? Các chuyên viên đã phải tự hỏi như vậy. Nếu họ lắng tai nghe ngóng dư luận vô tư, họ sẽ thấy ngay sự thật. Đó là những nguyên nhân thất bại của màn ảnh dưới chế độ Cộng hòa Nhân Dân?

Trước hết, các phim giống nhau một cách khó chịu, cái nào cũng như cái nào, làm cho người xem có cảm tưởng về một sự nhái đi, nhại lại nhặt phèo.

Thứ nữa, các phim ấy đã mất tất cả tính chất dân tộc Trung-hoa: kịch nghệ của tài tử, ca hát, động tác sân khấu, tất cả đều bị Nga hóa.

Công chúng có khả năng thưởng thức bất cứ yếu tố tiến bộ nào, nhưng đôi khi không cổ nghĩa là bỏ mất bản sắc dân tộc, họ không chịu nổi một tình hình nghệ thuật khô khan và vong bản như thế. Quá thất vọng, công chúng sinh ra tiếc nhớ nghệ thuật của nghìn xưa lưu lại.

(còn tiếp)

TIÊU-DÂN dịch

(Typhons sur la Chine, Charles Couturier, Tạp chí Études số 1, tháng giêng năm 1958).

★ Ta phải góp thêm viên đá của ta vào tòa nhà cổ gắng của nhân loại.

GUY DE LARIGAUDIE

Trên không giáo hóa, tội không ở dân

Khổng-Tử làm quan đại tư khấu (tể tướng) nước Lỗ. Có hai cha con nhà nọ kiện nhau, phu tử bắt giam cả hai người vào trong một nhà giam, ba tháng không cho rời nhau. Người cha xin thôi việc kiện, phu tử tha ngay.

Quý-Tôn, một vị đại phu rất thân với vua nước Lỗ nghe việc ấy, không bằng lòng. Nói : « Tư khấu gạt ta. Trước đây bảo ta rằng : Việc quốc gia, trước cần chữ hiếu. Ta nay giết một kẻ bất hiếu, để dạy dân giữ hiếu, há chẳng nên sao ? Thế mà lại tha, là nghĩa thế nào ? »

Nhiêm-Hữu đem việc ấy nói với Khổng-tử. Khổng-tử thở dài, than rằng :

« Than ôi ! Trên mất đạo trên, mà giết kẻ dưới mình, thật trái lẽ. Không dạy làm điều hiếu, mà cứ dễ khép án, thế là giết kẻ vô tội. Ba quân thua lớn, không thể giết chết. Án ngục không đúng, không thể bắt tội. Tại sao thế ? Tại trên không giáo hóa, tội không ở dân. Ôi ! hờ hững mệnh lệnh, chặt chẽ chém giết, là giặc vậy. Thu vét sưu thuế, không chừng, không mực là bạo vậy ; không thử thách trước, bắt phải thành việc, là ngược vậy.

Trong việc chính trị phải không có (tránh) ba điều trên đó, thì rồi việc hình phạt mới có thể đúng mực được »

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

★ Yêu người mà người không yêu lại thì thử xét coi lòng « nhân » của mình đã đầy đủ chưa ; kính người mà người không kính lại, thì thử xét coi lòng « kính » của mình đã chu đáo chưa ?

MẠNH-TỬ

★ Lòng nhân cảm hóa người ta mạnh hơn là sự sốt sắng, lời hùng biện hay kiến thức cao. Có ba điều sốt sắng, hùng biện và kiến thức mà không có lòng nhân thì cũng không cảm hóa được ai.

P. FABER

NHÂN MÃY CÁI ẪN

CÁC VĂN NGHỆ SĨ, HỌC GIẢ, TRÍ THỨC
Ở MIỀN BẮC NƯỚC VIỆT

LƯU-NGUYỄN Đ.T.T.

Thế là Ánh-sáng vùng lên.

Sau mười năm gian khổ não nề, đem cả sức trẻ, tài trai, chí già mà giành lại cái gia tài quý báu vô song lỡ mất vào tay người non thể kỷ, cái gia tài phải giành với mồ hôi, nước mắt, máu xương, cái gia tài : **Độc-lập**,

Sau hai năm chờ đợi xôn xao, chờ non sông qui về một mối như hiệp định Genève đã ghi, như ai kia quyết là phải có, đợi đời sống vật chất bớt khắt khe, đời sống tâm tư được kính nể, đời sống tư tưởng như chim lồng thoát ngục, để mà reo vang với Bình-minh : **Tự-do ! Hạnh-phúc !**

Thế mà, đây là sự thật phũ phàng : phân nửa nước tự trông vào cổ một ách mới, dưới một hình thức khác xưa, nước Bến-hải vẫn chia hai dòng cách biệt, và

bàn tay sắt của ai kia đã làm những tiếng « **Độc-lập, Tự-do, Hạnh-phúc** » càng thêm tủi hổ.

Cho nên, Ánh-sáng đã le lói từ 1956, nhân cánh cửa nặng nề của cái ngục không lồ hé mở theo phong trào « *Công tác sửa sai* », theo chính sách « *Trăm hoa đua nở* ».

Rồi tràn lan năm 1957, trong các tập « *Giai phẩm* », trên mặt các báo « *Đất mới* », « *Nhân văn* », « *Văn* », tại Câu lạc bộ các nhà văn, trong lòng Hội Nhà Văn miền Bắc.

Đề rồi, năm 1958, bị « *dập tan* » : tác phẩm bị tịch thu, báo bị đóng cửa, tự do bị đe dọa hay là mất hẳn, nhân dân được huy động để mà căm thù lũ người căm viết, ôm đàn, nâng cộ đã dám có những « *tư*

trường chống Đảng », có những lời lẽ « chống chế độ trong văn nghệ hiện nay ».

Nhưng mà làm sao « đập cho tan nát » Ánh-sáng, nhất là khi Ánh-sáng ấy từ lòng người chân chánh, từ não người sáng mạnh phát ra, và đã bay qua khỏi lưới sắt của ai vây lại bủa.

Mà những người đó là những người nào ?

Những người đã có công với văn hóa, với học thuật, với kháng chiến, với văn nghệ, cả với « Đảng » nữa :

Đào-Duy-Anh, Phan-Khôi, Văn-Cao, Nguyễn-Mạnh-Tường, Trần-Đức-Thảo, Trương-Tửu, Thụy-An, Quang-Dũng, Trần-Dẫn, Minh-Đức, Phùng-Quán, Chu-Ngọc, Thanh-Châu, Hoàng-Cầm, Sĩ-Ngọc, Trần-Thanh-Mại, Nguyễn-Hữu-Đang, Bùi-Xuân-Phái và bao người nữa...

Chúng ta hãy nghe những « ủy viên chính phủ » miền Bắc hẳn học buộc tội họ mới rõ phần nào sự thật ở « bên kia sông ».

Và cũng vì muốn các bạn đọc đoán độ công phần cùng sức « vùng lên » của các văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc, rõ cái giọng buộc tội và cái luận điệu « đập nát, quét sạch » của những kẻ « từ vì đạo... » Cộng sản, nên chúng tôi cố ý mời các bạn nghe họ nói nhiều, nhiều hơn là chúng tôi nói.

Lệnh trên truyền xuống. Tức thì những con người máy ấy cho máy chạy ầm ầm.

Lẽ dĩ nhiên là tiếng súng lệnh được ban ra từ cơ quan trung ương của đảng Lao-dộng Việt-nam (1), mặt nạ của đảng Cộng-sản Đông-dương, tờ « Nhân dân » ra

ngày 15-3-58. Người bắn là Quang-Đạm. Và phát súng lệnh ấy được mệnh danh một cách quyết liệt và dứt khoát vô cùng :

« Đập cho nát chủ nghĩa xét lại trong văn nghệ ».

Và đây và vài đoạn tiêu biểu :

« Chủ nghĩa xét lại trong văn nghệ ở xã hội miền Bắc nước ta biểu hiệu ở đâu và khi nào ? Sự thật là nó đã biểu hiệu rải rác ở nhiều nơi và kéo dài hai, ba năm nay. Song một điều mà mỗi người chúng ta ngày nay đều có thể nhìn thấy là nó đã biểu hiện một cách tập trung nhất, trắng trợn nhất trên báo *Nhân văn* và các tập *Giai phẩm* đã bị nhân dân ta lên án hồi cuối năm kia. Hồi đó, chúng ta đã bước đầu vạch ra chân tướng xấu xa của *Nhân văn* — *Giai phẩm*. Nhưng sau khi *Nhân văn* — *Giai phẩm* đình bản, tư tưởng *Nhân văn* — *Giai phẩm* chẳng những không cam chịu thất bại, mà nó còn ngoan cố bám lấy những vị trí có thể bám, len vào bất cứ nơi nào có thể len, thậm chí đã lũng đoạn một số cơ quan văn nghệ của chúng ta, hoạt động vừa lén lút, vừa công khai cho đến gần đây. Nó đã tỏ ra là một kẻ thù dai dẳng của chúng ta trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và nền văn nghệ xã hội nói riêng. Bởi vậy, ngày nay, bắt đầu bước qua ngưỡng cửa của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp cách mạng đòi hỏi chúng ta đứng vững dứt khoát trên lập trường xã hội chủ nghĩa và dưới ánh sáng

(1) Và lẽ dĩ nhiên, đảng *Dân chủ*, thứ chùm gởi di ọp, đảng *Xá hội*, khúc ruột thừa, *Mặt trận Tổ quốc*, công cụ một thời, liền lên tiếng hòa vào bài « hợp tấu » có chỉ huy này.

những tài liệu quý báu mà chúng ta đang học tập [những văn kiện lịch sử của các Đảng Cộng sản và công nhân họp tại Mát-sco-va năm ngoái] để bóc trần tư tưởng *Nhân văn — Giai phẩm* một cách sâu sắc hơn nữa, để đánh bại nó đi. Cụ thể là chúng ta cần nhìn lại cái cơ hội mà chủ nghĩa xét lại đã ngóc đầu lên trong văn nghệ, vạch ra cái thái độ hùng hồ, và cái dã tâm ngông cuồng của nó, đặc biệt là phân tích rõ ràng để đập tan những luận điệu xảo trá của nó ».

(trang 2, cột 1 và 2)

« Ngày 29-8-1956, *Giai phẩm mùa Thu* tập I ra đời. Ba tuần lễ sau (20-9-1956), báo *Nhân văn* xuất hiện. Mở đầu một bài báo có tính chất lời phi lộ của *Giai phẩm*, Phan-Khôi nhận định cơ hội bằng một câu của Mạnh-tử : « *Bĩ nhất thời dã, thử nhất thời dã* » (1). Tiếp theo đó là những đoạn dài dòng bôi nhọ chế độ, vu cáo lãnh đạo một cách hèn nhát. Bằng một lối nói xảo quyệt, Phan-Khôi đem chế độ yêu quý của chúng ta mà ví với một « *triều đại gì đó* », và đem những đồng chí chúng ta không tán thành quan điểm của Phan-Khôi mà ví với Phạm-Quỳnh. Phan-Khôi đã bộc lộ cái triết lý « *bĩ nhất thời dã, thử nhất thời dã* » của mình ở chỗ công khai trở lại cái « *Tôi* » đã được phong kiến và thực dân nhào nặn từ thuở nào. Chế giễu sự làm việc theo yêu cầu công tác, Phan-Khôi than thở : « *Tôi* còn đâu được là *tôi* nữa ! »

(trang 2, cột 4)

« Sau khi huênh hoang « *lên án* » như vậy, họ định đưa người ta đi tới cách giải quyết như thế nào ? Nhắc lại những cái « *cản trở* » sức sản xuất theo tinh thần như Trương-Từ đã nêu ra, bài « *Nỗ lực phát triển tự do dân chủ* » của Trần-Đức-Thảo (*Nhân văn*, số 3) đã đặt vấn đề « *đánh đổ cái cản trở ấy là một nhiệm vụ cấp bách*. » Hoàng-Huê, rắp ranh tiến thân bằng con đường tăng công với chủ nghĩa xét lại, cũng làm một bản đề án đăng trên *Giai phẩm mùa Thu*, tập II, đòi hỏi « *Tổ chức Hội Văn nghệ đã đến lúc cần phá vỡ* », « *Ban chấp hành ấy... chúng ta cần kéo trút nó xuống* ». Còn Trương-Từ thì một mực đòi : « *Công việc lãnh đạo văn nghệ trả cho văn nghệ* », đòi văn nghệ phải có « *quyền tự do phát hiện sự thực toàn diện* » (...) và đe dọa : « *Nếu không, nó cũng tự tạo cho nó điều kiện ấy* » (*Giai phẩm mùa Thu*, tập II, III và *Giai phẩm mùa Đông*)

« Những việc làm như thế, nhóm *Nhân văn — Giai phẩm* tuyên truyền ầm ĩ dưới chiêu bài « *chống quan liêu, bè phái, sùng bái cá nhân* » và định lừa phỉnh người ta rằng đó « *là một phong trào cách mạng của toàn dân* », « *nó giải phóng sức sản xuất, chỉnh đốn tổ chức, đẩy mạnh sự tiến triển của xã hội Việt-nam* (Cũng trong bài « *Nỗ lực phát triển tự do dân chủ* » như trên).

(trang 2, cột 7)

Trong số báo ngày 16-3-1958, cũng tác giả ấy, cũng nhan đề ấy :

(1) « *Hồi đó là một thời, giờ đây lại là một thời* ».

« Thoạt tiên, nhảy lên vũ đài, Trương-Tửu đã làm ra vẻ ta đây không vướng chút tư tưởng sùng bái cá nhân nào cả, và bằng một giọng phỉnh nịnh, Trương-Tửu nói: « Tôi không nói đó là bệnh của văn nghệ sĩ, vì rằng, hôm qua cũng như hôm nay, người văn nghệ sĩ tự trọng không bao giờ thừa nhận sự sùng bái cá nhân. » Đề dẫn chứng, Trương-Tửu kể ra một vài cuộc tranh luận hoặc trao đổi ý kiến rất thông thường rồi kết luận rằng: không kể đúng hay sai, « chỉ một việc tự do và mạnh bạo phát biểu quan điểm riêng của mình trái hẳn với quan điểm của một nhà lãnh tụ » cũng đủ tỏ ra « không có thói quen sùng bái cá nhân » (Giai phẩm mùa Thu, tập II). Ở một đoạn khác, Trương-Tửu viết: Văn nghệ sĩ « hoàn toàn theo sự suy nghĩ riêng, sở nguyện riêng, lương tâm riêng của bản thân họ » (Giai phẩm mùa Thu, tập III). Kiểu lý luận ấy, Trương-Tửu cũng như những kẻ tâm đầu ý hợp với Trương-Tửu đã tán rộng ra rất nhiều. »

(trang 3, cột 1, 2)

« Trong bài *Mở rộng tự do dân chủ* (Nhân văn, số 2), Đào-Duy-Anh nêu ra một trong những « nghĩa vụ của Chính phủ phải thỏa mãn » để « mở rộng tự do dân chủ », là « giúp đỡ thiết thực cho tư nhân xuất bản dễ dàng, giúp đỡ việc phát hành... ». Hoàng-Huê, làm cái việc thăm dò dư luận, trong « một bản đề án về đại hội Văn nghệ lần thứ hai (Giai phẩm mùa Thu, tập II), đi đôi với các vấn đề « phụ cấp văn nghệ », « bản quyền tác giả », cũng đã đòi Chính phủ « ban bố một đạo luật

về tự do xuất bản, giúp đỡ về giấy má và việc phát hành của các nhà xuất bản và các báo văn nghệ tư nhân ».

« (...) Trong bài *Nỗ lực phát triển tự do dân chủ* (Nhân văn, số 3), Trần-Đức-Thảo viết: « Từ ngày hòa bình trở lại, chúng ta mở rộng kinh doanh tư sản... họ [giai cấp tư sản] cũng đã được thỏa mãn một phần khá, mà cũng không có đủ sức để làm gì khác »...

« Chỉ có lao động trí óc và lao động chân tay đòi tự do mà thôi. »

« (...) Nhưng nhiệm vụ của chuyên chính vô sản, Trần-Đức-Thảo không hề đã động đến những điều nói trên, mà trái lại đã kết thúc bài *Nỗ lực phát triển tự do dân chủ* bằng một câu rất gọn: « Dưới hình thức này hay hình thức khác, nhiệm vụ của vô sản chuyên chính là phát triển tự do cá nhân. »

« Mọi người đều có thể biết rằng trong một xã hội đang có đấu tranh giai cấp phức tạp như xã hội ta hiện nay, tự do cá nhân như kiểu tự do của những phần tử cầm đầu *Nhân văn* — *Giai phẩm* mà phát triển thì xã hội sẽ đi đến đâu ! »

(trang 3, cột 3, 4, 6, 7)

Xã hội của dân tộc Việt sẽ đi đến đâu ?

Tự nhiên là phải đi đến nơi mà đảng độc tài nhất có trên đất nước này từ xưa đến nay muốn đưa đến: cầm thù, đập nát, chỉ huy tất cả, từ miếng ăn giấc ngủ cho tới ý nghĩ, tình cảm, biến xã hội thành một trại lính mệnh mông, trong đó chỉ có kỷ luật sắt và kỷ luật sắt đi

đôi với phục tòng triệt để, với tin chết một sách, một đường, khác nào con ngựa kéo xe với hai miếng da bịt hai bên mắt.

Không đâu, người Việt đã quật ngã một thần tượng bị ối: ông Vua, lại chẳng đại gì dựng lên hai thần tượng khác: người Lãnh tụ và Đảng. Không đâu, dân Việt đã chết sống vì Tự-do, vì Dân-chủ, thì chẳng ngu gì để cho ai đó dồn mình vào chuồng Nô-lệ, tròng vào cổ mình cái ách Độc-tài. Có lẽ nào giống Việt làm cách mạng để tiêu diệt hạng người trắng trợn áp bức mình, lại để cho lớp người mới đến tàn nhẫn đè nén mình sao?

« Tư bản rầy chết » (1) từ hồi nào, chẳng biết, chớ cộng sản thế giới, nói chung, và cộng sản Việt, nói riêng, đã nứt nẻ rõ rệt, đã chia rẽ sâu sắc từ ba năm nay. Bảo tố phú phàng hay nước chảy đá mòn, cái gì phải đến là nó đến.

Còn như, chỉ thị đã ra xong, lệnh đã ban rồi, thì tha hồ mà công với kích, mà bôi với vẽ, mà quét với chà. Đây chúng ta hãy nghe đôi lời phụ họa trong giới đảng viên quần nhân đòi hỏi

« Quét sạch những tư tưởng chống đảng, chống chế độ trong văn nghệ hiện nay.

« (...) Nhưng vì hồi đó đấu tranh không triệt để, một số người còn mơ hồ do dự, nên bóng ma *Giai phẩm* mới chỉ tạm bị đánh lui. Cho đến sau đại hội lần thứ XX của Đảng C. s. Liên-sô, lợi dụng nghị quyết chống sùng bái cá nhân Staline, lợi dụng lúc Đảng ta mắc sai lầm trong cải cách ruộng đất và chấn chỉnh tổ chức, nhóm chống Đảng, chống chế độ lại nhảy ra trình diện trên tờ báo *Nhân văn* và

các tập *Giai phẩm* gồm đủ mặt Lê-Đạt, Hoàng-Cầm, Trần-Dần, Từ-Phác, Văn-Cao, Trần-Duy, Phan-Khôi, Nguyễn-Hữu-Đang, Trần-Đức-Thảo, Đào-Duy-Anh, Nguyễn-Mạnh - Tường, Trương - Tửu, Phùng-Quán, Hoàng-Tích-Linh, Trần-Công, Trúc-Lâm v.v... Đến đây, chân tướng phản động của nhóm *Nhân văn* — *Giai phẩm* càng lộ rõ khi họ đưa ra những quan điểm, tư tưởng về chính trị và nghệ thuật chống đối rất trắng trợn lại đường lối chính sách của Đảng.

« Qua những bài lý luận văn nghệ của Trương-Tửu, Phan-Khôi, Trần-Duy, Nguyễn-Hữu-Đang, Trần-Dần (ký là H.L. trên báo *Nhân văn*) v.v... họ đều tự thời phồng phình phờ nhau đến lỗ bịch, nào văn nghệ sĩ là lương tâm, là trọng tài của thời đại, là sứ giả của sự thực, bản chất của văn nghệ sĩ là tiến bộ v.v...

« Phan-Khôi dựng đứng lên là: có cái hiện tượng đối lập, một bên là lãnh đạo văn nghệ, một bên là quần chúng văn nghệ.

« Trương Tửu thì gọi là những lực lượng sản xuất dân tộc đang vấp phải bộ máy quan hệ sản xuất mới cản đường phát triển và yêu cầu chỉnh lý cấp bách những quan hệ trăm hoa đua nở bừa bãi cả thối lẫn thơm, cả lành lẫn độc và cuối cùng là đòi « trả văn nghệ về cho văn nghệ sĩ, nếu không nó cũng tự tạo cho nó điều kiện ấy » (1). Họ định kiểm soát gì

(1) Tên một cuốn sách do Cộng-sản Quốc-tế viết trước Đại chiến thứ nhì (*L'agonie du Capitalisme*), và do Cộng-sản Đông-dương dịch và xuất bản ngay sau Cách mạng mùa Thu 1945.

khi đưa ra những luận điệu bịp bợm ấy ? Rõ ràng là họ muốn đem đường lối văn nghệ tư sản phản động thay thế cho đường lối văn nghệ đúng đắn của Đảng Lao động Việt-nam. Có người đã nhận xét là **bọn họ lăm le mưu cướp chính quyền trong văn nghệ**, thật không phải là những lời nói quá.

« Trong những sáng tác của họ, qua những bài « Con người Trần-Dẫn » của Hoàng - Cầm, « Nhân câu chuyện mấy người tự tử » của Lê-Đạt, « Những người không lỗi » của Trần-Duy, « Con ngựa già của chúa Trịnh » của Phùng-Cung v.v... là những sự vu cáo bịp bợm, là tất cả đã tâm đã kích Đảng, bôi đen chế độ, mạ sát cán bộ, đảng viên rất ti tiện. Đến những bài thơ của Hoàng-Cầm, bài « Tiếng sáo tiền kiếp » của Trần-Duy là biểu hiện cao độ của tư tưởng đồi trụy tư sản.

« Về văn nghệ thì như thế, đến những vấn đề chính trị thì báo « Nhân văn » càng rõ rệt hơn. Họ tách rời dân chủ khỏi chuyên chính. Họ đòi bỏ chuyên chính, đề có tự do tuyệt đối để yên cho họ phá hoại, thao túng như Trần-Đức-Thảo viết « nhiệm vụ của vô sản chuyên chính là phát triển tự do cá nhân » v.v...

Tháng 3-1958

Văn - Phác

(Trích báo « Văn nghệ Quân đội » số 4, tháng 4-1958, trang 2)

Cá nhân bị chà đạp thế nào, độc tài đảng trị kèm kẹp ra sao, tư tưởng,

tình cảm rẩy chết đến đâu mới có cuộc « vùng lên » một loạt như thế.

Chúng ta càng cảm thông nỗi xót xa này khi được rõ ai kia

« Đem bực công an

máy móc

đặt giữa tim người.

Bất lĩnh cảm ngược xuôi

Theo đúng luật đi đường Nhà-nước. »

Lê - Đạt

(trong bài thơ « Nhân câu chuyện mấy người tự tử », trích lại của « Phụ nữ Việt-nam », số 57, tháng 5-1958, trang 14)

Quyền sống của con người đã thành món đồ cồng. Con người không còn sống đời con người : hồn nhiên, thành thật, cởi mở, mà luôn luôn giữ gìn, dè dặt, nghi ngờ..., và nhất là lo sợ.

Trước thì sợ thực dân Pháp, tay sai Tây, máy bay giặc, giờ thì sợ rừng có mạch, vách có tai, sợ người lạ mới gặp, sợ người quen từ lâu, sợ người cán bộ, sợ cả bà con, sợ luôn cha, con, chồng, vợ, và sợ luôn cả chính mình.

Vì giữa tim người, ần núp bóng công an.

Cảm thù, oán ghét, lo sợ, phập phồng..., sao mà giống đời người tiền sử, lúc còn ở lỗ ăn lông...

Cho nên có tiếng thở than, có lời bóng gió, có cả giọng xỏ xiên, thì có gì là lạ. Một kẻ cũng vừa cảm sùng vừa cầm bút lại đi tìm « thực chất » của nhóm người « *chịu không nổi với chế độ độc tài ấy* ».

« Trên mặt trận văn nghệ, đề nguy trang sự tấn công đó, những người cầm đầu *Nhân văn* — *Giai phẩm* đã đưa ra những chiêu bài « chống công thức », « tự do sáng tác ».

« Lê-Đạt than thở :

« *Chung quanh tôi, bao cuộc đời mệt mỏi — thất bại cú đầu — công thức xô đẩy vào mũi...* » Và Lê-Đạt còn làm cho người ta hiểu lầm là trong chế độ ta, người văn nghệ không được tự do : « *Tôi đã sống rất nhiều ngày thảm hại — khôn ngoan không dám làm người — Bao nhiêu lần tôi không thực là tôi* » để rồi cuối cùng gào lên « chống công thức » :

« *Mới! mới! luôn luôn mới! bay cho cao, bay cho xa...* »

« Mới đầu, nhóm *Nhân văn* — *Giai phẩm* nguy trang sự tấn công của họ dưới hình thức những chuyện cổ tích và ngụ ngôn. Trần-Duy đã lấy chuyện trên tiên giới có « những người không lồ » để ám chỉ rằng những người cộng sản là những kẻ không tim, không nhân đạo. Đề xuyên tạc chính sách cán bộ của ta, đề chế giễu tinh thần tận tụy phục vụ Đảng và nhân dân đến cùng của cán bộ ta, Phùng-Cung viết chuyện « *Con ngựa già của chúa Trịnh* » để ám chỉ rằng những cán bộ tốt đó cuối cùng rồi chỉ là những con ngựa già kéo xe chết uống. Về môn lợi dụng chuyện ngày xưa để dả kích bóng gió chúng ta, thì sở trường nhất là Phan-Khôi. Ngoài những mẩu nhỏ kiểu « *Cờ học tính hoa* » mà Phan-Khôi vẫn có dụng ý xấu trích đăng luôn luôn trên báo *Nhân văn*, lão còn sáng tác thêm một số chuyện nhỏ khác, như chuyện

Ông bình vôi để ám chỉ cán bộ của Đảng ta như những cái bình vôi « sống lâu ngày lòng đặc cứng, miệng bịt lại như pho tượng đất » nên cần phải « hất một loạt xuống đất cả ».

« (...) Mới nghe tin có người con gái nào đó tự tử, Lê-Đạt chớp ngay dịp đó làm luôn một bài thơ dài dòng choán hết cả một trang báo *Nhân văn* đề vu khống chế độ ta « đặt bực công an trong trái tim người ».

« (...) Chu-Nhọc bị chạm nọc liền nhân đó sáng tác ngay một vở kịch ngắn *Chúng ta gắng nuôi con* (*Giai phẩm mùa Thu*, tập III) để xuyên tạc rằng Đảng ta hẹp hòi và trong chế độ ta, không có tự do tư tưởng. Khi trong thương nghiệp, bọn đầu cơ tích trữ đang hoành hành, những phần tử xấu xa của giai cấp tư sản đang trốn thuế và đòi chủ trương thị trường tự do, và mậu dịch ta tổ chức bán hàng chưa có kinh nghiệm, thế là Thanh-Châu cũng viết ngay được cái phóng sự *Mua hàng mậu dịch trên Nhân văn* để dả vào Mậu dịch quốc doanh. Với một cái tin nhỏ rằng Liên-sô đã chế ra được máy phiên dịch và viết văn, báo *Nhân văn* cũng sáng tác kịp thời ngay thành một truyện ngắn *Thị sĩ máy* để ám chỉ chế độ ta chỉ tạo ra được một thứ văn nghệ rập khuôn vô giá trị, không còn tính chất con người nữa. »

Chiến-Kỳ

(trích bài « *Thực chất của cái « mới » và « tìm tòi » của nhóm Nhân văn* — *Giai phẩm* chỉ là chủ nghĩa xét lại chống lại đường lối văn nghệ của Đảng », đăng trong báo « *Quân đội nhân dân* », số 433, từ ngày 28-3 đến 31-3-1958, trang 4 : cột 1, 2, 4, trang 6 : cột 1).

Những kẻ chống đối lại với Chánh phủ vốn có công, có tài, có uy tín, có uy thế, thì nhà cầm quyền phải huy động tất cả sức mạnh của mình — cây súng và nhà tù, chưa nói đến — đề mà « đập đập » : từ báo « Độc lập », cơ quan của đảng Dân chủ Việt-nam cho đến báo « Cứu quốc », cơ quan của mặt trận Tộc Việt-nam..., từ những ký giả vô danh chúng ta vừa thấy, đến những cây bút có tên tuổi như Thế-Lữ, Tế-Hanh, Mạnh-Phú-Tư, Phạm-Huy-Thông, Đỗ-Phồn...

Chúng ta hãy nghe Đỗ-Phồn trước :

« Vì lập trường tư tưởng của chúng ta chưa thực đứng vững trên quyền lợi giai cấp, quyền lợi nhân dân, nên nó đã biến thành một miếng đất thuận lợi cho những quan điểm của báo Nhân văn để dùng nẩy nở. Vì nhận thức chính trị còn mơ hồ, cho nên Hội Nhà Văn mới có chủ trương « rộng rãi về chính trị, chặt chẽ về nghệ thuật » hay nói một cách khác, tiêu chuẩn nghệ thuật là chủ yếu, chính trị là thứ yếu, nghe ra thì có vẻ độc đáo, nhưng rõ ràng là nó bị ảnh hưởng của khẩu hiệu « Văn nghệ thoát ly chính trị » của báo Nhân văn. Vì nhận thức chính trị còn mơ hồ không nhận rõ tác dụng vai trò lãnh đạo, cho nên trong khi đi theo đường lối phục hồi văn hóa dân tộc, Tô-Hoài đã chủ trương tái bản hàng loạt sách cũ không cần lựa chọn, phê phán, tưởng rằng phục hồi cốt để anh em học tập về kỹ thuật của văn hóa, còn nội dung tư tưởng là trách nhiệm của những nhà phê bình ; cho nên trong khi điều khiển những cuộc sinh hoạt Câu lạc bộ, Nguyên-Hồng đã phóng tay cho ai muốn nói gì thì nói, cho một hai kẻ

lợi dụng dả kích chế độ, mặt sát lãnh đạo, gây chia rẽ, gây hoài nghi, nghĩa là muốn làm gì thì làm, không cần đi đến một kết luận nào cả, tưởng như thế mới là tự do tư tưởng, mở rộng dân chủ, nhưng rõ ràng là nó bị ảnh hưởng của lập luận « Văn nghệ không cần lãnh đạo », « Người văn nghệ có thiên tài bao giờ cũng chống đối lại giai cấp thống trị » — dù là dưới chế độ ta, giai cấp thống trị là nhân dân — của báo Nhân văn. Và phải chăng cũng vì nhận thức chính trị còn mơ hồ, cho nên khi sáng tác cũng như khi viết lời giới thiệu cho những cuốn sách in lại hoặc dịch lại gần đây, Nguyễn-Huy-Tường, Nguyễn-Tuân, trong lúc vẫn yên chí rằng mình có dụng ý tốt xây dựng cho chế độ tươi đẹp hơn lên, đã nhìn một vài khía cạnh của hiện tượng ra bản chất, rồi reo rắc những bi quan u uất của lòng mình, tạo cho người đọc cảm thấy ngột ngạt phải sống dưới chính thể Việt-nam dân chủ cộng hòa, tịt tịt rõ ràng là nó bị ảnh hưởng vô cùng nguy hại của báo Nhân văn, trong những bài báo đó dả kích Mậu dịch quốc doanh, dả kích nền nhân dân chủ chuyên chính. »

Bùi-Huy-Phồn

(trích bài « Nhà văn chúng ta đã làm gì để phục vụ cho cách mạng » đăng trong « Cứu quốc », tuần báo của « Mặt trận Tộc Việt-nam », số 2.851, ngày 2-3-1958, trang 6, cột 2, 3).

Trong số những nhà văn bất khuất ấy, Phan-Khôi là người lớn tuổi nhất, cương trực và khảng khái nhất, có uy danh nhất, mà cũng là người « kỳ cục » nhất, và được coi như người cầm đầu

nhóm « Nhân văn — Giai phẩm ». Thì một kiện tướng được đưa ra đề « hạ » ông tú già thuộc lớp cụ Tây-Hồ, Minh-Viên : Thế-Lữ vẽ lại con người

« Phan-Khôi đi kháng chiến như thế nào ? »

« (...) Kháng chiến, Phan-Khôi tuyên bố một câu tiến bộ bất ngờ và đi theo kháng chiến : « Tôi tán thành Chính phủ, vì Chính phủ đánh Tây ».

« Giữa cuộc kháng chiến, Phan-Khôi lại tuyên bố một câu mạnh dạn hơn : « Tôi cũng sẽ là Mác-xít ». Thật là đột nhiên — y như ném một quả pháo, ném đề cho người khác kinh ngạc và chú ý tới kẻ ném.

« Tôi biết rõ Phan-Khôi cũng chỉ từ kháng chiến. Ông ta tỏ ra trước mặt tôi thoát đầu như một người thẳng thắn, luôn luôn tự gán cho mình cái tiếng « tri chi » và biết nghĩa thì chung. Nhưng đề coi ! »...

THẾ-LỮ

(Trích báo « Nhân Dân », cơ quan trung ương của đảng Lao-dộng Việt-nam, số 1501, thứ hai 21/4/58, trang 3, cột 1)

Qua mấy lời giáo đầu ấy, chúng ta đã biết trước tác giả « Bên đường Thiên-lôi » sắp giành cho nhà nho đã từng lên tiếng « minh oan cho Võ-Tắc-Thiên » những gì.

« (...) Trong tình cảnh kháng chiến, mỗi cuộc di chuyển cơ quan là một dịp cho ông ta cần nghĩ. Hơi thất ý là ông ta kêu trách. Nói chi những lúc thiếu thốn mà anh em cố gắng để chịu đựng thay cho ông ta rất nhiều. Gặp lúc đó thì ông ta êm lặng mà oán hận.

Ở hội Văn nghệ, vào một hồi cuối năm, đầu thiếu, đêm 30 Tết, người cần vụ quên đèn ở căn phòng của ông ta. Thế là cái gian khổ kháng chiến được diễn tả rất nào nùng trong những lời ngẫm ngẫm rên siết :

« Một mình đêm giao thừa.

« Đến ngọn đèn làm bầu bạn cũng không có,

« Đắp lên thân suy tàn một tấm chăn kép.

« Chợp mắt mơ là nhắm miếng chua cay,

« Có vợ con mà cam sống chia cách.

« Không sinh kế đành phải ăn nhờ,

« Nghe tiếng gà mừng vùng dậy :

« Kháng chiến bốn lần gặp xuân rồi.

(Độc dạ quá trừ tịch

Cánh vô đăng khả thân

Trùng khâm cái suy hủ

Thiền mộng tước toàn tân

Hữu ái cam sinh biệt

Vô doanh nhiệm thực bản

Văn kê hận khởi tọa

Kháng chiến tứ phùng xuân.)

« Có 2 điều đáng chú ý : một là đề ý tự bản thân được tăng thêm nỗi ruột, Phan-Khôi cầu viện trợ ở tài năng của thi sĩ cò : người ta thấy hơi hám của Tô-Đông-Pha tự than thân trong cảnh bị phóng trục trong số những câu trên kia. Hai là, sau khi oán hận thành văn rồi, Phan-Khôi tự thưởng bài văn mình bên cạnh một chiếc bàn đèn mà ông ta vẫn lén lút lui tới. »

Nhưng đây, mới là lời lên án, tuy phớt qua mà thâm thía và sâu độc vô cùng.

... « Sống trong thực tế kháng chiến của dân tộc đang lớn lao chuyển đổi cả mệnh hệ của mình, mà Phan-Khôi sống như thế. Không khả là đứng một chỗ nữa. Cũng không phải là ngồi yên một chỗ nữa. Đó là nằm bẹp, trong lúc kháng chiến vũ bão tiến lên. Phan-Khôi trùm chấn trong kháng chiến.

« Đó là một cách đợi chờ. Có lần ông ta đã nói ra miệng với anh Bùi-Huy-Phồn là ông ta chỉ theo Chính phủ cho đến lúc Kháng chiến thành công. Nhưng có thật tâm không ? Điều đó Phan-Khôi kín tiếng lắm ... »

THẾ-LŨ

Rồi đến nhà thơ xưa vốn hiền lành :

« *Tôi sinh ra ở miền duyên hải,
Tiếng sóng chen tiếng vọng tâm tình,
Mẹ tôi hát giọng đàng trong Quảng-
ngãi ...* »

Tế-Hanh hẳn học giới thiệu ông tú già Quảng-nam đó đã di sang Tàu (*Phan Khôi đi Trung-quốc*) dự lễ kỷ niệm 20 năm ngày Lỗ-Tấn chết như thế nào. Và tự nhiên là Phan-Khôi, theo lời kể của Tế-Hanh, đã tỏ ra mình mất dạy, gàn, bướng, dốt, hiềm, phản động, « quái vật hiện nguyên hình », « ngày trước chống Pháp ngày nay chống ta », đặt tên con sanh ngày 9-3-1945 là Phan-Lang-Sa, tóm lại « chỉ làm đây tổ cho bọn cướp nước mà thôi »... nghĩa là một con người đáng vất đi, đáng đập đập (báo *Độc-lập*, số 357, ngày 1-5-1958, trang 3).

Cũng đáng vất đi, Trần-Duy, dưới con mắt của tác giả « *Làm lễ* », Mạnh-Phú-Tư.

« Trên tờ « *Nhân văn* », dưới chiêu bài « *Phấn đấu cho trăm hoa đua nở* »,

Trần-Duy đã cố tình lập luận một cách xuyên tạc, làm cho người ta tưởng như từ trước tới nay văn nghệ sĩ bị bóp nghẹt và ngày nay phải đứng lên đòi quyền tự do sáng tác. Theo gót Trương-Từ, Trần-Duy cũng tính và cắt xén lời lẽ của các lãnh tụ, cũng nấp sau tên tuổi nhà văn này, nhà văn khác để uy hiếp người đọc, rồi đóng vai phất cờ, viết trên báo « *Nhân văn* » số 2 : « Chính sách ấy (tức *Trăm hoa đua nở*) đến với chúng ta như một ánh sáng mới mẻ... Những người văn nghệ sĩ chào đón nó như một cứu tinh của tâm hồn và tình cảm... » Trần-Duy muốn nói gì, nếu không phải là vu khống cho cách mạng, vu khống cho Đảng lãnh đạo đã dìm dấm, vùi dập tâm hồn và tình cảm của người văn nghệ sĩ ?..

« (...) Dựa vào một số khuyết điểm của chúng ta trong sự lãnh đạo phong trào văn nghệ, Trần-Duy đã trâng tráo vu khống chúng ta « *đập theo một kiểu duy nhất và hạn chế cái phong phú trí tuệ của văn học...*, buộc tâm hồn người văn nghệ sĩ vào những chủ trương nghệ thuật kịp thời, nông cạn... trực thuộc vào chính trị một cách máy móc và thực dụng... kéo thấp thẩm mỹ thành một môn xã hội học sơ đẳng... đặt văn nghệ « *làm theo com-măng...* » Từ chỗ vu khống như vậy, Trần-Duy đi tới kết luận rằng chúng ta đã « *điều khiển tình cảm, hạn chế cảm hứng... bắt quả tim con người phải hòa nhịp cùng với công văn và chỉ thị...* »

Mạnh-Phú-Tư

(trích trong bài « *Tự do sáng tác với tình cảm người văn nghệ sĩ* » đăng trong

tuần báo « Độc-lập », cơ quan trung ương đảng Dân-chủ Việt-nam, số 352, ngày 27-3-1958, trang 3, cột 5, 6, 7).

Đến lượt thi sĩ Hoàng-Cầm, người chuyên viết kịch lịch sử bằng thơ, được đưa lên bàn mổ.

« Chống Đảng, chống nhân dân », tưởng không còn tội nào tày trời hơn nữa, đó là chưa nói cái tội âm mưu « hạ bệ » Tổ-Hữu trên thi đàn.

Tưởng cũng nên nhắc rằng cuộc Cách mạng mùa Thu 1945 thành công chưa giáp năm là Hoàng-Cầm cho diễn vở kịch thơ đã sử « Kiều-Loan », và thi sĩ đã cho một nàng thanh nữ bình vực hân người anh hùng áo vải Tây-sơn, lúc Nguyễn-Ánh vừa ngược xong đường Nam tiến :

*Đó là giấc, nhưng nghiêng trời trí
đứng,*

Cũng làm vua và cũng biết thương dân.

Mấy nghìn năm ta mới gặp một lần,

Đó là giấc, biết ai không là giấc ?

Ta thấy ai vừa thẳng trận lên ngôi,

Đó là giấc, mà ai không là giấc ?...

« (...) Thế rồi Hoàng-Cầm chỉ còn thấy trước mặt cái đời sống cần có « hạnh phúc » của cá nhân mình, quên cả quân đội, và nhìn việc giáo dục chống tư tưởng hòa bình chủ nghĩa trong quân đội bằng con mắt hân học thêm. Khi ấy, phương châm văn nghệ trong quân đội đề ra là đi vào phục vụ công cuộc xây dựng quân đội. Riêng Hoàng-Cầm chủ trương bản thân đi vào đề tài lịch sử, lấy lẽ là mình chỉ rung động trước những đề tài

ấy, « đứng trước một con sông ngày nay, chỉ nhớ đến những nhân vật ngày xưa ». Thực chất chủ trương ấy chỉ là sự trốn tránh trước thực tế cách mạng, chống lại phương châm văn nghệ phục vụ công cuộc xây dựng quân đội. Đem cái hân học sẵn có vào đã kích thơ Tố-Hữu, Hoàng-Cầm đi sát với Trần-Dần, Lê-Đạt, âm mưu lật đổ Tố-Hữu trên thi đàn, cùng với Trần-Dần, Lê-Đạt chửi bới vào Đảng bằng những tiếng « communisme féodal, déchéance du communisme » (1), phê phán chính huấn bằng những tiếng « avilissement de l'esprit, esclavage de la pensée » (2), vãn vãn... rồi cũng chủ trương « nghệ sĩ độc lập », miễn có tác phẩm bouleversant » (3) là được rồi ».

« Hoàng-Cầm càng đi sâu vào con đường chống Đảng, chống nhân dân, cùng với Trần-Dần, Lê-Đạt chửi lãnh đạo là « l'ignorance au pouvoir » (4), là « Sta-Lin chủ nghĩa ! »

VŨ-CAO

(trong bài « Ý thức phá hoại và đời sống của Hoàng-Cầm » đăng trong báo « Văn nghệ bộ đội », số 4, tháng 4-1958, trang 58, 59).

Nhưng con người được đặc biệt bị nói đến là Trần-Dần, vì người chiến sĩ, người thi sĩ này, dám ăn dám nói hơn ai, người chiến sĩ anh dũng với cây súng diệt thù thì người thi sĩ tài hoa với cây bút chân thành, quyết liệt.

(1) « Chủ nghĩa cộng sản phong kiến, sự suy đồi của chủ nghĩa cộng sản. »

(2) « Làm đề tiền đầu óc, nô lệ tư tưởng. »

(3) « Tác phẩm kinh thiên động địa »

(4) « Sự đốt nát cầm quyền. »

Qua những lời phê bình khe khẽ sau đây, và qua những đoạn văn, những câu thơ bị trích, chúng ta thấy người yêu nước, người nghệ sĩ họ Trần ấy — cũng như những văn nghệ sĩ, học giả đã « ra đi » vì dân tộc Việt — đã ngộp thở đến mực nào.

Đấu tranh phê bình

Sự thực về con người Trần-Dần

« (...) Bằng một giọng hằn học, xô xiên, vu cáo, Trần-Dần tiếp tục đã kích sự lãnh đạo của Đảng :

« Có thể nói hiện nay văn chương nhiều cái giả tạo (giả trá nửa). Gọi đúng tên nó là chủ nghĩa công thức, giản đơn, sơ lược. Tức là người viết đặt ra một cái khuôn nhất định, rồi gò ép mọi sự thực vào đó.

« Tả anh hùng chả hạn thì là : cãm hờn, vào bộ đội, rồi anh dũng lập công. Đối trên thì phục tùng kỷ luật (chưa nói trong tổ chức lính đó có nhiều rơi rớt phong kiến). Lệnh gì là làm ngay không thắc mắc, hoặc có thắc mắc thì phê bình sau (rồi cũng chả thấy phê bình gì cả!) Đối bạn thì giúp đỡ, thân ái phê bình, ai ai cũng mến, (có người nào như vậy không ?) Đối với Đảng thì mở mồm nói là biết ơn. Đối với dân thì yêu mến giúp đỡ.

« Đó là cái khuôn cho anh hùng. Cái kiểu anh hùng không khuyết điểm (hoặc ít khuyết điểm lặt vặt không quan trọng) ấy thực chất là kiểu tềnh hùng gì ? Có màu mè gì của người anh hùng quân chúng không ? Có màu mè gì của nhân văn chúng ta không ? Và có thực có như vậy không ?

«... Vậy mà qua cái khuôn trên kia đập ra thì thành ngòi bút, chậu thau giống nhau cả. Thật là lối sản xuất kỹ nghệ đem vào sản xuất con người và sản xuất nghệ thuật ! » (1)

« Trần-Dần đã xúc phạm đến các đồng chí anh hùng của chúng ta. Những tiêu chuẩn của người anh hùng mới, nhân văn cộng sản chủ nghĩa, qua con mắt Trần-Dần đều trở thành xa lạ, đối lập. Bởi lẽ rất dễ hiểu : Trần-Dần mang rất nặng cá nhân chủ nghĩa tư sản, tức là mang trong mình cái chất độc chống đối lại những tiêu chuẩn tốt đẹp của người anh hùng mới, do Đảng giáo dục đào tạo nên. Trần-Dần vu cáo Đảng ta « đem lối sản xuất kỹ nghệ vào sản xuất con người và sản xuất nghệ thuật ». Đó thực đúng là luận điệu của bọn đế quốc đã tung ra từ lâu, Trần-Dần lặp lại một cách trắng trợn.

« Sau khi lập luận mơ hồ về « sự thực, tôn trọng sự thực », phủ nhận thể giới quan chủ nghĩa Mác - Lê-Nin, phản đối văn nghệ phục tùng chính trị, phản đối Đảng lãnh đạo, Trần-Dần bàn về tự do sáng tác, trăm hoa đua nở :

« Tại sao không viết về cơ quan chẳng hạn ? Tại sao sợ viết về tình yêu chẳng hạn ? Mà viết tình yêu là y như đưa ra ái tình hi sinh vì Tổ quốc !... Lại tại sao cứ xuất thân công nông mới đáng viết ?

Chủ nghĩa hiện thực khuyến khích trăm hoa đua nở cả về nội dung lẫn hình thức.

(1) Tại nước chư hầu này thì thế. Còn bên chính quốc thì sao ? Xin mời các bạn đón đọc trong số tới « Những chặng đường của một cuộc tuyệt tan giá rẻ ». (tiểu thuyết Nga-sô từ Jdanov tới tân-Xích-Ta-Lin chủ nghĩa). — Lưu Nguyễn Đ.T.T.

Người viết có một tự do hầu như tuyệt đối chọn vấn đề, nhân vật, cách thể hiện, điệu tình cảm v.v... Tất cả mọi hạn chế gò ép đều coi như kẻ thù của chủ nghĩa hiện thực... Sự thực ngày nay mọi con đường đều đi tới xã hội chủ nghĩa. Triệu người, trăm nước, muôn địa hạt khác nhau. Mỗi người mỗi nước, mỗi địa hạt có những đặc sắc, màu hoa của nó...

« Phải nói lại rằng người viết tự do chọn vấn đề, chọn đề tài, chọn sự thực nào mình muốn. Chủ nghĩa hiện thực không cấm đoán, mà còn khuyến khích tự do ...

« ... Tùy sức mình, biết chắc cái gì hãy nói cái ấy. Phản đối lối nói bừa, kịp thời ầu... không phải để có tiếng phục vụ kịp thời, không phải vì bị ép kịp thời mà viết... »

« (...) Sau này, bài « *Nhất định thắng* » in ra trong *Giải phẩm*, nhiều người cãi cho nó là hay là tốt, không có tư tưởng phản động, không bôi đen chế độ. Tôi xin trích ra đây những câu có trong nguyên bản viết tay của Trần-Dẫn chép tháng 8/1955 (sau này in có lược bớt đi, cho khỏi lộ ý xấu ra) để bạn đọc thấy rõ thực chất của bài thơ ấy :

« ... Trời mưa trời mưa

« Hai vạn miền Nam ra chưa có việc. (✱)

« Đói cơm ăn, còn đói cả quê hương !

« Ba tháng rồi

« Em đợi

« Sống bằng tương lai

« Ngày và đêm như lũ trẻ mồ côi

« Lũ lượt dắt nhau đi buồn bã...

« Ngày mai

« Em lại thất vọng giống ngày nay thôi.

« Em đi

« trong mưa

« cúi đầu

« nghiêng vai...

« Và đây là một đoạn khác :

« Non nước sụi sùi mưa

« Tôi muốn bỏ thơ

« làm việc khác

« Nhà chính trị lắm mưu thâm trong óc

« Trí cao xa, dạ lắm kế thâm

« Nếu trong bụng nghĩ : liền Nam Bắc

« Ất ngoài đời, thống nhất Bắc Nam.

« Làm chính trị hơn làm thơ chứ nhĩ

« Một cái mưu hơn một vạn văn thơ

« Nhưng hôm nay tôi mê mải, giữa trời mưa

« Chút tài mọn tôi làm thơ chính trị...

« Rõ ràng là bài thơ « *Nhất định thắng* » sau khi in ra không phải chỉ có « bi quan hoài nghi » mà thôi, nó chứa đựng những tư tưởng chống đối, phản động một cách khôn ngoan, khéo léo, theo kiểu « vừa viết vừa lách », ăn náu,

(✱) « Những câu in đậm là có trong nguyên bản ».

kín đáo. Chúng ta rất có quyền lên án những câu thơ sau này của Trần-Dần là « hai mặt », xỏ xiên :

« Bóng chúng

« dề lên

« số phận

« từng người.

« Liệu tông hay chẳng tông ?

« Chúng ở đâu mà núp bên ta

« Chính chúng cướp cả cơm của khuyển !

« Em treo cờ đỏ

« đầu nhà

« Lá cờ trừ ma

vân vân...

VŨ-TÚ-NAM

(Văn nghệ Quân đội, số 4, tháng 4/1958
trang 54-55)



Khi người ta đã quyết trị, thì tội gì mà chẳng có. Huống chi chanh đã vắt hết nước rồi !

Trương-Từ : tò-rốt-kít (1), tay sai đế quốc Mỹ ; Thụy-An : lưu manh, gián điệp cho Chánh phủ miền Nam ; Nguyễn-Hữu-Đang : phản động, phản đảng, phản cách mạng ; Đào-Duy-Anh, Nguyễn-Mạnh-Tường, Trần-Đức-Thảo : trí thức tiểu tư sản, lưng chừng... Còn bao nhiêu người ? Còn bao nhiêu tội ?

Không lúc nào câu tục ngữ này của phương Tây đúng một cách không còn gì đúng hơn nữa : « Ai muốn giết chó mình, thì cứ buộc nó mắc phải bệnh điên. »



Các văn nghệ sĩ và học giả miền Bắc chẳng chịu nằm rạp như ngọn cỏ

gió đùa — cũng như vô tình, một số « ủy viên chính phủ » Việt-cộng — hé cho ta lăm cửa lớn của các « lò thí nghiệm » xứ dân chủ cộng hòa phía bên kia vĩ tuyến 17, tường nhân dịp này, nhờ một quan sát viên ngoại quốc, một quan sát viên thật sự trung lập, mở đôi cửa sổ của cái lâu đài sắt đá ấy, cũng là điều chẳng thể bỏ qua.

Quan sát viên đáng tin cậy đó là nhà báo quốc tế : **Tibor Mende**, tác giả những sách nổi danh : « Á-châu nổi loạn », « Đông-Nam châu Á giữa hai thế giới », « Mỹ-châu La-tinh lên sân khấu », « Ấn-độ trước cơn dông tố ».

« II. — Xứ Cộng hòa miền Bắc

« So sánh với sự thanh vượng bề ngoài của miền Nam thì thủ đô miền Bắc khắc khổ, có một vẻ nghiêm nghị nghiêm ngặt và một kỷ luật bị lạm dụng. Trừ ra vài chiếc xe Nga thì trong đường phố Hà-nội không có chiếc xe động cơ nào cả. Đêm đến, phố xá thấp đèn rất tệ và các tủ hàng trưng dọn rất sơ sài, chỉ đựng những vật dụng cần thiết, sắp ra đó mà không có vẻ được trình bày. Đó là những vật dụng tối cần cho một quần chúng thiếu thốn tất cả mọi cái gì dư dàng. Phần đông những kẻ đi ngoài phố mặc áo dài (?) (2) vải xanh theo một Tàu và thường thường thì thiên hạ không có ý muốn đi dạo chơi chút nào cả.

(1) Vả tự nhiên là nhưn đó, *Trotsky* và *Tạ-Thu-Thâu* được đưa ra mà « hành tội ».

(2) Dấu hỏi này do chúng tôi đánh. Nguyên văn : « des tuniques de coton bleu de style chinois ».

Còn công nhân và thanh niên thì hơi khó mà bắt chuyện với họ một cách cởi mở. Giáo dục đảng đã có hiệu quả và muốn có một ý kiến riêng của họ thì những người này phải vượt qua rất nhiều lớp sáo chánh trị dày mo. Trong những trường hợp cởi mở đặc biệt ấy, điều mà người ta tìm được là một sự lạc quan pha lẫn với nhiều trần tã (1) thú nhận nhiều lỗi nặng, nhưng... hi vọng về tương lai. Cũng chính thái độ ấy lại được nhuộm một màu chua chát khi họ nghĩ rằng tám năm tranh đấu không vụ lợi để giành độc lập mà chỉ được thưởng công bằng một sự khắc khổ cứng rắn... »

(Trích bài « Hai xứ Việt-nam, là thí nghiệm của châu Á » của Tibor Mende, đăng trong tạp chí « Esprit », tháng sáu 1957, trang 939, 940).

Một bộ mặt của miền Bắc nước Việt đã hiện thật ra qua mấy bài phê bình, buộc tội của phưong thống trị hay của những đứa con dễ dạy của đảng Cộng-sản Đông-dương, qua mấy lời phản kháng ôn hòa, xằng xớm hay mỉa mai của những con người văn nghệ chân thành, qua vài nhận xét khách quan của một nhà báo nước ngoài, trung lập.

Con nhà văn chỉ còn cái tự do viết theo chỉ thị, cảm theo giai đoạn, nghĩ theo đường lối vạch sẵn, thì nâng bút, nâng đàn, nâng cọ... như thế chẳng là thẹn thùng, nếu không là rui nhục.

Mà thế giới Cộng sản, nói riêng, mà thế giới loài người, nói chung, đâu phải đã đến chỗ toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ, để người văn nghệ chỉ biết có muôn năm ủng hộ, trọn đời hoan hô !

Bất công không phải san bằng trong một bữa, bất bình chẳng phải tắt thở với một chế độ nào, thì bốn phần tiếng liêng của kẻ nâng bút là nói lên tiếng nói của mình, tiếng nói của dân : có bị lừa gạt, có bị đè nén, có bị lợi dụng..., phản ứng gì đã âm ỉ trong đáy lòng người dân đen, trong tâm hồn người cầm bút chân chánh ?

Có thể nào mà gởi lên giấy trắng những lời kiêu sau đây như hai tác giả « Gửi hương cho gió » và « Từ nhớ đến thương » chẳng, những người đã từng mơ theo trăng, vờ vẩn cùng mây, từng buồn, từng lạc loài như người Do-thái lang thang, giờ thì quyết tâm « làm một bài thơ chuyên chính ».

« Bạn Tế-Hanh nhân mấy câu thơ trong bài Gió của tôi :

Hồn ta cánh rộng mở

Đôi bên gió thổi vào

Nghĩ những điều hớn hờ

Như trời cao, cao, cao.

« mà đặt vấn đề : « Không lẽ chỉ giai cấp bóc lột mới ngắm trăng ? Nhưng thử hỏi những câu thơ ấy thuộc về tư tưởng giai cấp gì ? Tư sản ư ? Vô sản ư ?... » Tôi xin cá quyết rằng đó là tư tưởng của giai cấp vô sản ; nhất định tư tưởng tư sản hiện nay không thể nhìn trăng, nhìn gió, không thể có cái vũ trụ quan như vậy. Bản thân tôi, trước Cách mạng, đã từng nghĩ rằng đời cứ đi đến chỗ suy, chết là qui luật cuối cùng của vũ trụ (1934) :

(1) Phân trần đề tạ tội.

Hoa nở đề mà làn

Trăng tròn đề mà khuyết

« Đứng trước vũ trụ, tôi luôn luôn
rút cò lại (1940) ;

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi ngõ.

Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.

« Nhìn vũ trụ bao la rồi cụp đầu xuống
thấy mình chỉ là một hạt bụi, thấy vô
cùng là một vớ vẩn, đó là « tôi »
trước Cách mạng. Và hệ thống tư tưởng
tư sản sa đọa hiện nay, nó co rúm lại
sợ cái chết của giai cấp nó, nó « suy
bụng ta ra bụng của vũ trụ », nó buồn
tận thế, nó làm sao có thể lạc quan !
Chính vũ trụ quan mác-xít đã cho tôi
được thấy « *Trời tròn như buồm căng,
Tất cả lên đường mới* », thấy vũ trụ
(cũng như thế giới) tái tạo mãi, tiến
bộ mãi, và trong bài *Giáo*, tôi có ý
thức bắt tư tưởng tôi phải tiến theo.
Chỉ có đi với cách mạng, tôi mới có
cái nhìn như vậy được. »

XUÂN-DIỆU

(trích bài « *Cát mới của văn học
chúng ta* », đăng ở tập chí « *Văn nghệ* »,
số 8, tháng 1, năm 1958, trang 95).

Ca tụng một chiều, mặt sát một chiều,
bắt bẻ một cách, kết án một điệu, chỉ
đem lại độc một kết quả : người ngoại
cuộc thêm tin ngược lại.

Hay là trái lại, như Phùng-Quán
con người tưởng thành trong khói lửa ?

« Con ơi !

Trước khi nhắm mắt

Cha con dặn con suốt đời

Phải làm một người chân thật.

« Thấy vui muốn cười cứ cười.

Thấy buồn muốn khóc cứ khóc.

Yêu ai cứ bảo là yêu,

Gét ai cứ bảo là ghét,

Dù ai cầm dao dọa giết,

Cũng không nói ghét thành yêu... » (1)

PHÙNG-QUÁN

(trong bài « *Lời mẹ dặn* » đăng ở
báo « *Văn* »)

*« Đường mật công danh không ngọt
được tuổi tôi,*

Sét nổi trên đầu không xô tôi ngã.

Bút giấy tôi ai cướp giật đi,

Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá... »

PHÙNG-QUÁN

Thế là, qua những cơn nổi loạn của
con người văn nghệ, của con người học
hỏi, qua những trận hò hét « đập tan,
quét sạch » của các « công cáo ủy viên »,
chúng ta thấy sống lại phần nào cuộc tranh
luận sôi nổi cách đây trên hai mươi năm
giữa một trẻ mác xít *Hải-Triều* Nguyễn-
Khoa-Văn và một già tân nho *Chương-
Dán* Phan-Khôi, có *Hải-Vân*, *Hải-
Khách*... và *Thiếu-Sơn*, *Hoài-Thanh*...
trợ lực :

« Nghệ thuật vị nhân sinh »

hay

« Nghệ thuật vị nghệ thuật ».

(1) « Chống lại mọi áp bức tư tưởng, mọi
mệnh lệnh, mọi công thức, mọi quyền uy bất
minh nói điều mình không muốn nói, nghĩ điều
mình không muốn nghĩ, yêu những cái mà mình
ghét... » (*Trương-Tứ*, trong *Giải phàm mùa
Thu* tập III, 1956)

Giờ thì nội dung có khác, hình thức cũng chẳng giống xưa, mà thanh thế, quyền uy, phương tiện của hai phe đối thủ chẳng tương đương.

Vấn đề có thể đặt như sau :

— « Nghệ thuật, học thuật, khoa học, là phương tiện hay là cứu cánh ? »

(Bên phe tư sản cũng bằng lòng cho người ta dùng tác phẩm mình làm phương tiện, nhưng họ không thể quan niệm tác phẩm của họ chỉ là phương tiện thôi, nhất là họ không khứng để người ta xem họ là những dụng cụ, chỉ được phép sản xuất những phương tiện nói trên).

— Con người văn nghệ sĩ, con người học giả, con người khoa học, phải bị coi là một cục đất sét để cho ai đó tha hồ mà nhồi, nắn ra cái nồi, cái cối để người lớn dùng, con gà, con chó để trẻ nít chơi, hay được xem như một sinh vật vừa là của chung xã hội, mà cũng vừa là của riêng mình, có quyền đòi, hỏi, kiếm, tìm, phê phán, vươn lên, thắc mắc, xét lại, tiếc thương, mơ mộng... và đôi khi : đứng lại, nhìn lui, cúi xuống, yếu hèn..., và nhất là luôn luôn có quyền chọn lựa ? »

Một vấn đề của thời đại nguyên tử !



Ánh sáng đã vùng lên, thì dù có độc tài đến đâu, có chuyên chế đến đâu, có bùng bít đến đâu, thì những thứ lỗi thời ấy cũng chẳng « đập tan » Ánh-sáng được. Và công an, và tòa án, và khám đường, và trại an trí, và cả đạn ria gươm chém cũng bất lực trước sức mạnh của những người mà

khí giới chỉ là ngọn bút. Thì dù kẻ kia có dân cảnh khéo léo cách nào, có che dầy kín mít cách mấy, thiên hạ gần xa rồi cũng biết, (ai lạ gì những tấn tuồng miệng hô dân chủ mà đầu nghĩ độc tài, mà tay làm phát xít) và người Việt chân chính nào mà chẳng « nguyên rủa tên bọn người nhóp nhơ muôn đời ».

Trước kia, ai có gởi lên giấy :

« Người xưa ném bút theo đao cung,
« Cán bút ta nâng luống thẹn thùng.
« Ví bằng bút phụ lời ta nguyện,
« Biết kiếp nào đây sáng nghiệp hùng ! » (1)

Nhà tù có nhốt, sách báo có đốt, kẻ sĩ có chôn, gươm máy có thêm cô hồn, là báo hiệu cho một cuộc tuyết tan giá rã, cho một cơn động đất đang cựa mình, cho một trận phun lửa núi đang chuyển thế.

Các nhà văn nghệ, học giả, trí thức miền Bắc đã vùng lên chống độc tài, chuyên chế, quả đã chẳng phụ nghiệp mình, còn thẹn với thùng là những kẻ mù quáng, hẹp hòi, đang tìm cách bẻ gãy những ngọn bút chân thành và can trường họ.

Làm chúng ta nhớ...

« Một tấm lòng, một ngọn bút, còn gì « mạnh » hơn ? »

Và

« Thế mà trái đất nó xoay ! » (2)

Bên này cầu Hiền-lương; sắp hết một mùa nóng nực gặt gao (1958)

LƯU-NGUYỄN Đ.T.T.

(1) Phau-Khắc-Khoan. — Hồn nam nhĩ.

(2) Lời Galilée sau khi bị Tôn giáo Pháp đình ép buộc ông không nhận thuyết của mình : « Không phải mặt trời xoay chung quanh trái đất mà chính trái đất xoay chung quanh mặt trời. »

CÁO LỖI

Vì lý do đặc biệt, 2 bài « *Huỳnh-thúc-Kháng* » và « *Vấn đề báo chí tại Hoa-kỳ* » phải gác lại đến kỳ sau. Vậy xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc thân mến.

BÁCH-KHOA

Cùng bạn đọc mua báo dài hạn : Đáp lại lòng tin yêu của các bạn trong hơn một năm qua Bách-Khoa sẽ gửi tặng mỗi bạn mua dài hạn vào hạ tuần tháng 6-58 sắp tới này một tập :

Mục lục theo bộ môn và mục lục theo tên tác giả từ Bách-Khoa số 1 đến số 24.

Hộp thư Bách-Khoa

Bạn Nguyễn — Chợ Lớn : Đã nhận được Hui-Shen. Đương xem. Đồng ý về các điều kiện trong thư. Bạn có thể tới lãnh Bách-Khoa bắt đầu từ số 34 tại địa điểm đã định, trong thời hạn sẽ ấn định sau. Nếu có thể được, bạn nên vẽ lại 2 hình bằng mực đen và chú thích bằng tiếng Việt. Bạn cho biết thêm bài trên đây trích ở Tập chí « *The March of India* » số bao nhiêu và ngày, tháng.

Ô. Phạm-Thếng : Đã nhận được « *Tiếng cuộc dò ngang* » của ông. Rất cảm ơn thịnh tình của ông đối với Bách-Khoa.

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ xin đề : Tòa soạn BÁCH-KHOA hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề cho : **Ô. Huỳnh-văn-Lang**

VẤN ĐỀ NƯỚC ĐỐI VỚI NÔNG DÂN Ở VIỆT - NAM

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

DÂN tộc ta sống về nông nghiệp, căn cứ vào sự trồng lúa gạo mà ăn. Các sự trồng trọt khác, cùng nghề đánh cá, chăn nuôi là phụ.

Nước ta, từ Bắc chí Nam thuộc về miền khí hậu nóng và ẩm, lại chịu ảnh hưởng của gió mùa.

Ở Bắc, một năm có bốn mùa, xuân, hạ, thu, đông. Nhưng mùa xuân và mùa thu ngắn, mỗi mùa vài tháng, chỉ là những tháng chuyển mùa hạ sang mùa đông mà thôi. Mùa hạ bắt đầu từ tháng ba, tháng tư đến tháng sáu, tháng bảy, Trời nắng, gió nồm nam thổi, mây đen ngày nào cũng có, mưa luôn, mà là mưa rào, Mưa to ở trên miền núi Việt-Bắc, và ở miền núi Vân-nam, Quảng-đông, Quảng-tây bên Tàu. Nước sông lên cao, lên cao mãi đến tháng tám, tháng chín mới rút! Dân quê đã từ vài nghìn năm lo việc đề phòng nạn lụt nên đã đắp đê.

Vậy vấn đề trị thủy đặt ra cho nông dân ở đồng bằng sông Nhĩ-hà. (Tuy ở miền đất thấp gọi là đồng chiêm, vấn đề ứng thủy đặt ra). Miền đồng chiêm là địa hạt một phần lớn các tỉnh Thái-bình Nam-định, Hà-nam, Ninh-bình.

Ở trên đồng bằng sông Cửu-long, vấn đề trị thủy không đặt ra. Quanh năm nóng, có sáu tháng mưa, là tháng lúa gạo mọc, có tiếp sáu tháng nắng, đồng ruộng nghỉ. Nhưng vườn tược xanh tươi, có nhiều thứ cây có trái đủ bốn mùa. Vì dân quê đã biết đào mương, lấy nước sông Cửu-long vào các vườn. Ở Nam-Việt, ta không phải trị thủy, ta lại biết dụng thủy, nhưng chỉ cho một số ít vườn trái cây mà thôi, còn ruộng thời là ruộng một mùa.

Ở Trung-Việt, khí hậu phức tạp và thay đổi từ miền địa lý này đến miền địa lý khác. Có những tháng thiếu nước để cây, để ngả mạ... rồi có những tháng mà bão lớn, mưa to, gió mạnh, làm hại mùa màng, trôi cả nhà cửa.



Vấn đề nước đối với nông dân Việt-Nam là một đề tài rất rộng. Các nhà khảo cứu Pháp đã viết tạm đủ đề ta có một khái niệm tạm đúng và tạm đủ.

Bài tham khảo nhỏ nhất này, chỉ nêu ra mấy điểm căn bản mà ta nên biết.

Bài có ba phần:

- 1o) Vấn đề trị thủy ở đồng bằng sông Nhĩ-hà.
- 2o) Con sông Cửu-long ở Nam-Việt.
- 3o) Nông nghiệp và khí hậu ở các đồng bằng Trung-Việt.



Phần thứ nhất

Vấn đề trị thủy ở đồng bằng sông Nhĩ-hà

ĐỒNG bằng sông Nhĩ-hà do phù sa sông Nhĩ-hà và hai sông nhánh chính là sông Lô, ở bên hữu và sông Đà, ở bên tả bồi lên trên một cái vịnh nhỏ. Sông Đà còn có

tên là sông Bờ. Về miền Hải-dương, có con sông Thái-bình, sông to, nước cả. Nguyên là có ba con sông, sông Thương, sông Lục-nam và sông Cầu gặp nhau ở Phả-lại. Ba con sông này từ miền núi Việt bắc, núi ở về miền Đông, đem nước ở các suối đổ về đường suối, lập thành sông Thái-bình (Xin xem bản đồ.)



Sông Nhị-hà và sông Thái-bình ngấn. Trong mùa mưa, từ tháng tư, tháng năm đến tháng tám, tháng chín, nước lũ ở miền Vân-nam, trong miền thượng lưu sông Nhị-hà, và nước lũ của toàn miền núi Việt bắc đổ dồn vào sông Nhị-hà và sông Thái-bình. Sức nước lũ mạnh lắm. Nước lũ mạnh vì trong những tháng nói trên, từ tháng tư, năm đến tháng tám, chín ở Bắc mưa nhiều. Nhưng nước lũ sở dĩ đổ nhanh xuống đồng bằng là vì các rừng đã bị phá hủy. Ở Hà-giang, miền Hoàng-sử-phi hồi trước rừng rậm rạp, bây giờ, và có lẽ từ hàng trăm năm về trước, trơ ra những núi trọc.

Miền Vân Nam bên Tàu mới lại thăm thương nữa. Đã không biết từ bao nhiêu thế kỷ, người Tàu ở Vân nam phá rừng. Họ phá rừng, nhưng họ lại không nghĩ tới cách trồng rừng.

Sự phá rừng ở bên Tàu, và ở bên ta nữa, đã đưa đến kết quả là vào mùa mưa, nước lũ, từ bất cứ triền sông nào, đều đổ dồn lên trên đồng bằng, từ Phú-Thọ trở xuống đến Quảng-yên, Thái-bình, Nam-định, Ninh-bình.



Muốn tránh nạn hồng thủy, tức là nạn lụt, ruộng ngập, nhà trôi, trâu bò trôi, người trôi, làm mối cho Thủy quan, Hà bá, dân tộc Lạc-Việt ta, từ ngót hai nghìn năm nay, đã đắp đê trên khắp các bờ sông, dù là những sông con như sông Cà-lô ở Vĩnh yên, sông Nhuệ ở Hà-đông. Những đê to là đê sông Nhị hà, sông Đuống, sông Thái-bình và sông Đáy.



Các đồng bào ta, ở trên đồng bằng sông Nhị-hà, và cả ở trên đồng bằng

sông Mã và sông Chu tức là ở Thanh-hóa, lại ở cả đồng bằng sông Lam, tức là ở Nghệ an, các đồng bào ta, năm nào cũng sợ lụt (Từ Quảng bình trở vào không còn đề nữa).

Đề năm nào cũng phải vá, chỗ này, chỗ khác, phải làm các con trạch, phải đắp cao đề chính. Đề càng đắp cao, lòng sông càng thu hẹp lại, thời về mùa mưa nước lũ lại càng lên cao. Thật là một cái vòng luẩn quẩn.

Nhưng vòng luẩn quẩn này không phải chỉ riêng cho đồng bằng Bắc Việt của ta mà thôi.

Ở bên Tàu, con sông Hoàng-hà, là một con sông to nước lũ mạnh lắm. Sông này đã đổi luồng nhiều lần, đã có nhiều trận lụt kinh khủng làm chết hàng triệu người. Người Tàu đã đắp đề trên hai bờ sông Hoàng-hà.

Ở bên Ý-đại-lợi, có một con sông, gọi là con sông Pô. Con sông này không khác gì con sông Nhĩ-hà của ta. Sông Pô đã thành lập một đồng bằng phù sa, một tam giác châu. Về mùa mưa nước sông cuộn cuộn chảy. Người Ý cũng đã phải đắp đề đề ngăn nước lũ.

Nói tóm lại, vấn đề đề ở Bắc-Việt không phải là vấn đề riêng cho nước Việt-nam ta, vì đây là vấn đề chung cho các đồng bằng phù sa, các tam giác châu. Riêng đồng bằng sông Cửu-

long, nghĩa là Nam Việt ra khỏi luật định ấy.

Vì con sông Cửu long khác với con sông Nhĩ hà, khác với con sông Hoàng hà, khác với con sông Pô. Ở Nam Việt, ta không phải trị thủy, ta lại còn dụng thủy tuy một cách eo hẹp lắm. Sông Cửu-long không bao giờ có nước lũ, không làm lụt. Trái lại, bất cứ tháng nào, nhờ nước thủy triều dâng lên, nước ngọt của sông Cửu-long, theo các đường mương ngang dọc như bàn cờ, mà dẫn vào các vườn. Vào ruộng, thời chỉ ở ít nơi miền Hậu giang mà thôi.



Ở Bắc-Việt, đã không dụng được thủy lại còn phải, hàng năm, lo trị thủy.

Vấn đề đề là một vấn đề quan trọng cho đất Bắc. Về đời nhà Trần, vào thế kỷ thứ mười bốn, mười lăm, đã có một sự tổ chức trông đề, đắp đề. Đề không có thể phá được, phải giữ, nhưng phải tu bổ hàng năm.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

KỶ SAU:

- Con sông Cửu-Long ở Nam-Việt.
- Nông nghiệp và khí hậu ở các đồng bằng Trung-Việt.

★ Danh dự quá sự thật, người quân tử lấy làm xấu hổ.

MẠNH-TỬ



LƯỢC ĐÀM TRUYỆN THỦY HỮ

Sưu tầm và phê phán,
NGUYỄN-HUY-KHÁNH

(Tiếp theo)

— IV —

VÀI NÉT VỀ NHÀ VĂN THI-NẠI-AM

VỀ tiểu sử của nhà văn Thi-Nại-Am, người đã tu soạn bộ Thủy-Hử đầy đủ và xuất sắc nhất, hiện chúng ta có rất

ít tài liệu. Hồi gần đây, mới phát hiện được hai tài liệu được đăng tải trong quyển « Hưng-Hóa huyện tục chí » :

- 1— « Thi-Nại-Am mộ chí » và
- 2— « Thi-Nại-Am truyện ký ».

Mộ-chí do Cồ-Đạo-Sanh đời nhà Minh soạn, chép rằng :

Thi-Nại-Am tên Từ-An, sanh năm Bính-Thân dưới trào Nguyễn-Trinh đời nhà Nguyễn, đến đời Thuận-Trào, đậu tẩn sĩ khoa Tân-Mùi, từng làm quan hai năm tại Tiền-Đường, nhưng vì không chịu kết bè với bọn quyền quý, nên từ chức lui về cố lý, đóng cửa trứ thuật. Uất ức, bất đắc chí, đến năm Canh-Tuất đời Minh-Hồng-Vô thọ bệnh mà thác, hưởng thọ được bảy mươi lăm tuổi. Theo lời môn sanh của tiền sinh là La-Quán-Trung, trứ tác của tiền sinh gồm các bộ : « Chí-Dur, Tam-Quốc diễn nghĩa, Tùy-Đường chí truyện, Tam-Đội bình yêu truyện, Giang-Hồ hào khách truyện (tức Thủy-Hử). Mỗi lần viết xong bản thảo một tác phẩm, tiền sinh đều đưa cho môn sanh xem lại coi có lỗi lầm không. Trong công việc này, La-Quán-Trung đã đóng góp khá lớn lao. Thi-Nại-Am nhà ở Hoài-An, lúc mất chôn tại đại doanh Hưng-Hóa ».

Còn theo những điều tìm thấy trong truyện ký, thì :

« Thi-Nại-Am nguyên danh là Nhĩ, người Bạch-Câu, tổ tiên gốc ở Cô-Tô. Lúc thiếu thời đã rất thông minh, lại giỏi về văn chương. Khoa Tân-Mùi đời Thuận-Trào nhà Nguyễn đậu tẩn sĩ, vốn là bằng hữu của Kha-Nguyễn-Hanh, bộ tướng của Trương-Sĩ-Thành, Sĩ-Thành khởi binh mưu đoạt chánh quyền nhà Nguyễn, dùng Nguyễn-Hanh làm tiên phong. Nguyễn-Hanh bèn tiến cử Thi-Nại-Am với Sĩ-Thành. Nhưng Sĩ-Thành mấy phen sai người đến mời, tiền sinh đều từ chối.

Sau khi chiến thắng quân hùng và xưng vương, Sĩ-Thành đến thăm tiền

sinh, nhưng người nhà lại không muốn cho tiền sinh tiếp kiến. Sĩ-Thành cũng không nệ hà, đi thẳng vào tận tư phòng, chỉ thấy tiền sinh đang ngồi trứ tác. Nguyễn lúc ấy, tiền sinh đang viết bộ Giang-Hồ hào khách truyện (tức Thủy-Hử). Sĩ-Thành cười nói :

— Tiền sinh không chịu làm quan cầu hiển đạt, mà chỉ muốn trứ tác để tiêu khiển, chẳng là lãng phí năm tháng làm sao ?

Nại-Am nghe nói, lật đặt ngưng viết, cuối đầu mà rằng :

— Thần chẳng tài cán chi, chỉ biết lấy bút mực làm tri kỷ mà thôi. Đại vương hào khí bao trùm, hải nội nghe danh đều bái phục. Nay dễ nhọc lòng đại vương hạ cố giảng làm, kẻ hèn này thật cam đắc tội. Cố nhiên, chí sĩ phải lập công, anh hùng cần báo chúa, nhưng chỉ vì thần còn mẹ già, chẳng thể đi xa ; nếu bỏ người lại, biết nương tựa vào đâu ? Duy chỉ mong đại vương thương cho tấm lòng của kẻ ngu hiểu.

Nói xong, cứ quì phục, chẳng dám đứng dậy. Sĩ-Thành chẳng biết làm sao. đành phải cáo từ, nhưng trong dạ không vui.

Thi-Nại-Am thấy tình hình như vậy, sợ ở lâu sẽ có tai họa, bèn dời nhà về Hoài-An.

Những năm đầu đời Minh-Hồng-Vô, triều đình mấy lần vời tiền sinh, nhưng tiền sinh vẫn không đi, chẳng bao lâu thì thác.

Dựa theo hai sử liệu trên đây, ta có thể biết Thi-Nại-Am nguyên danh là Nhị, lại có tên Tử-An, người Bạch-Câu. Tò tiên gốc ở Cô-Tô, sanh năm Bính-Thân đời Nguyên-Trình (Nguyên) mất năm Canh-Tuất đời Hồng-Vô (Minh), thọ 75 tuổi. Đời Thuận trào, đậu tiến sĩ khoa Canh-Tuất, làm quan tại Tiền-Đường hai năm, sau đó bắt mẫn bọn quyền thế, về nhà đóng cửa viết văn. Trừ tác nhiều bộ truyện, trong đó bộ Thủy-Hử nổi tiếng hơn hết. Là bạn thân của Kha-Nguyên-Hạnh, bộ tướng của Trương-Sĩ-Thành. Trương-Sĩ-Thành, cũng như Châu-Hồng-Vô mấy lần mời ra làm quan, tiên sinh đều từ chối. Sau sợ hại, dời nhà về Hoài-An. Lúc mất, chôn tại đại doanh Hưng-Hóa.



— V —

MẤY ĐẶC ĐIỂM CỦA TRUYỆN THỦY-HỬ.

TỪ mấy trăm năm nay, truyện Thủy-Hử đã được hằng triệu người đọc và say mê. Cho đến ngày nay, bộ truyện này vẫn chiếm một chỗ ngồi khá cao trên lịch sử văn học Trung-Quốc.

Nhưng, Thủy-Hử hay ở chỗ nào ?

Đó mới là vấn đề mà chúng ta cần quan tâm. Dĩ nhiên là văn hay rồi. Nếu không hay sao lại được nhà phê bình trứ danh của Trung-Quốc, Kim-Thánh-Thán, tặng là « văn như nhạc trời chuông ngân » ? Mà cũng chẳng nghe ai cãi lại ?

Tuy nhiên, nếu chỉ hay về phương diện văn chương thì cũng chưa đủ sức thu hút

cảm tình của đông đảo độc giả từ mấy thế kỷ nay.



Như chúng ta đã biết, bất cứ tác phẩm nghệ thuật nào muốn trở thành bất hủ, đều phải cống hiến cho loài người chẳng những thành tựu về phương diện nghệ thuật, mà còn phải có tác dụng nhất định đối với đời sống của nhân loại. Nghệ thuật chân chính phải đem lại cái gì hữu ích cho công cuộc giải phóng của con người. Nghệ thuật không nhưng chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp đối với sinh hoạt của con người như chánh trị hay triết học mà thôi, nó còn gián tiếp ảnh hưởng đến sinh hoạt xã hội bằng cách thông qua tình cảm, lý tưởng và hành động của những nhân vật điển hình, những đứa con tinh thần, mà nó đã sáng tạo ra trong tác phẩm. Gọi nhân vật điển hình, là những « người sống trong tác phẩm » với những tình cảm, tư tưởng và hành động sát đúng với con người « phổ biến » ngoài đời.

Như vậy, nghệ thuật tuyệt vời phải là tổng hợp và thể hiện cho được cái « thiện chân, thiện mỹ » của cuộc đời thiết thực. Người văn nghệ nhất thiết phải lấy cái « thiện chân, thiện mỹ » đó làm cơ sở cho nghệ thuật, hơn nữa, làm mục tiêu mà nghệ phẩm của mình phải đạt tới. Xa rời cái « thiện chân, thiện mỹ » đó, nghệ thuật không thể là nghệ thuật chân chính, nghệ thuật trác việt được.

Tác giả (cứ tạm gọi như thế) Thủy-Hử diễn nghĩa chính nhờ bám sát những mục tiêu đó mà đã đạt đến trình độ mực thước của nghệ thuật (dĩ nhiên là vẫn còn khuyết điểm).

Đọc Thủy-Hử, chúng ta khoái trá mà thấy dường như cả một xã hội Trung Quốc của thế kỷ thứ mười hai đang hiện trước mắt chúng ta, với tất cả những thúí nát, rối loạn và xung đột sâu sắc trong bản thân nó.

Tiêu biểu cho tầng lớp vua quan hủ bại đang thống trị nước Trung-Hoa thời bấy giờ là Cao-cầu và nội bọn. Vì thế, chúng ta không lấy làm lạ mà thấy tác giả đã dùng khá nhiều bút mực và công phu để giới thiệu tên Thái-Úy xuất thân cờ bạc, du côn, ăn trộm, chỉ nhờ tài cầu và nịnh bợ mà thăng quan ấy. Dưới ngòi bút châm biếm chua cay tài tình của tác giả, chúng ta có thể thấy xuyên qua hình ảnh tiêu biểu Cao-Cầu, cả bộ mặt thật của một hệ thống phong kiến mục nát đang hồi suy bại. Từ Cao-Cầu, Thái-Kinh, Lương-Trung-Thơ, v.v... cho đến bọn quan dinh, sai phát, công sai..., toàn là một lũ giá áo túi cơm, vô năng bất tài, « văn thì dốt, võ lại chẳng thông », chỉ biết có mỗi một ngón là tham ô hối lộ, hà hiếp dân lành, tàn hại bá tánh, không việc ác nào mà chúng không dám làm. Lật bộ Thủy-Hử ra, có thể nói bất cứ chỗ nào, độc giả cũng tìm thấy những cảnh giết vợ, bắt con, giết người, cướp của v.v... do bọn quan lại lớn nhỏ đó gây ra.

Quan là « phụ mẫu dân » mà đã như thế, thì bọn cường hào, viên ngoại tha hồ mà tác oai tác phước. Mỗi một trang viên (như Chúc Gia trang, Tăng-đầu-thị,...) là cả một tiểu giang san, mà trong đó thống trị tối cao là các ông chủ lớn, chủ nhỏ với toàn quyền sinh sát trong tay. Người dân nghèo chỉ có nhiệm vụ

phải đi lính, đi phu để bảo vệ trang viên cho chúng.

Có người sẽ hỏi: « Còn pháp luật đâu ? »

Pháp luật gì nữa, một khi mà cả hệ thống quyền uy ấy đã chìm rề vào tận quan trường, triều nội ? Mỗi tên cường hào, mỗi chủ trang viên đều có những « gốc dựa » vững chắc — cho nên, chúng ta mới thấy Tây-môn-Khánh thông dâm với Kim Liên rồi lại mưu hại Võ-Đại-Lang mà vẫn yên như bàn thạch, (nếu không có Võ-Tòng trả oán), Trương-Môn-Thần giết chỗ làm ăn của người, mà vẫn được huyện quan hết lòng che chở. Những điều đó không có gì là lạ, dưới thời phong kiến.

Cái thúí nát đó còn « ăn lan » cả vào đến cửa thiền. Nhà chùa cũng cho vay nặng lãi, cũng vợ vét của thiện nam tín nữ. Trong cửa Phật, cũng phân chia đẳng cấp, cũng lớn chèn ép nhỏ như ngoài đời. Như thế, chẳng trách gì Lỗ-Trí-Thâm đại náo Ngũ Đài-Sơn ?

Chế độ cai trị của triều đình lại vô cùng khắc nghiệt và bất minh. Động một tí là khắc tự phát phối, là chém đầu răn chúng. Biết bao nhiêu kẻ vô tội, như Lâm-Xung, Vương-giáo-Đầu, v.v... vì hàm oan mà suốt đời lao đao lận đận. Nhà tù là cả một địa ngục trần gian. Nào sát oai bằng, nào đại lao, thổ lao (tựa như khám tối)..., tội nhơn vào đó, nếu không có tiền dút lót cho bọn quan dịch, sai phát, thì chỉ chờ ngày qua thế giới khác.

Vua quan tham nhũng, tàn bạo, mà lại bất lực, cho nên trộm cướp nổi lên

như ông. Không chỗ nào không có cường đạo. Trong giới nào cũng có cường đạo. Trước một tình thế hỗn loạn như vậy, trước cái thế trên đe, dưới búa đó, dân chúng còn sống cách nào được nữa ? ngoài con đường tổ hợp lại đề « thượng Lương-Son » ?



NẾU nói nhà văn phải đi sát với sinh hoạt của dân chúng, phải rung cảm theo nhịp điệu tình cảm của dân chúng và phải cùng tham gia làm ăn với dân chúng, thì có lẽ tác giả Thủy-Hử chỉ còn thiếu điềm thứ ba thôi.

Cho nên, tác giả đã miêu tả con người trong xã hội phong kiến hết sức tinh tường và sinh động. Mỗi người một vẻ, không người nào giống người nào. Một trăm lẻ tám vị anh hùng, mỗi mỗi đều khác nhau từ tánh tình, tâm lý, đến ngôn ngữ, hành động. Hoàn cảnh nhập Lương-Son, cũng không người nào trùng với người nào. Người ta bảo trí tưởng tượng của tác giả Thủy-Hử thật cực kỳ phong phú. Có lẽ cần phải nói thêm kinh nghiệm sống thực tế dồi dào và tài quan sát tinh vi của tác giả nữa mới đầy đủ.

Bởi thế, tính rình, tâm lý, hành động của mỗi nhân vật đều được tác giả miêu tả khít khao, sát đúng với hoàn cảnh, gia thế, xã hội mà họ xuất thân. Từ Triệu-cái giàu có khôn ngoan, Tống-Giang hào hiệp, mềm mỏng, cho đến Lý-Quí lỗ mãng, hồ đồ, Lỗ-trí-thâm nóng nảy, ngay thẳng, Võ-Tòng ngỗ nghịch v.v... thấy thấy đều được tác giả chăm sóc một cách chu đáo. Đến cả những Huỳnh-văn-Bình gian ngoan, xảo quyệt, Lưu tri trại dốt nát, tiểu mọn... tác giả cũng không hề khinh xuất.

Đặc biệt là khi vẽ lên tâm trạng của mỗi người trước, trong và sau khi lên Lương-

Son, tác giả đã tỏ ra am hiểu sâu sắc tâm lý của những kẻ bị áp bức dưới chế độ phong kiến.

Đời nào cũng thế, người dân luôn luôn chỉ muốn được sống yên ổn bằng sự làm ăn cần cù của mình. Dù cực khổ bao nhiêu, họ cũng không nài hà, miễn người ta đừng quấy rầy họ. Hay dù có quấy rầy đôi chút, họ cũng ráng chịu đựng. Lúc nào cũng tự cảm thấy mình quá yếu đuối trước kẻ cai trị quá cường bạo, họ sẵn sàng nhẫn nhịn tất cả để lấy lắt qua ngày tháng. « Bề nào cũng là kẻ trên, cũng là đức vua, cũng là triều đình », họ tự an ủi như thế để cam tâm gánh lấy số kiếp hẩm hiu của mình. Câu « quân sử thần tử... » được in sâu trong đầu óc họ từ bao nhiêu thế kỷ, đã biến thành nề nếp tư tưởng, tình cảm của họ rồi. Cho nên, ý nghĩ « làm phản, chống lại triều đình » là cả một cái gì quá ư táo bạo. Thà rằng chịu trăm nghìn cay đắng, ức oan, chứ họ không muốn bị mang tiếng phản nghịch.

Nhưng, « cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng ». Nanh vuốt của phong kiến cứ ngày càng đục khoét họ đến tận xương tủy. Quan thì tham tàn, vua thì vô đạo, họ còn biết trông cậy vào đâu ? Khi đó, ý nghĩ làm phản mới mang máng phát sanh trong đầu óc họ. Nhưng, nghĩ thế thôi, chứ vẫn chưa dám làm. Bởi vì, ý nghĩ làm phản vẫn còn bị cả một trường thành luân lý cũ ngăn cản mạnh mẽ. Nếu trong những lúc đó, triều đình kịp thời thay đổi chánh sách, thanh khiết bộ máy quan lại, thì những người dân bất mãn đó chắc không bao giờ lên Lương Son.

Khốn nỗi, dưới thời phong kiến, đầu bao giờ có được trường hợp như vậy. Một triều đại khi bắt đầu đi xuống dốc, là họ cứ nhắm mắt lặn đến khoen cuối cùng của sợi xích diệt vong. Chỉ khi nào dân chúng kiên

quyết đứng dậy quật ngã họ, thì khi đó họ mới chịu mở mắt ra. Vì thế, người dân bắt đầu đi phải lên Lương Sơn.

Tâm trạng này đã được thể hiện rõ rệt trong các nhân vật Tống-Giang, Lưu-Tuấn-Nghĩa, Dương-Chí, Lâm-Xung, v.v..., nhất là Tống-Giang. Họ đều là những người muốn làm dân lương thiện, muốn làm tôi trung thành. Chính chính sách phản nước hại dân của nhà Tống đã dồn ép họ vào chỗ phải làm những « tôi loạn con giặc » bắt đầu đi.

Cho nên, mặc dù đã « thượng Lương-Sơn », họ vẫn mong triều đình có một ngày tỏ ra hiền biết, hạ chiếu chiêu an, họ sẽ trở về với triều đình để lo ngăn ngừa giặc dữ. Nhưng vua quan nhà Tống lại không bao giờ muốn « hạ mình » nói chuyện với quân « phản loạn ». Đối với nhóm Lương-Sơn, cũng như nói chuyện với các nhóm khác, trước sau họ vẫn áp dụng một chính sách duy nhất là thẳng tay tàn sát. Nhiều binh đoàn to lớn cứ tập nập kéo lên thảo phạt Lương-Sơn.

Trước tình thế đó, nhóm Lương-Sơn không còn cách nào hơn là kiên quyết phủ nhận triều đình, dựng cờ « thể thiên hành đạo ».

Như vậy chắc đầu họ là tội phạm, mà không phải là nạn nhân đau khổ nhất của một chế độ tàn ác ?

Tất cả những diễn biến tâm lý tình cảm khúc chiết, phức tạp đó đã được ngòi bút sắc sảo của tác giả vẽ lại một cách rất tỉ mỉ, linh hoạt, xác đáng.



TRONG khi viết Thủy-Hử, tác giả đã tỏ rõ quan điểm của mình là đứng hẳn về phía dân chúng để thét lên những tiếng kêu đau thương, những

nguyện vọng bức bách của lớp người quần quai dưới ách vua quan.

Văn của Thủy-Hử là một thứ văn bình dị, nhưng thành thật, thiết tha, chan chứa cảm tình. Chính vì thế mà nó đã rung cảm được sâu sắc, kích động được mạnh mẽ hàng trăm triệu con người bị nô dịch. Nó khác hẳn với giọng văn của những bộ truyện như Đãng-Khẩu truyện (mà người ta đã vô tình hay cố ý gọi là Thủy-Hử (từ hồi 71 đến 141) hay Thuận-Trị quá giang.



KẾT cuộc của truyện Thủy-Hử cũng khác hẳn với các bộ truyện khác. Không có tôn vương, phong quan, mà cũng chưa có đắc thắng khai hoàn, gia đình đoàn tụ. Nó đã mạnh bạo vượt qua khuôn sáo cũ là :

Công tử lâm nạn đổ trạng ngươn,

Phụng chỉ hoàn hôn với công nương.

Ở đây, không có ai đậu trạng, không có ai làm vua làm quan, mà cũng không có ai « hoàn hôn với công nương ».

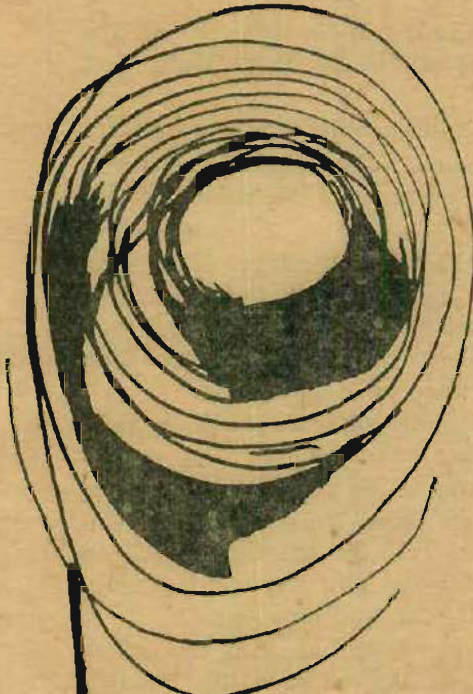
Mấy trăm năm trước đây mà dám đưa ra một kết luận cách mạng táo bạo như vậy, tác giả đã biểu lộ một tinh thần bài phong mạnh dạn ít có vậy !



VỚ I một tác phẩm vĩ đại như Thủy-Hử diễn nghĩa, phạm vi một bài báo khó mà bàn cho đầy đủ được. Hơn nữa, hiện nay, những tài liệu về văn học Trung-Hoa rất hiếm, mà sự hiểu biết của kẻ viết bài này lại quá kém cỏi. Cho nên, về sử liệu cũng như nhận xét, chắc rằng còn nhiều điểm chưa được chính chắn. Rất mong được các bạn chỉ cho những chỗ sơ suất.

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

Vương Vương



Đêm lên đường, vàng vổ trắng non,
Trăng sao buồn lạnh, lối sao mòn!
Đèn hiu hắt dọi qua phen mỏng.
Lệ tủi mắt em, hồn xót hồn...



Súng đạn quân mang nặng vai gầy,
Ngựa mỏi, đồi cao, núi tiếp mây.
Rung rúc chim ngàn ca nhịp bước,
Rộn rục tình sâu, đầy vơi đầy.



Bóng em lấp lánh bên dòng suối,
Theo mãi anh đi suốt dặm trường.
Chạnh nhớ hôm nào mình mới cười,
Trầu xanh, cau ngọt, thương càng thương!



Vội gửi lời về thôn xóm ấy,
Bảo rằng chiến trận dù chưa thôi!
Nắng mưa dù lỡ ngăn sông núi,
Gối phượng, phòng loan, đôi chung đôi.



Trăng ngả chênh đầu, đêm rừng rừng,
Thì thầm tiếng lá rụng bên lưng.
Tưởng em đang nói câu đưa tiễn,
Gió động, cành lay, rừng lại rừng...

Hộp thư

- Ô. XUÂN-HƯƠNG — Saigon — Theo thường lệ tòa soạn không trả lại bản thảo những bài không đăng. Mong ông thông cảm. Mến.
- Ô. TẠ-KÝ. Saigon. Đang xem « Chuyện buồn ». Xin ông cứ gửi tiếp.
- Ô. TIỀM-ĐẠT. Đã nhận được « Thời loạn — Nghe chuyện Bắc-Ninh ». Xin bạn cho biết rõ tác giả và xuất xứ bài thơ chữ Hán đó.
- BẠN HUY-LÂM. (Bla). Đ.T.T. và M. không đăng được. Mong bạn gửi cho bài khác. Đa tạ thịnh tình của bạn đối với B.K. Rất tiếc chúng tôi không thể thỏa mãn lời yêu cầu ở cuối thư của bạn. Bạn cứ cố gắng, chắc chắn sẽ thành công.
- Ô. XUÂN-HUY — Saigon — « Gặp bạn » không đăng được. Mong nhận được những bài khác của ông.
- Ô. VÂN-DIỀU — Quảng-Ngãi — Trân trọng đa tạ thịnh tình của ông đối với B.K. Ông đã đoán trúng phần nào tôn chỉ của chúng tôi : Trên địa hạt văn nghệ, luôn luôn phải có sự cởi mở như vậy. Mong nhận được những bài đặc sắc hơn của ông.
- Ô. DIỆU-THANH — Saigon — Đã nhận đủ những bài trong tháng 3 và 4. Sẽ đăng « Mưa lụt lòng chiều ». Xin cứ tiếp tục gửi cho bài khác.

Đính chánh

BÁCH-KHOA số 32:

- ✱ Bài « **NGUYỄN-VĂN-VĨNH** » của Tân-Fong-Hiệp.
 - trang 44, cột 1, dòng 25: *hay chương*, xin sửa lại **huy chương**.
 - trang 44, cột 2, dòng 10: « *Rút ruột tâm trả nợ non sông* » (dư chữ một sau chữ ruột)
 - cùng trang, cùng cột 25: « *dân văn nhờ tiếc...* »
 - trang 47, cột 2, trong khung: « KUOCQ-NGU'W MO'IQ » xin sửa: « KUOCQ-NGU'W MO'IQ ».
- trang 50, cột 2, dòng 7, xin thêm: 23. — « *Sử ký thanh hoa* » của Émile Vayrac (Le parum des humanités).
- 24. — *Triết học yếu luận*.
 - Trang 54, cột 1, dòng 9 và 10: « *Có lẽ ông tưởng sẽ khám phá ra nơi cái Thiên đường ấy...* »
 - trang 2, cột 1, dòng 5, 6: « *văn chương sự nghiệp đất khôn vùi* ».

BÁCH KHOA 33

- ✱ Bài « **CÂY: CỘI; NƯỚC: NGUỒN; NGƯỜI?** » của Trần-Hồng-Hùng, trang 13, cột 1, dòng 11: « *Đó là Bạch-hạc...* »
- ✱ Bài « **HUỲNH-THỨC-KHÁNG** » của Nguyễn-Hữu-Ngư, trang 32, cột 1, dòng 21: « *Khô ngư hàm như diêm* »



MỘT CHUYẾN XE

Vũ-Hạnh

CHIẾC xe Dodge lù lù bò lên dốc, tiếng máy rú dài như một con vật mệt nhọc bị vẩy đuôi gắp. Qua một khúc eo và gặp quãng đường bình hơn người tài xế đòi tốc độ, dận thêm ga cho xe chạy vượt qua khỏi chặng đường đèo khuất gió, hăm hơi vì ánh nắng xế chiều nung đốt và khói xăng khét lẹt.

Trong xe, ngoài người tài xế và người phụ máy, chỉ có sáu hành khách chiếm ghế trước và ghế thứ nhì. Cả phía sau cũng như trên mui đều chất đầy hàng hóa. Ban đầu chỉ có hai hành khách — một người chủ tiệm và con trai — thuê trọn chuyến xe để chở hàng nhà. Nhưng ra khỏi thành phố, có một người Hoa-kieu đón xe, và ông chủ hàng nhận

biết là một người buôn bán quen thuộc. Sợ bỏ lỡ một dịp tốt để trao đổi công việc mua bán, vừa tiết kiệm được thì giờ, ông chủ hàng đồng ý để người tài xế rước khách. Hai ông cùng ngồi ghế trước, bên cạnh bác tài. Người con trai ông chủ nằm dài trên ghế thứ nhì cố tìm một giấc ngủ sau một đêm thức trắng để hành lạc ở chốn thị thành. Những tiếng cười của người Hoa-kiều và giọng nói rất lớn của cha anh cố át tiếng máy làm anh tỉnh dậy. Anh bỗng nhận thấy tiếng cười của người Hoa-kiều có vẻ Tàu một cách rất vô duyên và cha anh có những lối húng thích nói chuyện không hợp thời. Anh định ngủ lại, nhưng giấc ngủ có lẽ đã xuống xe và đang đuổi theo không kịp một chiếc máy xả hết tốc lực. Anh ngồi dậy, cho rằng người ta chỉ có thể tìm được giấc ngủ khi tỏ vẻ không cần đến nó. Nhưng vừa nhìn ra phía trước anh thoáng thấy hai người đang vẫy xe một cách vội vã dưới ánh nắng trưa. Có lẽ là hai mẹ con. Người con mặc chiếc áo hồng thực đẹp. Người tài xế liếc nhìn sang người chủ hàng, thấy ông này vẫn yên lặng nên định chạy luôn nhưng người thanh niên đã đập vào vai anh ta và bảo dừng lại. Người cha tỏ vẻ không bằng lòng, toan giục chạy nhưng ông chợt thấy người đàn bà còn rất nhiều duyên dáng trong cái xuân tàn và ăn mặc khá sang trọng. Ông làm thinh, giữ vẻ nghiêm nghị. Nhưng khi bà kia vừa bước lên, ông nhìn khuôn mặt thon thon phản chiếu vào tấm gương trước mặt, ông cảm thấy cần phải nói một câu thực có lợi, vừa để thanh minh thái độ của mình với người tài xế vừa để gọi sự chú ý của bà khách :

— Thôi chạy đi kéo trễ giờ ?

Cô con gái bước lên xe, thấy người trai trẻ nhìn mình chòng chọc, toan lùi xuống để nhường chỗ cho mẹ vào trước, nhưng nghe ông to béo hối chạy nên vội vàng ngồi xuống một cách hết sức bất đắc dĩ. Người con trai cảm thấy cha mình xử sự rất hợp thời. Bây giờ, anh không thấy buồn ngủ nữa. Trái lại, anh có vẻ tỉnh táo hơn bao giờ hết.

Được một đoạn đường, chiếc xe đang chạy hết tốc lực bỗng được cho dừng lại trước một căn nhà nhỏ bên đường. Người tài xế bóp còi rồi quay sang ông chủ :

— Tôi gọi nhà tôi.

Một người đàn bà đi ra, chậm chạp, uốn éo. Chị lên xe nhìn quanh, hình như phật ý vì phải ngồi xa cách bác tài, nhưng sau nhận thấy ai cũng có vẻ sốt ruột, chị đành ngồi xuống ở phía ngoài người đàn bà kia.

Xe lại chạy.

Sau khi nuốt hết quãng đường trường vắng vẻ, chiếc xe lại hồng hộc vượt đèo. Ông chủ hàng đã hết nói chuyện, thỉnh thoảng nhìn lên tấm gương trước mặt. Người Hoa-kiều có vẻ bồn chồn như sợ nhớ ra một điều gì không được an tâm lắm. Ở ghế sau, cô con gái và chàng trai trẻ đã đi qua được cái giai đoạn mở đầu và họ bắt đầu góp ý chung để chỉ trích những sai lầm của nam nữ thanh niên trong xã hội bây giờ. Hai người đàn bà kia không ai bảo ai, cũng cảm thấy một cách rất tự nhiên rằng xe hơi là một máy ru ngủ rất tốt. Ở phía sau, người phụ máy bấm chặt

lấy thành xe, mồ hôi nhễ nhại, sẵn sàng vồ lấy cục canh để vọt xuống mỗi khi xe tắt máy giữa dốc.

Lên đến đỉnh đèo, người tài xế cho xe dừng lại để nghỉ cho mát máy. Trong lúc người phụ rể dám cò tranh bước xuống chân cầu mức nước suối đổ vào kít nước, mọi người đã bước xuống xe khoan khoái nhìn cảnh trời bề bao la trước mắt.

Ông chủ hàng vừa đứng gần người mẹ cô gái, vừa xem xét lại hàng hóa, cố tìm một chỗ sơ hở trong các một dây dứa cột chẳng chặt. Ông xây lại người đàn bà, thấy cần phải giải thích thêm một điều mà ông đoán rằng bà này chưa được hiểu rõ ràng :

— Bà rất có duyên đi sớm được chuyển xe này, vì tôi thuê trọn để chở hàng nhà. Đáng lý là không chở một ai.

Người đàn bà hơi nghiêng đầu, hơi nhếch môi nhưng không biết tỏ vẻ thế nào cho hợp lệ hơn nữa nên đành làm thinh. Tuy vậy cặp mắt bà ta có vẻ dịu dàng hơn trước và bấy nhiêu cũng đủ làm ông chủ khoan khoái trong lòng.

Người con ông chủ leo lên một mỗm đá gần mé đường, tay chống nạnh, nhìn ra bề vớ một vẻ chăm chú như một thi sĩ say đắm cảnh vật. Thình thoảng anh không quên cảnh vật ấy có người thiếu nữ. Và người thiếu nữ lấy chiếc khăn tay màu xanh cột rất lâu lên mái tóc bông phất phơ trước gió, cố giữ mãi cái dáng điệu uốn ngược một cách rất tự nhiên.

Anh tài xế dựa vào thành xe lấy thuốc thơm hút, nhìn rất ân yếm người đàn bà mà lúc nãy anh gọi là « nhà tôi ». Người

này lấy tay véo vào sườn anh, đoạn nở một nụ cười không thể tìm thấy trong các bà vợ. Khi ngược lên, thấy mọi người ngó về phía mình, anh ta sẽ đưa tay chỉ về một dốc núi phía xa và nói :

— Các người trông cái sườn dốc xa kia... Chỗ một mảng núi sụp lở kia. Ấy đấy ! Nơi đó đã bao nhiêu chuyển xe đổ đèo nhào xuống đáy biển.

Mọi người chăm chú nhìn theo hướng tay anh và im lặng một cách có ý nghĩa.

Anh tài xế nói tiếp :

— Đã bao nhiêu chiếc xe và bao nhiêu mạng người tan tành chỉ vì sơ ý một chút mà thôi.

Anh rút một hơi thuốc rất dài, phun khói rất mạnh, rồi mỉm cười như không chú ý mấy đến câu nói vừa rồi. Mọi người vẫn còn trầm ngâm nhìn về phía dốc núi cheo leo khuất bóng nắng chiều, bắt đầu nhuộm màu xanh sẫm. Họ lấy cặp mắt đo từ nơi sườn xa xuống dưới vực thẳm và tưởng chừng như những linh hồn người chết còn phảng phất chung quanh.

Người trai trẻ cố nói một giọng rất tự nhiên :

— Vừa rồi báo chí có đăng một tai nạn xe hơi rất thảm khốc xảy ra ở Bokor bên Miên. Một chiếc xe đồ và một chiếc xe nhà chạm nhau trên đầu núi cùng lăn xuống biển sâu. Người ta chưa biết rõ bao nhiêu người chết.

Mọi người lại đứng trong im lặng. Trời bắt đầu chiều. Gió biển thổi vào mạnh hơn, rung chuyển ngàn cây. Ai nấy cảm thấy rừng rợn.

Người phụ máy đã đổ nước xong.

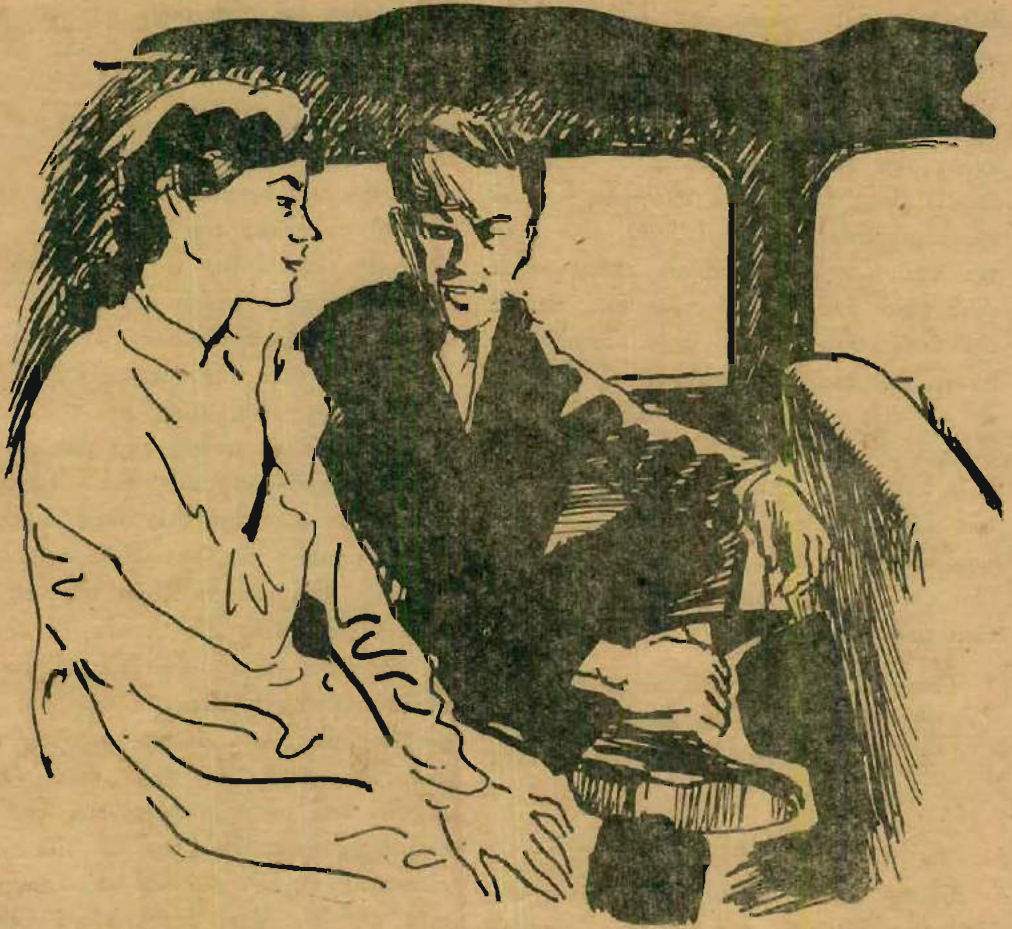
Mọi người lên xe. Lần này, tuy không ai giục gĩa nhưng cô gái cảm thấy không cần phải dời chỗ nữa. Khi xe nổ máy người ta mới nhận thấy thiếu người Hoa-kieu. Sau một hồi còi của tài xế, ông ta mới từ một bụi rậm vội vàng bước ra, nét mặt bình tĩnh hơn trước nhiều.

Xe bắt đầu xuống dốc. Mọi người nghe gió vun vút vào thành xe và núi rừng vọng lại tiếng máy nổ đều. Sức chạy nhanh như kích thích, khiến mọi người say sưa, một nỗi say sưa xen lẫn kiêu hãnh thường tìm thấy trong con người của thời đại máy móc những lúc bị quay nhanh trong tốc độ.

Giữa phút miên man ấy, những câu nói vừa qua của người tài xế và hình ảnh tại nạn thảm khốc ở Cao-Miên như lớn vồn trong óc mọi người. Ông chủ hàng bỗng nhiên nghĩ rằng một tai nạn có thể xảy ra và gia đình ông sẽ lâm vào cảnh đau thương hết sức. Ông và con ông sẽ chết gục ở bên sườn núi cạnh chiếc xe gãy vụn hoặc nằm bẹp dí dưới một hố sâu. Hàng hóa ông sẽ tan tác và cửa tiệm ông sẽ phá sản. Vợ ông đầu quần hai lớp khăn tang sẽ khóc lóc và trọn đời thủ tiết thờ ông. Hay là nó sẽ đi lấy chồng khác? Ông nghĩ thầm như thế. Biết đâu nó không lấy tên chủ tiệm ở góc phố giàu có và góa vợ từ mấy năm nay? Biết đâu nó lại chẳng lấy tên Hoa-kieu này, nếu tên này sống sót? Ừ, nếu tên này sống sót, nó sẽ tìm vợ ta để báo cái

tin đau đớn này và sẽ giả vờ méo mặt chia buồn rồi thỉnh thoảng đến thăm viếng an ủi. Trông nó cũng không đến nỗi xấu người lắm và đàn bà cũng có thể ưa nụ cười hềnh hếch, di đôi vớ cặp mắt hín hít này. Chắc là khi lấy nhau xong nó sẽ đẹp bàn thờ của ta và con ta. Không, nó sẽ đề dầy nhưng đẹp lại một xó vì sợ miệng thể gian chế cười. Khi ấy có lẽ ta đã thành vợ chồng với con mẹ ngồi ở ghế sau này. Khi nào vợ ta chết xuống, nó sẽ ghen lắm đấy, nhưng ai bảo nó lấy tên Hoa-kieu?... Tên này sẽ thừa dịp trục lợi những công việc mà ta bàn tính ban nãy và làm giàu chẳng mấy chốc. Bây giờ nó đang lúng túng, nhưng bọn Hoa-kieu vốn buôn bán giỏi. Thực ra, cũng không đũa nào giỏi hơn ta được. Nhưng một người ít may mắn như tên này, làm sao mà thoát được một tai nạn hiểm nghèo mà ta không thể vượt khỏi? Nếu một trong hai người phải chết thì nhất định không phải là ta.

Tự nhiên ông thấy rằng ông không thể nào chết được. Có chết chẳng là lão Huê-kieu này. Thời vận ông rất tốt, không thể nào có sự vô lý xảy ra giữa lúc thuận buồm xuôi gió. Chính tên thầy Tàu nổi tiếng nhất về tướng số đã bảo rằng đến năm bốn mươi tám tuổi ông sẽ phát đạt tột bậc. Còn những ba năm. Có rủi ro chẳng cũng chín, mười năm nữa. Nhưng cũng vô lý nốt. Mạng ông rất thọ. Bao nhiêu lá số tử vi đều nói giống như vậy. Ông còn biết bao nhiêu dự định trong đầu não, toàn là mưu lược kinh doanh tuyệt vời và nhất định cuộc sống phải



cần sự có mặt của ông không biết bao nhiêu năm nữa. Biết đâu ông lại chẳng sống dai như một người lột xác, để chứng kiến cuộc sống bề dàu dần dập này đây. Điều này có lý lắm vì sức khỏe ông rất dồi dào và gia đình ông rất phúc hậu. Ông chẳng phải người phúc đức là gì? Ông vẫn thỉnh thoảng giúp đỡ những người túng thiếu bằng cách cho vay rất nhẹ lãi đấy ư? Ông lại chẳng vui lòng để mẹ con người đàn bà này lên xe khỏi phải chờ đợi giữa lúc trưa nắng đấy ư? Ông mỉm

cười tự thấy bằng lòng cho mình lắm. Tiếng máy xe nổ đều giòn giã nghe vui tai lạ. Ông liếc sang người Hoa-kieu, chú khách vẫn giữ vẻ tự nhiên. Sau khi trút được mối bận khoăn ở một lùm cây bên rừng, bây giờ chú cảm thấy dễ chịu, yên lòng. Chú không được nghe người tài xế nói chuyện, cũng không nghe người trai trẻ kể lại tin tức Con đường này đối với chú quen thuộc quá. Chú lơ mơ nghĩ lại những câu chuyện mua bán mà người chủ hàng vừa bàn bạc, cố tìm xem thử đấy có phải

là một sự lừa phỉnh hay không. Nếu hợp tác được với hắn ta thì mình sẽ có cách sinh lợi nhiều bề mà hắn không ngờ được. Nhưng chắc là phải lên xuống con đường này luôn thì cũng hơi nhọc. Bỗng nhiên chú nhớ đến hai má phính phính của xam Lin và chú thấy vui vui. Chuyển sau mình xuống nhất định phải ngủ lại nhà nó. Chú ngược lên tấm gương trước mặt. Hình như người chủ hàng cũng nhìn lên tấm gương đó và mặt người đàn bà thon thon kia bỗng nhiên cúi xuống. Chú quay lại sau, nhìn thẳng vào khuôn mặt tròn mập và trát đầy phấn của « vợ » người tài xế. Chị này quay nhìn ra ngoài. Sau cùng chú cúi xuống nhìn cái ruột mình và cảm thấy dói bụng.

Trong khi đó ở ghế sau, cặp trai trẻ qua những phút im lặng rất phong phú đã bắt đầu nói chuyện lại. Nàng buột miệng nói:

— Xe chạy nhanh quá nhỉ... ?

Chàng không hiểu được cái ý sâu xa trong câu nói, vội trả lời một cách sẵn đón:

— Vâng, hơi mau nhưng không hại gì. Anh tài xế này vững lắm. Và lại những hôm đi xe nhà, tôi thường lái chạy nhanh hơn nhiều.

Sự thật anh ta không có xe nhà. Tuy nhiên, anh thấy cần phải nói thêm để cho có vẻ khiêm tốn và đầy đủ ý nghĩa:

— Xe nhỏ bao giờ cũng dễ đi hơn cô ạ. Lại ít xảy ra tai nạn.

Đó là câu nói không căn cứ, nhưng người con gái không chú ý đến sự phản

tách. Tiếng tai nạn bỗng gọi lại trong óc nàng những hình ảnh tưởng đã xóa nhòa từ nãy. Nàng có thể chết lắm, hồng nhan bao giờ cũng bạc mạng. Nàng sẽ có một năm mờ bên đường và mỗi chiều thu lá rụng sẽ có những người tình cũ, cả chàng trai trẻ này nữa, khóc nàng ở đây. Nàng sẽ hóa thành yêu tinh chòng ghẹo khách qua đường. Nàng sẽ hát trên ngọn núi cao, bay ngoài mặt biển, chạy trên cây rừng. Những đêm khuya trăng sáng nàng sẽ xoa tóc ở bên bờ suối và những cặp tình nhân lạc loài sẽ nghe nàng thờ dài... Tự nhiên, người con gái cảm thấy lòng mình xúc động và nghe cay trên khóe mắt. Nàng còn yêu đời lắm và chưa thực sự yêu ai... Người trinh nữ ít khi bị chết vì họ còn phải trả nợ đời. Và lại, có bao nhiêu người yêu nàng, nàng phải sống dễ yêu, dễ yêu... Nàng tự trách mình khéo lãng mạn, suy nghĩ viển vông... Người trai trẻ lịch thiệp, con của ông chủ hàng hiền lành này đã biết địa chỉ của nàng và hứa sẽ đến nhà nàng chơi một hôm nào đây. Hôm nào? Có nên hỏi rõ ngày không? Như thế nghe vô duyên lắm. Tự nhiên, nàng nghĩ rằng có thể một ngày kia nàng là vợ người này... Không, anh ta sẽ hết sức tỏ tình, nhưng ta sẽ từ chối, ta không thể yêu ai hết, vì ta có nỗi lòng u uẩn, xa xôi...

Nàng liếc qua người trai trẻ để xem nếu thế thì mặt anh ta sẽ thất vọng ra sao. Anh chàng thấy người con gái im lặng triền miên nên đã quay nhìn ra phía bên ngoài. Anh đang nghĩ đến một sự rủi ro. Rất có thể chuyến xe này rớt xuống biển sâu và mọi người sẽ chết hết, trừ một mình anh. Anh cũng

thấy ngồi ở chỗ anh khó lòng mà tìm ra lối thoát. Nhưng biết đâu anh không kịp thời vọt ra khỏi chỗ cửa hẹp này? Biết đâu khi xe lăn lông lốc trên sườn non anh không bị rớt ra ngoài và bám kịp vào một ngọn cây? Biết đâu xuống dưới biển khơi anh không nín thở và tìm cách bơi ra... Như thế, anh là một người đặc biệt, có một vận mệnh lạ lùng, một người như thế sau này có thể thành một vĩ nhân. Chắc sau tai nạn này báo chí sẽ in hình anh, sẽ nói đến tên anh như một người có bản lĩnh phi thường. Anh sẽ viết một bài tường thuật phút rừng rợn vừa qua, hoặc anh sẽ kể lại cho một đôi nhà báo và sau cùng nếu họ hỏi cảm tưởng lúc đó, anh sẽ chỉ mỉm cười, làm như không để ý, rồi trả lời một cách vắn tắt:

— Không có cảm tưởng gì lạ. Chỉ ngạc nhiên ít phút ban đầu thôi. Nhưng luôn luôn hiểu rằng cần phải chiến đấu, vượt mọi hiểm nghèo để sống. Chỉ tiếc là tai nạn xảy ra quá đột ngột, không cứu sống được ai hết.

Ý nghĩ sau này làm anh vừa kiêu hãnh vừa hơi buồn. Như thế, anh sẽ mang một khối hận tình. Người con gái này chết đi sẽ làm cho anh đau khổ không bao giờ nguôi được. Anh sẽ sống suốt đời không lấy vợ, mặc dù bao nhiêu người đẹp yêu anh. Anh thầm nghĩ: — Có lẽ ta sẽ thành một thi sĩ đề khóc nàng. Đời sau sẽ nói: « Đó là một mối tình cao thượng nhất từ cổ chí kim ».

Anh chống tay ra ngoài lẽ cửa, như chuẩn bị để đối phó với tai nạn. Bỗng anh mang máng thấy rằng từ xưa đến nay anh chưa hề tỏ ra cao thượng lần nào đối với phụ nữ cả, có thể đó là điểm anh ghét

nhất cũng nên. Vậy cô con gái này có thể thoát khỏi tai nạn đề cùng ta thành vợ thành chồng. Nếu ta cứu được nàng chuyển này thì nàng sẽ lấy ta nhất định. Nàng sẽ yêu ta không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng e rằng có một lúc ta không yêu nàng nữa. Nàng hơi gầy, nếu để ít lần thể nào cũng tiêu điều nhan sắc. Biết đâu đề xong nàng lại chẳng mập sồ sề. Anh lại loay hoay tự tạo ra những điều kiện thuận lợi trong óc để cứu nàng. Dù sao cũng phải cứu nàng, như thế nàng mới chung thủy với ta được. Anh không hề nghĩ đến sự phải cứu những người khác, kể cả cha anh, vì có lẽ ông ngồi xa anh quá.

Anh quay sang nhìn người con gái hết sức thương cảm. Nhưng anh bắt gặp cặp mắt của người mẹ và cặp mắt có vẻ soi thấu ruột gan anh. Khuôn mặt bà ta bỗng có đầy đủ nét cương quyết của một người tướng giữ thành. Anh lại quay nhìn ra ngoài. Tự nhiên anh cảm thấy yên lòng, bởi vì với một người mẹ như thế hẳn người con gái này chưa có dịp đề yêu ai cả. Ta sẽ tạo nhiều dịp đến thăm nàng, ta sẽ coi mẹ nàng như mẹ ta, hơn cả mẹ ta nữa. Ý nghĩ sau này khiến anh tự thấy có đủ can đảm để nhìn mặt người đàn bà kia. Quả thực, cặp mắt bà ta đã dịu hơn trước. Đây là cặp mắt của một tâm hồn xao xuyến, bởi vì hơn ai hết, người đàn bà này vẫn mang những cái thắc thỏm về sự rủi ro mà bà đã nghe nhắc đến trên đỉnh đèo. Bà thầm oán trách người tài xế đã không biết giữ mồm giữ miệng trong khi đi đường. Nhưng câu nói của người thanh niên kia mới thực là đại đột. Họ đều là những người còn trẻ, ăn

chưa no, lo chưa tới. Cũng như người đi rừng không nên nhắc đến « ông thầy », người đi xe, đi thuyền không nên nhắc đến tai nạn. Đó là những điều, mà đáng lẽ mẹ họ phải dạy họ từ khi còn nhỏ. Bà nhìn mọi người với một vẻ ái ngại và nghĩ ngợi rất lâu về con gái của bà... Nếu con gái bà chết đi thì đời bà sẽ khổ lắm. Nhưng bà có sống không? A di đà Phật! Không nên nghĩ bậy như thế! Trăm năm mới có một lần. Bà cảm thấy xe chạy mau quá. Lạy Trời, lạy Phật, cho chuyến này đi được yên ổn. Trời Phật đã từng phù hộ bà nhiều lần rồi và bà chỉ cần cầu khẩn đến các ngài là qua cơn yên ổn. Thỉnh thoảng bà cũng có đi lễ chùa và lòng thành của bà có lẽ đã động đến quý thần. Phúc phận nhà bà rất lớn, con bà ai cũng bảo là sẽ có chồng sang trọng, bà sẽ có nhiều cháu ngoại đều là quý tử... Con gái bà kìa cũng rất xinh đấy chứ? Nó phải cái tự nhiên quá, gặp ai cũng nói chuyện, cũng làm quen được. Đó là kết quả của mấy năm đi học xa nhà. Nhưng đây là con trai ông chủ, ông này kìa ra cũng giàu và cũng là người có ý tứ. Biết đâu chuyến này người ta sẽ không lấy tiền xe mẹ con bà? Cha con nhà này đã chẳng thuê trọn chuyến đấy ư?

Chiếc xe bỗng vồng lên, vấp phải một ổ gà trên đường. Người mẹ giật mình đánh thót và buột miệng: « Mô Phật! » Chị đàn bà ngồi bên bật cười. Chị nheo mắt lại nhìn người đàn bà đang giương cặp mắt lo âu. Người đàn bà kêu lên: « — Cho xe chạy chậm

bớt, bác tài! » Người tài xế có vẻ không nghe. Chị đàn bà ngồi bên nói một giọng giễu cợt:

— Thôi đi, bà cụ ơi! Người ta lái xe đã bao nhiêu năm trời trên con đường này rồi.

Và chị thấy người đàn bà quả thực là buồn cười. Bà này có lẽ ít đi đâu xa, cũng là một thứ nhà quê. Chị đã từng đi bao nhiêu con đường hiểm nghèo gặp mấy đường này mà nào chị có biết sợ là gì. Vận mạng chị ở đâu là sự tốt lành ở đó. Có chị là y như xe có được yên ổn hơn lên. Chị cũng như một thứ bùa khiến ma quỷ phải kiêng nê. Nhưng chỉ có thằng cha Tư tài xế này nó chẳng biết kiêng nê gì mình. Hôm nào lên đến nơi nó cũng phá phách không ngủ yên được. Chị thoáng nghĩ đến một người khiến chị phải kiêng nê: đó là vợ của người tài xế, một người đàn bà mà chị thấy là xấu xí và lỗ mãng nhất đời, không bao giờ cùng đi một chuyến xe với chồng nhưng hình như luôn luôn có mặt ở các phòng ngủ để theo dõi chồng. Chị lại lan man nhớ lại những đêm gặp gỡ đã qua với người tài xế. Không hiểu tại sao mình lại dễ dãi quá thế? Đáng lẽ phải làm nghiêm hơn nhiều. Đôi khi phải làm như không cần đến, phải kháng cự lại. Thỉnh thoảng phải giả vờ đau, đau đầu hay đau bụng để từ chối lúc ban đầu. Giả vờ đau đầu có vẻ lịch sự hơn. Bỗng nhìn thấy người tài xế quay lại, chị trở người đàn bà bên cạnh và bảo: « Bà cụ bảo anh đi chậm đấy. »

Nhưng người mẹ có vẻ như không chú ý câu nói ấy. Bà thấy rõ ràng giữa mình và chị đàn bà ngồi bên có một khoảng cách rất xa. Người tài xế vẫn cho xe chạy hết tốc lực. Không khi nào xe anh lái mà có thể nguy hiểm được. Anh là một tay lái rất sành sỏi, rất lành nghề. Một thời gian nữa, anh sẽ bỏ tay lái vì anh sẽ mua xe và làm chủ. Anh sẽ thuê tài xế. Anh thấy rằng trừ anh ra, thì bọn tài xế đời bây giờ chẳng mấy ai ra dáng. Sau này chắc có nhiều người đi xe vẫn còn nhắc đến tên anh khi qua những con đường dốc hiểm nghèo.

Anh nhìn lên bóng người tình nhân của anh phản chiếu ở tấm gương trước mặt. Tấm gương anh dừng lại hơi lâu một chút ở bộ ngực nở nang của người đàn bà. Nhưng rồi con đường bắt anh anh chăm chú vào tay lái. Anh điều khiển chiếc xe lượn quanh sườn núi, vượt qua những cầu hẹp, rẽ ngoặt theo những con đường chỉ một cách tài tình. Anh cảm thấy trong sự điều khiển máy móc ngày nay, chỉ có lái xe hơi ở những con đường này là khó nhất. Mình phải đến nơi sớm; sáng mai phải xuống sớm. Liệu có xuống sớm được không? Tối nay sẽ đặt con Sáu đi ăn cơm ở tiệm nào kia?

Mãng núi sập hiện ra ở bên đường. Người tài xế cảm thấy đủ tự tin để cho xe bám nhanh theo triển dốc quanh co và ép sát xe theo một đường vòng rất ngặt. Mọi người trong xe đều ngả về một phía. Người trai trẻ có dịp dè ép sát mặt vào đầu người con gái và anh ngửi thấy trong tóc một mùi thơm

nồng dịu. Anh cố nghĩ rằng đó là mùi da của cô nàng...

Người phụ máy tự khi xe bắt đầu xuống dốc ngồi ở một chỗ phía sau ép mình vào đồng hàng và mở rộng cửa sau để có thể duỗi chân ra chỗ bậc lên xuống. Anh nhìn chiếc quần kaki đã sờn cả hai gối và cả chiếc áo bê bối dầu máy, tự hỏi bao giờ mình mới sống được những ngày thong thả hơn? Anh nghe ngóng tiếng máy chạy, nghe nhịp quay nhanh vùn vụt trên đường và cả cảm thấy đời mình quay lông lốc trong một cuộc sống dồn dập, xô bồ, mệt nhọc. Làn khói bụi cuộn tỏa sau xe cũng mờ mịt như sương lại anh. Anh có cảm giác lơ mơ rằng đời anh như một chiếc xe chạy cho đến ngày mòn mỏi, không biết đâu là bến cuối cùng... Khi chiếc xe quay ngặt anh bị ngã vẹo người ra một bên khiến anh cau mặt. Anh nghĩ rằng không tội gì phải nôn nả trên những quãng đường này, khi phải chờ hàng nhà không cần tranh khách với bất cứ xe nào. Nhưng lúc đó ở ghế trước, người tài xế mỉm cười nhìn vào tấm gương trước mặt. Chị đàn bà cũng nhìn anh mỉm cười, mắt như ra dấu rằng người ngồi bên cạnh đang sợ hãi chưa yên. Anh thấy cần quay lại nói đùa một câu cho được lòng chị đàn bà:

— Cụ ơi. Xe qua khỏi chỗ núi sập rồi đấy. Bây giờ đã gần hết dốc. Chuẩn bị mà ăn cơm nhà.

Anh lại dặn thêm ga, nhận kèn, định cho xe vòng rộng ra con đường rồi bẻ quặt lại rất đột ngột để những kẻ yếu bóng vía có thêm đôi cảm tưởng về tài

năng của anh. Nhưng chiếc xe đã quá trơn. Đầu xe húc vào một mô đá nhỏ ven đường, dội lại, hất mạnh mọi người vào thành ghế sau. Người phụ máy nhanh như cắt, nhảy vọt xuống đường, trong khi chiếc xe thẳng đà rượt tới, trườn xuống sườn núi cheo leo...

Người phụ máy bị té sấp xuống lề đường chân xóc vào một tảng đá nhọn. Vốn luôn luôn tỉnh táo như đã thường xuyên chuẩn bị đối phó với bao nhiêu trường hợp bất trắc, anh chồm dậy sau phút bàng hoàng choáng ngợp, chỉ kịp nghe một tiếng rất xa. Anh thoáng thấy chiếc xe như một hộp thiếc nhỏ lăn từ

một mỏm đá lớn dưới chân núi xuống dưới biển khơi rồi mất tăm dạng. Giây phút hãi hùng qua mau như một lần chớp khiến anh sững sờ, tê liệt hết cả cảm xúc. Khi cúi nhìn thấy máu ở chân mình chảy ròng ròng anh vội ngồi quỳ xuống một tảng đá bên cạnh. Và cũng thoáng trong giây phút, anh có cảm tưởng rằng tảng đá dưới vực kia cũng bắt đầy máu đỏ như chỗ mặt nước biển khóa bằng đá vùi giấu bao nhiêu mạng người trong chiếc xe kia !

VŨ - HẠNH

Thế nào gọi là « thất giáo »

Tăng-tử hỏi Khổng-tử thế nào gọi là thất giáo.
Khổng-tử đáp :

— Trên kinh người già thì dưới càng hiểu thêm ; trên trọng người hơn tuổi thì dưới càng đề thêm ; trên ưa việc thì ần thì dưới càng rộng rãi ; trên thân người hiền thì dưới sẽ kén chọn bạn hữu ; trên ưa đạo đức thì dưới không ần nặc ; trên ghét tham lam thì dưới xấu hổ vì tranh cướp nhau ; trên chuộng liêm nhượng thì dưới biết giữ sĩ tiết. Đó gọi là thất giáo. Thất giáo là cái gốc dễ trị dân. Thất giáo đã định thì cái gốc tắt ngay. Người trên là cái cột nêu cho dân, cột nêu ngay thẳng thì không gì không ngay thẳng. Cho nên bậc quốc trưởng trước hết phải lập điều « Nhân » ở nơi mình, rồi sau đại phu mới trung, kẻ sĩ mới tin, dân mới thuần hậu, phong tục mới chất phác, con trai mới thành thực, con gái mới trinh bạch. Sáu cái ấy là sáu điều do thất giáo mà ra vậy.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

ASSURANCES TOUTES BRANCHES

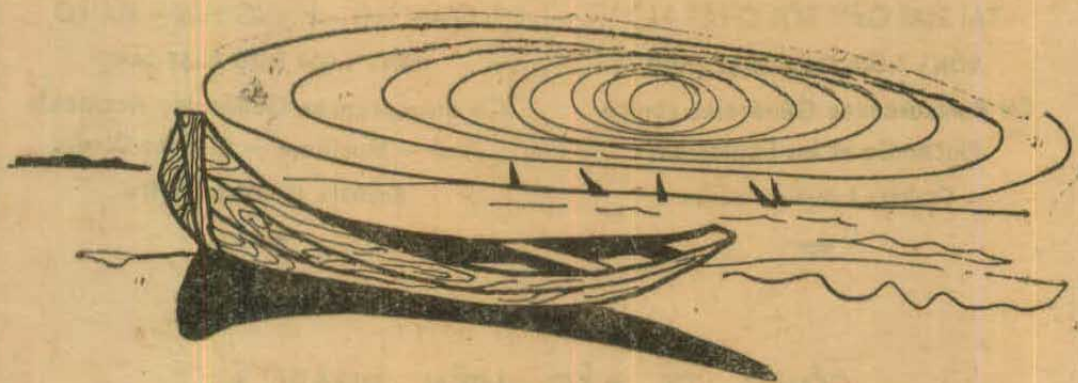
CAPITAL : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Dạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy nói : 21.253 — 23.913



Sầu Tư Bộ Lạc

Say như trưa hè nhiệt đới
Quỳ trên cát biển trắng phau
Gục đầu trên vai cô gái
Đầy hoa mà lòng u sầu

Hờ ơ im lặng trầm tư như hỏa diệm sơn đã chết
Hồ nước lạnh ngàn đời trong tim buồn đau tha thiết
Bập bùng trong đêm nao rục ánh lửa thiêng
Nhạc của môi hồng mắt lá loi u huyền
Cuồng nhạc say ca hồ ơ
Lửa đỏ môi sóng tay mời
Ôi hoang vu lời ca lên vút cao
Chậm chậm bập bùng tiếng trống lửa reo
Đêm quay cuồng ở tay Em
Về đâu mộng ước ngàn năm

Những đêm hoa dăng
Có hỏa diệm sơn ngàn ngút lửa thiêng
Có lời ca trầm trầm u buồn
Có tiếng trống bập bùng ru hồn
Có vũ khúc man dại say cuồng
Hồn vũ trụ trên búp tay
Sầu tư bộ lạc ngày mai
Hờ ơ man dại nhạc ca
Tìm đâu dĩ vãng phai mờ
Những đêm nao lửa găm như sóng biển
Ngọt lịm lời thơ điệu nhạc u huyền
Muôn tay yếu ớt níu hồn nhiên về đâu
Hiện tại phù du như bãi biển nương dâu

Trưa nhiệt đới lịm ngủ bên gốc dừa xanh
Ru hồn trong suối tóc mun đen gợi tình
Run rẩy trên gót diên cuồng vũ nữ
Tìm say sưa và hồn nhiên cuộc đời
Sầu tư bộ lạc tiếng hát chơi vơi

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

« Nhắc đến cò giai phàm Trung-hoa, dù có thiên về mấy bộ Tam-quốc, Tây-sương, mà xưa nay ai đã đành quên Tình-sử ? » Mà đã nhớ Tình-sử thì ai nữa nào quên được Liêu-trai ? Cho nên khi bạn Hu-Chu, quá bạn rộn vì đang mùa thi cử, phải tạm biệt Bách-Khoa, thì chúng tôi bèn nhờ một bạn khác đã từng đi hai mươi năm học hỏi Hán, Pháp, Anh-văn và Thổ-giới ngữ, vừa làm quen với các bạn qua bản dịch « Cuộc thách đố » : bạn KIỀU-YIÊU.

Bạn KIỀU-YIÊU đã nhận lời, và đã... khò sỏ.

Bởi lẽ trong các tiểu thuyết danh tiếng của Trung-hoa, có lẽ Liêu-trai là khổ hiều hơn hết, lại bởi ngoài cái giá trị văn chương, còn thêm cái giá trị cách mạng ; và bởi lẽ bạn KIỀU-YIÊU đã thất vọng với một Tân-Đà già già, với một Quán-Chi khiếm tốn, với một Nhượng-Tổng tài hoa, lúc ba bậc đàn anh này dịch Liêu-trai chi đi. Văn của Bồ-Tông-Linh gầy gò quá, mà đặc tính này đã xui nên bao sự hiểu lầm cho người đọc ngoại quốc, trong đó có ba nhà văn mà chúng tôi vừa kể.

Cho nên mấy truyện dịch đầu của bạn KIỀU-YIÊU đành phải hơi nhiều lỗi, quá tàn thời, quá rành rọt. Điều làm cho bạn chưa vừa lòng trọn vẹn.

Đồng ý rằng người đọc già chân chính muốn thưởng và muốn nơi bao giờ cũng « muốn làm sao nước chảy ở dưới oam còn giữ được ít nhiều cái hương vị tình rờn lúc nó vừa ở trên nguồn tuôn ra », bạn đang cố dịch những chuyện kể sao cho vừa gọn gầy, vừa giữ một ngữ khí cò kính gần như nguyên văn, sao cho súc tích hơn, chập chờn mộng huyền hơn.

Còn giờ, mời những bạn nào đã chán ngán chuyện « người » hãy cùng ai trước đèn thơ thần mà nghe « ma » to nhỏ...



II. — CÁT - CÂN

Thường-Đại-Dụng, người đất Lạc, si mê mẫu đơn, nghe đồn mẫu đơn ở phủ Tào-châu ăn đứt cả tỉnh Sơn-dông, định bụng sang đó. May, gặp một dịp tiện, chàng đi Tào-châu, hỏi mượn vườn của một vị tẩn thân mà ở. Bấy giờ đầu tháng hai, mẫu đơn chưa nở hoa, đành đi quanh quần trong vườn, mắt chăm chăm nhìn chồi hoa mới nhú, mong sao chóng nứt mầm, bèn làm một trăm bài tuyệt cú, nhan đề « Nhớ mẫu đơn ». Không bao lâu, hoa dần dần nảy lá bao xanh.

Nhưng tiền nong sắp cạn, chàng tìm nơi cầm mớ y phục dành mặc mùa xuân, lưu liên ngày tháng quên về. Một hôm vừa sớm tinh sương đã ra tới chỗ có hoa, thì bỗng thấy một nữ lang với một bà lão đứng đấy, bụng ngờ là người nhà quý tộc, bèn lật đật quay về. Chàng rình xem rồi lại trở ra, lại thấy hai người kia, thì thông thả đi lách mặt. Rồi lại nhìn trộm, thấy cách ăn mặc đẹp tuyệt trần. Đang lúc tâm thần mê mẩn, chợt nảy ra một ý tưởng khác : « Đây hẳn là tiên, chớ thể gian này há có được một giai nhân như vậy sao ? » Nghĩ thế liền vội vã trở gót đi tìm. Chợt đi quá hớn non bộ, thì gặp bà lão. Nữ lang vừa mới lên ngồi trên tảng đá, ngảnh nhìn thấy chàng mà thất kinh. Bà lão vừa lấy mình che khuất thiếu nữ vừa mắng : « Gã điên này định làm gì hử ? » Chàng bèn quì xuống, cúi đầu mà thưa : « Chắc nương tử là thần tiên ». Bà lão quát to : « Ăn nói càn bậy như thế, phải bắt trời lại giải lên lệnh đoan bây giờ ! » Chàng sợ quá. Nữ lang cười khúc khích bảo : « Thôi, bà thả ông ấy đi. Ông hãy đi qua núi giả mà đi đi ».



Chàng trở về, không còn đủ sức cất bước, nơm nớp lo nữ lang về đến nhà mách cha mẹ, thì bề gì sự nhục nhã cũng sẽ tìm đến mình. Về ngả lưng nằm trong phòng vắng, tự hỏi sao mình đã càn bậy đến thế. May mà nữ lang không lộ vẻ gì giận dữ, và không chừng, hiện chẳng còn bận tâm đến nữa. Lòng chàng ngồn ngộn hối hận lẫn lo sợ, thành đêm vừa hết, chàng cũng vừa phát bệnh. Vào

khoảng bảy tám giờ sáng, không thấy ai đến vấn tội, chàng lấy làm mừng. Nhưng tuy lòng tạm thấy yên, chàng vẫn hồi ức về mặt và giọng nói của ai, nỗi lo sợ đã nhường chỗ cho niềm tưởng nhớ. Như thế ba tháng trời, tiêu tụy đến gần chết.

Người đầy tớ một hôm chong đèn đến nửa đêm, mồn mõi ngủ quên đi. Bấy giờ bà lão bước vào, tay bưng một cái chén tiến đến bên chàng mà nói : « Cô Cát-Cân nhà chúng tôi tự tay đã hòa chén thuốc độc này. Mong cậu uống mau đi ». Chàng nghe mà hoảng hồn, nhưng gượng nói : « Tôi với nương tử, tự bao giờ có oán hiềm gì nhau, sao lại đến nước bắt tôi tự tận thế này ? Nhưng nương tử đã ra tay hòa thuốc, thì vì tương tư mà phải bệnh, sao cho bằng uống thuốc mà chết ». Bèn kéo chén thuốc lại ực một hơi. Bà lão chỉ cười, lấy chén ra đi.

Chàng thấy thuốc mùi thơm mà có hơi lạnh, như chẳng phải là thuốc độc. Một lát, cảm thấy lồng phôi bùng nổ phoi phoi, trí não khoan khoái, rồi ngà ngà say mà ngủ thiếp đi. Đến khi tỉnh dậy, nắng hồng lênh láng chảy đầy cửa sổ, chàng thử gượng đứng lên, bệnh dường tiêu mất. Lòng càng tin nữ lang là tiên, mà không phương dò hỏi cho ra. Nhưng những khi vắng vẻ không người, thì phảng phất thấy nữ lang hoặc đứng hoặc ngồi, bèn thành khăn sụp lạy mà làm dân khẩn vái.

Một hôm ra đi, tới một lùm cây rậm bóng gặp nữ lang. Không thấy ai khác, mừng hơn hờ sụp quì xuống đất. Nữ lang đến gần kéo chàng dậy, bỗng nghe

một mùi hương lạ lừng ngát quanh mình nàng, liền đưa tai nắm lấy cánh tay ngọc mà nhòm dậy, da thịt non mềm khiến trong người chàng ahur rã rời từng khớp xương. Chàng đương có điều muốn thổ lộ, thì bà lão chợt đến. Cô gái bảo chàng núp sau tảng đá, trở về hướng nam mà nói :

« Tối nay chàng lấy thang mà trèo tường, gặp chỗ nào có cửa sổ dò bốn bên, tức là chỗ thiếp ở đó », rồi vội vàng đi mất. Chàng ngần ngại, hồn phi phách tán, không biết người hoa đi về đâu ?

Tối đến, vác thang đem đặt lên tường phía nam, thì thấy bên kia chân tường đã có thang dựng sẵn, mừng quýnh leo xuống. Quả nhiên thấy cửa sổ đỏ, nghe trong nhà có tiếng đánh cờ. Chàng tần ngần đứng đó, không dám bước tới, đành trèo tường mà về. Một lát sau lại mò sang, tiếng đánh cờ còn lách cách giồn tan. Chàng lần đến lên dóm, thì thấy nữ lang với một mỹ nhân khác mặc áo trắng, cùng ngồi đối diện đánh cờ. Bà lão cũng đương ngồi đó, có một tí nữ đứng hầu bên cạnh. Chàng lại quay trở lại, đi đi về về như thế ba phen. Khi giọt đồng hồ điểm canh ba, chàng nấp ở đầu thang, chợt nghe bà lão đi ra nói : « Thang ai dè đây ? » rồi kêu tí nữ cùng khiêng thang đem cất chỗ khác. Chàng leo lên đầu tường, muốn xuống mà không thang, lấy làm ngao ngán trở về.

Đêm sau lại đến nữa, thì thang đã đặt sẵn từ bao giờ. May sao vắng vẻ không người, vào nhà thấy cô gái đương ngồi thẳng nghiêm trang trên giường,

như có điều chi tư lự. Chợt thấy chàng bèn giật mình nhồm dậy, đứng nghiêng nghiêng ra chiều e lệ. Chàng chấp tay vái chào, nói : « Tôi bấy lâu vẫn cho mình phúc bạc, đối với những giai nhân, vẫn e sợ mình chẳng được phần nào, thật không dè lại có được đêm nay ». Bèn lơi lả ôm nàng vào lòng, thắt lưng thon nhỏ chỉ dầy hai gang tay, hơi thở như hương lan. Nàng chống cự mà rằng :

« Gì mà vội đến thế ? »

Chàng đáp :

« Sự khăng khít lứa đôi thường gặp trở ngại, tri hoãn sợ sẽ bị ma ganh quỷ ghét ».

Chữa dứt lời, nghe có tiếng người vắng vắng đằng xa. Cô gái vội nói : « Em Ngọc-Bản nó lại kia kia. Thôi, chàng hãy chịu khó nấp dưới sàng đi ». Chàng làm theo lời.

Chẳng bao lâu, một cô gái bước vào, ranh mãnh cười nói rằng : « Làm tướng mà bại quân, còn mặt mũi nào nói đến chiến đấu nữa. Em đã pha trà, xin mời chị đến chơi với em cho vui trọn một đêm trường ». Nữ lang viện lẽ mệt mỏi xin từ chối. Ngọc Bản năn nỉ, nữ lang vẫn một mực ngồi đó không đi, Ngọc Bản nói đùa : « Bận rịn đến nước này, hẳn là có dấu trai trong phòng phải không ? » Bèn kéo bừa nữ lang cùng ra cửa đi đầu mất.

Chàng lom khom bò ra, tiếc rẻ vô cùng, bèn lục lọi nệm gối, mong nàng có bỏ sót lại vật gì không. Kiểm mãi, mà khắp phòng, đến một cái hộp đựng phấn son cũng không thấy, chỉ thấy ở đầu

giường có một cây như ý bằng thủy tinh dài độ bốn năm tấc, đầu có buộc chiếc khăn màu tía, thơm tho khả ái. Chàng lấy đầu vào ngực, treo tường mà về. Chàng sửa lại cổ áo, tay áo đã bị nhàu nát, thấy mùi hương da thịt ai vẫn còn ngung động theo mình. Lòng yêu mến bấy giờ càng thâm thiết. Nhưng vì cái việc hoảng hốt bỏ núp dưới sàng con gái, nên chàng sợ có ngày phải ra trước công đường. Chàng đắn đo mà không dám bén mảng đến đó nữa, chỉ nâng niu cất cây như ý, thầm mong người đẹp đến tìm.

Cách một đêm sau, nữ lang quả nhiên đến, cười nói rằng : « Thiếp bấy lâu vẫn tưởng chàng là bực quân tử, chớ có dè đầu chỉ kẻ trộm cắp mà thôi ». Chàng nói : « Nương tử đã nói thì tôi xin vâng. Nhưng sở dĩ bỗng chốc lại thành ra chẳng quân tử, ấy chỉ vì muốn sao cây như ý sẽ mang lại cho mình những điều như ý ». Rồi kéo nàng vào lòng, mở hộ nút thắt lưng, da trong trắng như ngọc bỗng lộ ra, một làn hương ấm thoảng đưa bốn bề. Trong lúc ôm đào ấp mạn như thế, thì thấy hơi thở và mồ hôi của nàng, không cái gì là không thơm ngát. Nhân thế bèn nói : « Tôi bấy lâu nay vẫn ngờ em là tiên, nay thì càng tin chắc mình nghĩ không lầm. May được em đoái nhìn, thì mối duyên đôi ta hẳn là duyên ba đời. Chỉ sợ hương hoa đổ lan cao quý, mà lại đem hạ xuống chốn phàm thường, thì cuối cùng sẽ thành mối ly hận mà thôi ». Cô gái cười rằng : « Chàng lo cũng có phần quá đáng : thiếp chẳng qua là một thiếu nữ ly hôn, chợt nghe tình dẫy trong tim. Việc của đôi ta, ta nên thận trọng kín đáo, kẻo những miệng lưỡi lười mồi rồi sẽ bịa điều đen

trắng mà hại đến ta. Bấy giờ chàng không thể mọc cánh, thiếp chẳng thể cỡi gió mà lánh được, thì sự chia lìa vì tai họa ắt là thảm hơn sự phân rẽ giữa yêu đương đến mấy lần ».

Chàng cho nàng nói phải, nhưng rồi cuộc vắng ngò nàng là tiên, bèn cố ý gạn hỏi nàng tên họ gì. Cô gái đáp : « Đã cho thiếp là tiên rồi kia mà ! Tiên nhân lọ phải có tính danh sao ? » Lại hỏi bà lão là ai. Nàng thưa : « Bà ấy là Tang mẫu mẫu. Thiếp thuở nhỏ được bà đùm bọc cho, nên không liệť bà vào hàng tì nữ ». Rồi đứng dậy muốn đi, nói : « Chỗ thiếp ở có nhiều tai mắt không thể ở đây lâu mãi được. Hễ có dịp là thiếp sẽ lại ».

Lúc lâm biệt, nàng đòi cây như ý mà nói : « Cái này không phải của thiếp, mà là của Ngọc-Bản bỏ quên ». Hỏi Ngọc-Bản là ai, thì nàng nói : « Con chú của thiếp ». Nàng đã đi rồi, mà chân gối vẫn còn thắm đượm một mùi hương lạ.

Từ đó cứ hai ba đêm nàng đến một lần. Chàng mê nàng đến nỗi chẳng còn nhớ việc về cố hương nữa. Nhưng túi đã sạch nhẵn, chàng muốn bán ngựa. Cô gái hay được việc ấy, nói : « Chàng đã vì thiếp mà đến nỗi rốc túi cầm áo. Lòng thiếp đã chịu không được. Nay lại lìa bỏ cả ngựa, thì đường xa trên ngàn dặm (576m × 1000 = 576 km) chàng sẽ lấy gì mà về ? Thiếp nay có chút của dành dụm riêng, có thể giúp chàng ít nhiều quần áo ». Chàng từ chối mà rằng : « Tấm tình của em, dầu có phơi gan trải mật để cùng em thì thốt, cũng còn đáp lại chưa xứng. Nếu

mà lại đeo vào mình cái thói tham, khiến cho hao hụt tiền của em, như thế còn làm người sao được ». Nàng cố nài ép, nói rằng : « Thôi ! thì cho chàng mượn tạm vậy ».

Rồi nắm lấy cánh tay chàng, kéo đến gốc một cây dâu, chỉ một hòn đá mà nói : « Chàng khuôn nó đi chỗ khác đi. » Chàng làm theo lời. Nàng lại rút cây trâm trên đầu, đem găm găm xuống đất mấy mươi cái mà bảo : « Chàng bới nó lên đi ». Chàng lại làm theo lời, chẳng bao lâu đã thoáng thấy hiện một cái hũ. Cô gái thò tay vào dò thăm, lấy bạc ra gần độ năm mươi lượng. Chàng nắm lấy cánh tay nàng ngăn lại, nàng không nghe, lại moi ra hơn mười chỗ nữa. Chàng bắt nàng trả lại một nửa, rồi lấp chỗ đất lại.

Một tối nàng bảo chàng rằng : « Đạo gần đây có ít nhiều tiếng bàn tán xôn xao. Coi mời không thể kéo dài nữa được. Đến nước ấy, thì không thể không lo liệu trước ». Chàng giật mình nói : « Làm sao bây giờ ? Tôi xưa nay tánh vốn cần trọng, nay vì quá yêu em, mà không còn tài nào tự chủ được nữa, thật chẳng khác nào người quả phụ đã thất thủ một lần. Giờ chỉ còn biết tuân mệnh của em. Dầu có xảy ra điều búa rìu sấm sét đi nữa, thì cũng không cần ». Cô gái bèn tính việc cùng nhau đi trốn, bảo chàng hãy về trước một mình, hẹn sẽ gặp nhau ở đất Lạc.

Chàng sửa soạn hành trang, định bụng về trước rồi sau sẽ rước nàng. Nhưng vừa tới nơi, thì xe chở nữ lang đi đã đến cửa tự bao giờ. Bước lên nhà

lớn đề chào người trong nhà, bốn bên hàng xóm đều lấy làm lạ mà chào mừng, chớ tính không đề rằng chàng đã đánh cắp nàng chạy trốn về đây. Chàng thăm lo sợ nguy cơ đương chức, nàng thì lại hoàn toàn thản nhiên, bảo chàng rằng : « Không cần nói thiếp đã xa cố hương nghìn dặm, thì không thể nào người ta theo dõi được. Dẫu cho có ai biết việc của thiếp đi nữa, thì thiếp là con nhà thế gia, thiếp vẫn nghĩ rằng Trác-Vương - Tôn bỏ nhà theo Trường-Khanh vẫn không hệ gì kia mà ! »

Chàng có người em trai tên là Đại-Khí, mười bảy tuổi. Cô gái ngảnh nhìn y mà nói : « Chú ấy có huệ căn, tiền trình chắc hơn chàng nhiều ». Y thành hôn không bao lâu thì vợ y bỗng chết yểu.

Bấy giờ cô gái nói : « Con Ngọc-Bản, em của thiếp mà chàng đã từng nhìn trộm đó, gương mặt của nó không tệ

cho lắm, mà tuổi của hai bên cũng xứng với nhau ; nếu thành vợ chồng, thì có thể cho là giai ngẫu được ».



Chàng nghe mà cười, vui miệng xin nàng làm mai hộ. Cô gái nói : « Ý thiếp cũng muốn giúp cho như thế. Và công việc cũng không có gì là khó ». Chàng mừng rỡ hỏi nàng có mẹo gì hay. Đáp : « Con em nó với thiếp thân nhau lắm. Thì nay chỉ cần bắt hai con ngựa vào một chiếc xe nhẹ, cho một bà lão mất công chuyển đi, chuyển về, thế là xong việc ».

Chàng có ý lo mối tình e ấp trước kia lại nở, nên không dám nghe theo lời bàn tính ấy. Cô gái thì một mực bảo không hệ gì, bèn gọi xe, kêu bà Tang đi. Vài hôm đến đất Tào. Lúc gần đến

cổng làng, bà lão xuống xe, dặn người xà xích đỗ lại chờ ở bên đường, thừa đêm tối mà vào xóm, hồi lâu cùng với

cô gái đi ra, bước lên xe mà thương lộ. Trời tối thì nghỉ tại xe, canh năm lại đi.

Cát-Cân ở nhà tính nhằm ngày giờ, kêu Đại-Khí mặc thịnh phục đi đón. Độ năm mươi dặm đường (576^m × 50 : 28,800 km) thì gặp. Bèn cùng lên xe về. Kèn trống inh òi, nến hoa tung bùng, đôi lứa cùng nhau lạy mà làm lễ thành hôn.

Nhờ thế hai anh em đều được vợ đẹp, nhà cửa cũng nhờ vậy mà càng ngày càng thêm giàu có. Một hôm có bọn cướp độ mấy mươi người cỡi ngựa đến, bất thành linh xông vào cửa ngõ. Chàng biết là có biến, cả nhà bèn lên lầu. Bọn cướp sẵn vào từng dưới, chàng ở trên, nghiêng mình xuống hỏi : « Có thù gì không ? » Chúng đáp : « Không thù. Mà chỉ muốn yêu cầu có hai điều : một là nghe đồn hai phu nhân là người đẹp thế gian chưa từng có, xin cho xem một bận ; hai là chúng tôi tất cả 58 người, mỗi người xin năm trăm lượng vàng ». Vừa nói, họ vừa tìm củi gom lại dưới chân lầu, định dùng kế phóng hỏa để uy hiếp. Trước đó chủ nhân đã chịu thuận theo lời xin vàng, nhưng bọn cướp không thỏa mãn, lại muốn đốt lầu. Người trong nhà sợ hãi vô cùng.

Cát-Cân muốn cùng Ngọc Bản xuống lầu, ai ngăn cũng không nghe, ăn mặc cực kỳ lộng lẫy, ung dung bước xuống thang gác. Chưa được ba bậc, bèn hướng về bọn cướp mà nói : « Hai chị em chúng tôi đều là tiên nữ, tạm xuống cõi trần thế, có sợ gì trộm cướp. Chúng tôi vẫn muốn biếu mỗi người muôn lượng vàng, chỉ e các bác không dám thọ lãnh đấy

thôi chứ ». Bọn cướp nghe thế nhất tề vái lạy, cùng trả lời là chẳng dám.

Hai chị em muốn lui gót, thì một tên kẻ cướp bỗng nói : « Gạt thiên hạ ». Cát-Cân nghe thế bèn quay lại đứng mãi đó, nói rằng : « Ý các bác muốn làm gì, nên sớm nói ra, cũng chưa muộn gì đó ». Bọn cướp nhìn nhau, lặng thinh không một tiếng nào. Hai chị em mới thung dung trở lên lầu, bọn cướp ngàng trông theo, thấy vụt biến đâu mất, mới ồn ào rút lui.

Hai năm sau chị em mỗi người sanh một đứa con, bấy giờ mới dần dần nói cho người nhà biết mình họ Ngụy, và mẹ mình là Tào quốc phu nhân. Chàng ngờ đất Tào không có nhà nào họ Ngụy cả ; vả lại, một họ trọng vọng như thế mà mất đi hai người con gái, thì lẽ đâu lại đành bỏ mặc không hỏi thăm tin tức. Tuy chàng chẳng dám can vãn, nhưng bụng vẫn thăm ngờ vực, bèn tìm có lại sang Tào-châu. Vào địa phận làng, đón hỏi dò la, thì bao nhiêu thế tộc tuyệt không có họ Ngụy.

Bấy giờ chàng lần mò đến trọ ở nhà người chủ cũ năm xưa, chợt thấy trên vách có dán bài thi « Tặng Tào quốc phu nhân » rất lấy làm quái dị. Bèn hỏi chủ nhân thì người nầy chỉ cười, và mời đi xem cho biết mặt Tào phu nhân. Đến nơi thì té ra là một gốc mẫu đơn, cao bằng mép mái hiên. Chàng hỏi tên kia do đâu mà ra, thì chủ nhà nói giống hoa ấy đứng vào bậc nhất ở đất Tào, nên đồng nhân mới đùa bỡn mà phong tặng như thế. Hỏi giống ấy là giống nào thì đáp là giống Cát-Cân, hoa màu tím.

Lòng chàng càng thêm sợ hãi, bèn đâm nghi nàng là hoa yêu.

Trở về nhà, chàng không dám gặng hỏi gì thêm, chỉ lược thuật việc bài thi « Tặng phu nhân » để thử dò ý xem sao. Thì nàng vụt biến sắc, lật đặt bước ra khỏi cửa, gọi Ngọc-Bản ôm con lại, rồi nói với chàng rằng : « Ba năm trước, thiếp cảm vì chàng có lòng đoái tưởng, nên mới mượn thân này để báo đáp. Nay chàng đã đem dạ hoài nghi, thì làm sao còn đoàn tụ được nữa ». Rồi cùng với Ngọc-Bản, ôm con giờ lên mà ném mạnh đằng xa. Hai đứa bé rơi xuống đất liền biến đâu mất. Chàng hoảng hồn ngảnh nhìn ra, thì không còn thấy tâm dạng hai nàng đâu nữa cả. Chàng hối hận vô cùng.

Mấy hôm sau chỗ hai đứa bé rơi, nảy ra hai cây mẫu đơn, chỉ qua có một đêm, mà đã mọc lên cao chừng ba tấc, và nội năm đó là trở hoa, một cây hoa tía, còn một cây hoa trắng, đóa nào đóa ấy lớn bằng cái đĩa, so với những thứ cát cân, ngọc bản tầm thường, thì cánh hoa mảnh hơn, mịn hơn nhiều. Vài năm sau cành lá rườm rà thành bụi rậm. Đem chiết ra trồng nơi nào, thì lại biến thành một giống khác hẳn, không thể nào định được tên giống, kể từ đó, mẫu đơn có nhiều thứ đẹp tuyệt, quả không đâu bằng đất Lạc.

BỒ-TÙNG-LINH

(Bản dịch của Cô-Kiều-Yên).

Vì đâu vua Thuấn trở nên vua Thuấn?

Khổng-tử nói : « Vua Thuấn phải chăng là bậc đại tri ? Ngài tra hỏi ý kiến người này người nọ, mà ngài còn tra xem xét những lời sát với thực tế. Nếu là điều xấu, điều sai thì ngài che giấu đi, nếu là điều hay, điều phải thì ngài công bố cho mọi người biết. Đối với những điều hay điều phải, ngài nắm giữ hai đầu (thái quá và bất cập), rồi lấy cái trung (ở giữa) mà thi hành cho dân. Chính những điều đó đã khiến ngài trở nên vua Thuấn chăng ? »

TRUNG-DUNG

☆ Lo trước khi thiên hạ lo ; vui sau khi thiên hạ vui,
PHẠM-TRỌNG-YÊM

☆ Tâm sự người trượng phu, nên sáng như trời xanh, rõ như ban ngày, để cho mọi người đều được trông thấy.

TIẾT-HUYỀN

Sách mới

Chúng tôi vừa nhận được :

— « **NGÕ HẸP** » của Nguyễn-ái-Lữ do nhà xuất bản **TIN VẤN** phát hành và gửi tặng, gồm năm truyện ngắn : Ngõ hẹp, Đất mới, Hương lan, Người đẹp năm xưa, Đào, Những giòong nhật ký, Sao sáng nửa đêm, dày 106 trang giá 25 \$.

— « **Chữ Việt Cải cách** » của Nguyễn-Nhiên do « **Con đường mới** » xuất bản và do tác giả gửi tặng, giá 25\$

Trân trọng cảm ơn nhà xuất bản và tác giả. Xin ân cần giới thiệu cùng đọc giả thân mến.



Nguyên văn chữ Hán của LÝ-BẠCH

HẠ CHUNG NAM SAN NGỘ HỌC-TY SAN NHÂN TÚC TRÍ TỬU

Mộ tùng bách san hạ,
San nguyệt tùy nhân quy.
Khước cổ sở lai kính,
Thương thương hoành thúy vi.
Tương huê cặp điền gia,
Đồng trí khai kính phi.
Lục trúc nhập u kinh,
Thanh la phật hành y.
Hoan ngôn đắc sở bá,
Mỹ tửu liêu cộng huy.
Trường ca ngâm lòng phong,
Khúc tân hà tính hi.
Ngã túy quân phục lạc,
Đào nhiên cộng vong kì...



CHIỀU XUỐNG NÚI NAM GẶP HỌC TY Ở NÚI MỜI VỀ NHÀ NGHỈ VÀ THẾT RƯỢU

*Chiều từ non biểc xuống,
Trăng núi theo người về.
Ngoảnh trông lối đi trước,
Lườn núi nằm xanh rì.
Đắt nhau tới nhà xóm,
Đàn trẻ mở cổng tre.
Lối vào xen trúc biểc,
Cỏ xanh quệt áo đi.
Cười vui được chỗ nghỉ,
Rượu ngon cùng chén li.
Cất khúc tùng phong hát,
Dứt tiếng, sao thưa khuya.
Ta say bạn càng thú,
Truyện đời chẳng nhớ chi...*

Phân giải thích.— Giữa lúc mặt trời đã xế chiều, ta từ ở trên ngọn núi xanh biểc lần đi trở xuống, rồi từ từ có bóng trăng ngân theo ta cùng đi.

Quay đầu nhìn lại lối vừa qua, thì chỉ thấy cái sườn núi lúc nãy vẫn xanh xanh nằm ngang ở phía sau mình.

May thay chợt gặp được một ông trong họ Học-Ty là người ở núi đó, mời ta và dắt tay ta cùng về nhà ở trong xóm núi; khi tới nơi thì có lũ trẻ ra mở cổng tre để mời vào.

Hai bên lối đi vào trong nhà, thấy những cây rườm rà xanh tốt, lại thêm những cỏ lá um tùm hai bên vương cả vào tà áo phơ phất đương đi.

Khi vào tới trong nhà, hai người cùng vui cười trò chuyện, mừng được có nơi nghỉ ngơi yên tĩnh trong một đêm nay; rồi chủ nhân đem rượu ngon ra cùng ta nâng chén cùng uống.

Đoạn rồi cùng nhau đem bài ca Tùng-phong ngâm nga ca hát, cho đến lúc vừa hết khúc ca thì sao đã thưa dần tỏ ra trời đã khuya khuất.

Sau khi tan tiệc, ta cố đáng say sưa chênh choáng, khiến cho chủ nhân càng thêm vui thú trong tâm, mà cũng quên bẵng các việc ở trong trần thế thường ngày.

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « **HERMÈS** »



ĐÃ RÈ LẠI TỐT — BÁN ST VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYEN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT
(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :
2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON
Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.
Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

KHOÍ LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)



LƯỢC DẪN

Vì ở Bắc-Kinh xảy ra cuộc loạn Nghĩa-Hòa-đoàn, tức Quyền-phỉ, mà ông Diêu-Tu-An, một phú-thương, phải đem gia-quyển về quê nhà ở Hàng-Châu để lánh nạn.

Chẳng may, giữa đường, người con gái lớn của ông là Mộc-Lan bị thất lạc và lọt vào tay phường bán thịt, buồn người, trên Vạn-hà. Ông và người nhà đã ra công tìm kiếm cô, mà không ra tông tích.

Cũng là duyên trời dun-dúi nên ông Tăng-văn-Phác, một cố hữu của Diêu-gia tìm được thấy cô và chuộc cô về. Nhân ông Tăng cũng đem gia-dinh về thăm quê nhà, ông đưa Mộc-Lan về Thái-an, sau khi báo tin mừng cho Diêu-gia rõ.

Sau một thời gian, Diêu-tiên-sinh đích thân sang đón con về, nhưng, trước khi về Kinh, Diêu-tiên-sinh bắt cô con gái ông bà Tăng-Văn-Phác làm ký-phụ, ký-mẫu. Hai gia đình Diêu, Tăng, trở nên thân mật hơn xưa, vì cụ Tờ-mẫu tức thân mẫu ông Tăng, có ngờ ý muốn xin Mộc-Lan cho cậu Tân-A, người con trai út của họ Tăng.

Cuộc loạn-lạc đã yên. Hai cha con cô Mộc-Lan trở về Bắc-Kinh. Ít lâu sau thì cả gia quyến họ Diêu lại đoàn tụ ở chốn Kinh-sư, mà Tăng-tiên-sinh cũng đem vợ con lên đó, để trụ-chức.

Mối giao tình giữa hai nhà Diêu, Tăng, đã khăng khít, lại càng thêm khăng khít.

Nào ngờ đâu, Bán-A người con trưởng bên Tăng gia bỗng lâm trọng bệnh. Theo một tục lệ cổ hữu và nhân Bán-A đã đính hôn với Man Ny, nên Tăng gia mời thầy mầu nắn và nắn lại Kinh, làm lễ cưới « Xung Hỉ », để họa may, có cứu được bệnh nhân chăng. Vậy, trong các hồi dưới đây, hai mẫu, nữ Man Ny, lần đầu tiên, đặt chân lên đất Thần kinh và sau đó, Bán A và Man Ny thành hôn, mặc dầu cậu còn ngọa bệnh.

Quế-Cô xem ý ra Man-Ni, lòng đã xiêu xiêu, nên cô nói tiếp : « Cô cứ nói thật cho em nghe có sao cô nói vậy, em nghe chưa ? Cả nhà họ Tăng đương đề tất cả hy vọng vào em, hiện giờ chỉ còn có em có thể cứu được tính mệnh cho Bán-a... Ai cũng tin rằng hễ Bán-

a được trông thấy mặt em, là bao nhiêu bệnh tật, bao nhiêu thống khổ sẽ tiêu tan đi hết, em đã nghe rõ chưa ? »

Man-Ni lại thấy gương, thấy then quá, không dám ngẩng đầu lên nữa, và dơ hai bàn tay ôm kín lấy mặt. Quế-Cô ở phía sau Man-

Ni liền ngồi xuống, rẽ rột, rẽ vào tai nàng: « Em ạ, cô cũng hiểu là em không thể nào không thẹn, không ngượng, cô hiểu lắm chứ, nhưng, em ạ, em với Bàn-Kha có phải là người xa lạ gì đâu, cả đời chẳng đã từ khi còn thơ dại chung sống với nhau mãi mãi cho tới khi cùng trưởng thành là gì? Chắc Man-Ni cũng phải nhớ rằng hai người chẳng là biểu huynh, biểu muội hay sao? Ấy thế mà, hiện thời Bàn-Kha của em đương yếu nặng và ngày, đêm, mong được thấy mặt em, vậy thì có thiết tưởng lúc này không phải là lúc em cứ bo bo giữ lấy những truyền tục, cùng lễ nghi; lúc này không phải là lúc được e dè, thẹn thò, em đã nghe chưa? »

Man-Ni quay hẳn đầu lại, hai mắt tràn trề những châu lệ.

« Nhưng cô ạ, hai chúng em chưa thành hôn thì cô bảo em làm thế nào mà sẵn sàng cho anh ấy được,... mà, cho dẫu em có muốn hết lòng vì anh ấy, em cũng không biết làm thế nào, khó quá cơ, cô ạ! »

Quế-Cô nghe thủng mấy lời đó thì vụt hiểu ngay rằng: không phải Man-Ni chỉ có mỗi một ý định là đến thăm Bàn-a và để cho đôi bên gặp mặt nhau mà thôi. Man-Ni muốn được thân hành phục thị Bàn-a kia!

Biết như vậy, Quế-Cô liền đáp: « Không, em ạ, hiện thời, Bàn-Kha, hình như chỉ ước ao được trông thấy em và chuyện trò với em thôi; cứ như vậy, mà nhờ trời, Bàn-Kha

khỏi được, thì thật là đại hồng phúc và Tăng-gia cũng đã mang ân em không biết đâu mà kể.... nhưng..... nhưng, nói thì dễ dàng như vậy thật đấy, nhưng, đối với thực tế, quả cũng có điều không tiện thật.... Ấy, chính, tối hôm qua, thái thái cũng có bàn bạc mãi với cô về việc này để cố tìm lấy một giải pháp.... Cứ kể ra, nếu em và Bàn-Kha đã làm lễ cưới rồi, thì các việc không còn có một tí, một li trở ngại nào nữa. Em có thể trông nom cho Bàn-Kha suốt cả ngày, từ sáng đến chiều, đến tối, đến đêm, cũng không sao, cũng không ai dám nói ra, nói vào, hay bàn tán một mảy may gì.... Vả lại, như hiện tình, mỗi khi em đến thăm Bàn-Kha thì cả nhà sẽ có mặt ở đó, như vậy, còn lấy đâu là thân cận, là cảm tình nữa.

Man-Ni lắng tai, chú ý nghe Quế-Cô nói. Quế-Cô lại tiếp: « Man-Ni ạ, chính cái lúc đánh điện cho em là cả nhà có ý định để em lên để cử hành hôn lễ, theo tục lệ làm lễ « xung lữ » kia đấy, bởi vậy mới mời cả thân mẫu của em lên luôn thể. Nhưng, chẳng may, hiện giờ, Bàn-a lại mệt nhiều hơn, cả nhà bàn đi, tính lại mãi... và chỉ lo rằng nhờ ra tương lai không được tốt lành, nên không nỡ đành lòng mà làm một việc trái với lương tâm, vả em thì mới có một tí tuổi đầu, thiết không ai đang tâm nài, ép.... »

Man-Ni nghe tới đó, không tri nghĩ, do dự một giây nào, mà nói

ngay : « chết chửa, cô ơi ! Nếu, chẳng may, có việc bất hạnh xảy đến, không lẽ em lại còn đi đình hôn với một người nào khác nữa hay sao ! Tăng gia, đối với gia đình em như thế nào, nếu em không nhớ mà báo đền ngàn ấy ân nghĩa, thì em không phải là người !... » Nói đến đó Man-Ni chính sắc lại, và bằng một giọng nghiêm chỉnh, đoan trang, dừng được, nói với Quế-Cô : « Thưa cô, em xin bộc bạch hết chân tình với cô ; em, sống là người nhà họ Tăng ; chết, em sẽ là ma nhà họ Tăng ! »

Đó là một lời nói giản minh, nghiêm chỉnh và thành thực ; nó biểu lộ sự tận tụy hy sinh của một tấm lòng tuy thơ ngây, nhưng đầy dũng cảm ; nó đã xuất tự đáy lòng mà thốt ra, không đắn đo, không suy bì, tính toán ; nó là một lời đáng được ghi vào vàng, khắc vào đá ; nó đưa một người ở chỗ tầm thường lên tới cái đài thánh khiết, trung trinh, tiết liệt vậy !

Quế-Cô, rất đổi cảm động, nói : « Em ạ, chính cô, cô cũng yên trí rằng thế nào em cũng ưng thuận... Tất cả nhà đều hy vọng rằng, sau khi làm lễ xung hỉ, Bà-a sẽ vui vẻ, tâm tình sẽ được cởi mở, mà bệnh hoạn sẽ tiêu tan đi hết ! Trước khi được biết ý của em, song thân của Bà-a chỉ luôn luôn nghĩ đến tương lai của em mà không nhớ... nói tóm lại, ai cũng đồng ý rằng, nếu tự em, em nguyện ý thì mới dám thi hành

cái lễ đó. Quả thiệt, ngoài cách ấy ra, không còn có cách nào hơn nữa. Bởi vậy, cả nhà cứ phân vân, trừ trừ không dám quả quyết.

« Không những làm lễ xung hỉ mà thôi, nếu cần bất cứ việc gì mà có thể làm cho Bà-kha khỏi được bệnh, em cũng xin vàng và sẵn sàng làm theo ».

Man-Ni vừa nuốt nước mắt, vừa nói tiếp : « Vạn-nhật, có xảy tới việc chẳng lành, thì em chỉ có một con đường duy nhất, là thế phát đi đầu cửa không !... »

« Ấy chết ! Sao em lại nghĩ đến những sự đen tối đó làm gì. Việc cũng chưa đến nỗi nào mà. Dầu sao đi nữa, ba, má, cũng không đòi nào bỏ em ; thế rồi, còn thân mẫu của em đó, không ai đành lòng để cho em đi đâu hết. Vả chẳng, một khi em đã là người nhà họ Tăng, thì vận mệnh của em sẽ chiếu theo vận mệnh của Tăng-gia. Cả nhà, ai cũng hết lòng mong đợi mọi sự tốt lành. Biết đâu, sang năm, lão gia và thái thái, lại chẳng có cháu hồng hay sao ? Lúc đó, tất cả nhà sẽ tha hồ mà ăn trứng đỏ ! »

« Đấy ! Đấy ! Cô lại chế giễu em rồi, em « chả » chơi với cô nữa đâu... » Man-Ni nói xong, thì đứng dậy và quay người lại.

Hương-Vi đã đứng ở cửa mà thưa vào rằng : « Nhị thiếu gia và tam thiếu gia xin vào chào tiểu thư Man-Ni.

Quế-Cô ghé vào tai Man-Ni, bảo nàng mau mau, lau những ngón lệ đi, Quế-Cô nói : « Đó là lỗi tại nơi cô, cô đã làm em đỏ cả mí mắt ; không nên để cho hai cái gã « quỷ sống » đó họ nhận thấy, thứ nhất Tân-A, nó rất là trâng tráo... vói lại, tuy thế, chúng còn tình trẻ con cả. »

Man-Ni liền nhòm vào tấm gương, lau sạch ngón nước mắt. Quế-Cô bảo Hương-Vi ra dẫn Khâm-A và Tân-A vào gian phòng giữa, chỗ vẫn để tiếp khách. Quế-Cô lại sức nhờ ra và nói cho Man-Ni biết rằng Mộc-Lan đã có sai người nhà sang hỏi xem bao giờ thì Man-Ni tới nơi. Như vậy có lẽ tối nay phải báo tin Man-Ni đã tới cho Mộc-Lan rõ.

Man-Ni còn đương thoa lại một tí phấn, và trong khi ấy nàng nghĩ thầm rằng : cả cái ngày hôm nay, nàng đã trải qua một giấc mộng, thì vừa nghe thấy Tân-A ở phía bên phòng khách nói vọng sang :

« Chị Man-Ni à ! Chúng tôi xin đến để đón chào cái vị « thiên tiên » đã giáng lâm, ấy thế mà, vị thiên tiên lại còn đương thì đánh phấn!.. »

Ở trong gương, Man-Ni trông thấy rõ Tân-A đương đứng sừng sững ở cửa phòng.

Quế-Cô liền trách bị Tân-A rằng :

« Á, á, ai lại « chú em » dám ngang nhiên, đứng nhìn trộm vào khuê phòng của tâu tâu, có đi ra

ngay phòng khách mà ngồi đợi, không có, tôi sẽ bảo Man-Ni không tiếp kiến các chú nữa đâu, nhé ! »

Tuy Man-Ni vốn vẫn rút rút, nhưng, hôm nay, nàng hơi bị khích động, nên tim nàng đập rất mạnh trong lồng ngực. Chợt khi nghe thấy tiếng nói của Tân-A, thì nàng thấy rất đôi khoái tai, và nàng hồi tưởng lại, bốn năm về trước đây, nàng đã cùng với Mộc-Lan chung sống trong một thời kỳ thực là vui tươi, hoan lạc.

Khi Man-Ni ở bên buồng bước sang phòng khách, mặt đầy tiêu dung, Khâm-A và Tân-A chỉ trông thấy cặp mắt lầy của nàng đương thiền động ở sau hàng mi, vừa dài, vừa cong ; nàng đi đứng một cách rất là ôn nhã và đoan phượng. Hai anh em vội vàng đứng lên thì lễ.

(còn tiếp)

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

CÁC NHÀ GIÁO DỤC !
PHỤ HUYNH HỌC SINH !

Nên xem

ĐẶC-SAN « HÈ ».

(Số đặc biệt của tạp chí « **Thăng-tiến** » Cơ quan Văn hóa của Hiệu đoàn TÂN-THỊNH) để có tài liệu suy xét về vấn đề giáo dục con em.

Ở xa xin gởi 12\$ bạc tem cho :
Ô. **Phan-Ngô**. Trường TÂN-THỊNH
2-8 Đinh-Công-Tráng.

Tân-định Sài-gòn.

HAI CUỘC THI VĂN-CHƯƠNG « TINH-VIỆT » 1958

I. — MỤC ĐÍCH VÀ TÍNH CHẤT CUỘC THI.

Tinh-Việt Văn-Đoàn tổ chức trong năm 1958 hai cuộc thi văn chương để tuyên dương và trọng thưởng những tác phẩm giá trị nhất viết bằng Việt-Ngữ, có tính chất phát triển toàn diện con người, đề cao quyền tối thượng của Tinh thần, phát huy đức hạnh truyền thống của dân Việt, xây dựng Thiện ích cộng đồng và tinh Đoàn kết tương thân giữa Nhân loại.

II. — CÁC GIẢI THƯỞNG.

Các cuộc thi này có giải thưởng mang danh hai nhà bác học Việt-Nam và Quốc-lê :

A) Giải thưởng TRƯƠNG-VĨNH-KÝ.

Đề tưởng thưởng một văn phẩm xuất sắc nhất thuộc loại tiểu thuyết sáng tác.

B) Giải thưởng LECOMTE DU NOUY.

Đề tưởng thưởng một văn phẩm xuất sắc nhất thuộc loại khảo luận (luận thuyết, khảo cứu, phê bình...)

Mỗi giải thưởng định là hai mươi ngàn đồng (20.000\$)

III. — THẺ LỆ CUỘC THI.

1) Các tác phẩm dự thi phải viết bằng Việt-ngữ, phải hợp với một hay tất cả các nguyên tắc kể trên, chưa xuất bản, hoặc chưa đăng báo đến hết hai phần ba tác phẩm, hoặc mới chỉ xuất bản sau ngày 1 tháng giêng dương lịch 1953.

2) Sách dự thi phải gởi 5 (năm bản), số trang tối thiểu định như sau :

	Loại tiểu thuyết	Loại khảo cứu
a) Nếu sách in rời	150 trang	100 trang
b) Nếu đánh máy (Cách dòng đôi)	120 trang	80 trang
c) Nếu viết tay	160 trang	110 trang

(Đánh máy hay viết tay, dùng khổ giấy 21 x 27 hay tương đương, viết một mặt).

3) Mỗi người có thể gửi một hay nhiều tác phẩm để dự thi một hay cả hai cuộc thi.

4) Tác phẩm phải gửi đến Văn phòng Tinh-Việt Văn-Đoàn số 250/4 đường Hai Bà Trưng Saigon trước ngày 31-12-1958.

Kết quả cuộc thi sẽ công bố trong mùa xuân 1959.

5) Nếu không tác phẩm nào được trúng giải, số tiền sẽ chia thành nhiều giải khuyến khích (mỗi giải 10.000 đồng) để thưởng những tác phẩm đáng khuyến khích nhất.

6) Ngành xuất bản của Tinh-Việt Văn-Đoàn sẵn lòng đứng xuất bản hoặc tái bản các sách được trúng giải sau khi đã thỏa thuận với tác giả về quyền tác giả.

7) Đoàn viên thực thụ của Tinh-Việt Văn-Đoàn cũng như Quý vị trong ban Chấm thi không dự thi.

IV. — BAN GIÁM KHẢO.

Ban Giám khảo gồm những nhà văn, nhân sĩ và trí thức nổi tiếng, trong đó có : Linh mục Bửu-Dưỡng, các Ông Nguyễn-dăng-Thục, Trương - Công - Cửu, Thái-Văn-Kiểm Phạm-Đình-Tàn (danh sách đầy đủ sẽ công bố sau).

Saigon, ngày 8 tháng 5 năm 1958

TINH-VIỆT VĂN-ĐOÀN

250/4 Hai Bà Trưng Saigon, Đ. T. Saigon 646

Văn-Hóa Ngày Nay

do Nhất-Linh chủ trương

Đã nộp đơn xin ra dưới hình thức một tuần báo, nhưng sau mấy tháng chưa được phép, sợ các độc giả mong chờ nên chúng tôi dự định cho ra thành từng tập, kiểu « Loại Giai-Phẩm ». Trong loại này, chúng tôi sẽ đăng và lần lượt đăng :

Truyện dài của Nhất-Linh : XÓM CẦU MỚI, trường giang tiểu thuyết, trong đó gồm bảy, tám truyện dài : CÔ MÙI — NGƯỜI CHIẾN SĨ — NHÀ MẸ LÊ — NGƯỜI SÁT NHÂN — CẬU ẤM — ÔNG NĂM BỤNG v. v. . .

Ký-sự của Nhất-Linh : ĐỜI LÀM BÁO — ĐỜI TU TIỀN (loại vui) — ĐỜI KIEM LAN — NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA HOÀNG ĐẠO.

Sách khảo-luận của Nhất-Linh : VIẾT VÀ ĐỌC TIỂU THUYẾT.

Sách dịch của Nhất-Linh : ĐỈNH GIÓ HÚ (Wuthering Heights của E. Brontë).

Tất cả các tác phẩm của Nhất-Linh kể trên đều chưa xuất bản lần nào.

VĂN-HÓA NGÀY NAY được thêm sự cộng tác của :

- **ĐỖ-ĐỨC-THU** trong Tự-Lực Văn-Đoàn (truyện ngắn)
- **NGUYỄN-THỊ-VINH** (truyện ngắn và truyện dài)
- **LINH-BAO** (truyện dài)
- **DUY-LAM** (truyện ngắn)
- **TƯỜNG-HÙNG** (truyện ngắn)
- **BẢO-SƠN** (truyện dịch)
- **NGUYỄN-THÀNH-VINH** (nghiên cứu và khảo-luận)
- **BÌNH-NGUYỄN-LỘC** (tiểu thuyết)

Ngoài việc đăng các bài sáng tác còn đăng lại dần dần hai tập báo PHONG-HÓA, NGÀY NAY (bỏ những bài có tính chất thời sự và chỉ chọn những bài còn giá trị đối với thời nay) để các độc-giả cũ thưởng thức lại, để các bạn trẻ được biết về một giai đoạn văn hóa đã qua, để giữ lại làm tài liệu nghiên cứu (tài liệu này sau mười mấy năm ly loạn rất khó kiếm)

VĂN-HÓA NGÀY NAY rất mong đợi sự giúp sức của các bạn yêu văn hóa khắp nơi để cùng chung xây đắp một nền văn hóa tốt đẹp và nhiều màu sắc cho nước Việt-Nam yêu quý của chúng ta.

Vậy ngay từ bây giờ xin các bạn gửi cho các bài đủ loại về văn hóa : truyện dài và ngắn, truyện vui, truyện dịch, thơ, kịch, các bài khảo cứu, các giai thoại, tranh khôi hài v.v. . .

Bài vở xin gửi về tòa soạn « VĂN-HÓA NGÀY NAY » số 337/3 đường Phan-Thanh-Giản — Sài-gòn.

(Các bạn nào giữ được báo PHONG-HÓA, hoặc trọn tập, hoặc lẻ tẻ ít nhiều số, xin viết thư về cho biết, rất đa tạ).

EXPORTATION

Caoutchouc, Crêpe semelle
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S. A.

Société au Capital de VN\$. 5.000.000

Siège Social :

7, *Bến Chương Dương* — Saigon

Boîte postale 46

Téléphone : 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION
REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16^e

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH ET WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O.B.E.P.I.C. ANVERS

HECHT LEVIS ET KAHN DIVISION OF RUBBER

CORPORATION OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, *đường Tự-Do* — SAIGON

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 4.400.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlauev Preah Kossamac


***Chi - nhánh thành-lập tại các
nước Viễn-Đông***


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

91020709

AIR LAOS

SIEGE SOCIAL VIENTIANE

VIENTIANE — BANGKOK

Départ tous les Mardis, Jeudis, Samedis
Retour tous les Mardis, Jeudis, Samedis

VIENTIANE — HONGKONG

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — PHNOM-PENH

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — SIEM-REAP

Circuit touristique «Week End à ANGKOR»
Départ tous les Samedis
Retour tous les Lundis

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur STRATOLINER Jeudi et Samedi
Fauteuils Inclinables Hôtesse et Steward à bord

par Douglas DC 3 Mardi et Dimanche

VIENTIANE — XIENG-KHOANG VILLE	Quotidien
— PHONG SAVANH	Quotidien
— LUANG PRABANG	Tous les Lundis, Mercredis, Jeudis, Vendredis
— LUANG NAMTHA MUONG SING	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— MUONG SAI	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— THAKHET SAMNEUA	Tous les Lundis, Vendredis Tous les Mardis, Jeudis, Samedis



Vappo

1958

Ráp tại Việt-Nam

TÔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN - THẮT - ĐAM

(ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 - B.P. 49

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*

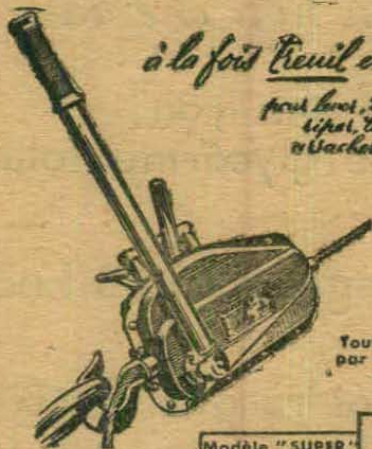
(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois travail et plaisir!

pour levet, l'ital
l'ital, l'enelle
de l'achet de...

Toutes forces
par moulage
facile



Modèle "SUPER"
Universel.
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs

Modèle "MINES"
(Traction seule)
Forces : 1500 et 3000 kg
Poids : 18 et 21 kgs

6
avantages du
TIRFOR
(B' S. G. D. G.)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés.

*Unfor rend
1000 services!
Demandez-nous la
brochure.*

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài-gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

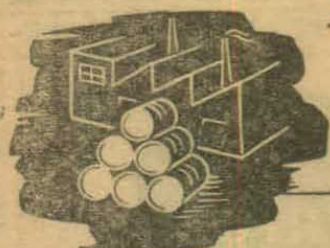
DF - EF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



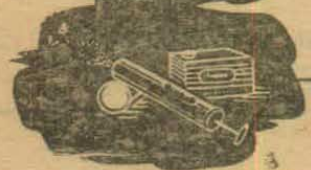
→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng

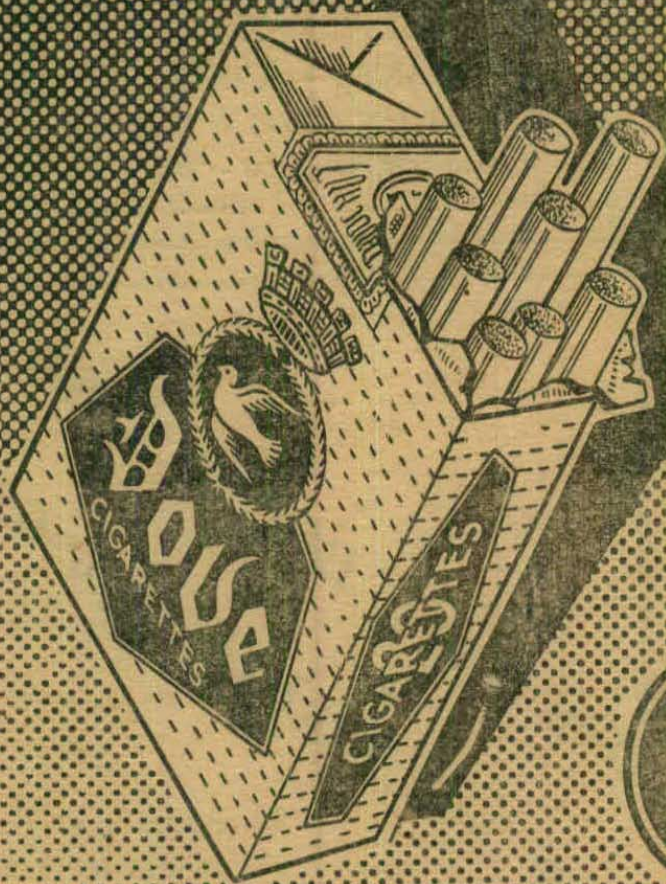


→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

Dove



15⁸

Thuốc thơm hảo hạng

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAM ATAVE ABIDJAN DOUALA



Đừng Hộp Quẹt BLUE BIRD
phụng-sự nền kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Văn-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON
29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới



Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoái Quốc - Gia Việt - Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

TẠP CHÍ BÁCH - KHOA

XUẤT BẢN MỖI THÁNG HAI LẦN

DIỄN ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA THIẾT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA,
XÃ HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHỈ
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHÁI
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-QUANG-LỆ
TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG-KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VÕ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG-MINH-TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10\$00